

THƯ MỜI

Tham dự Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ III (2018-2023)

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Xi măng La Tiên VVMI

- Căn cứ luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xi măng La Tiên VVMI;

- Căn cứ quyết định số 06/QĐ-HĐQT ngày 26 tháng 02 năm 2018 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xi măng La Tiên VVMI về việc triệu tập tổ chức Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ III (2018-2023) của Công ty Cổ phần Xi măng La Tiên VVMI;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xi măng La Tiên VVMI kính mời Quý vị Cổ đông về tham dự Đại hội đồng cổ đông như sau:

*** Thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội:**

+ Thời gian: *Từ 07h30" đến 12h00" ngày 05 tháng 4 năm 2018*

+ Địa điểm: Trụ sở Công ty Cổ phần Xi măng La Tiên VVMI - Xóm Cây Bòng, xã La Tiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

*** Thành phần tham dự:**

- Các thành viên HĐQT và BKS Công ty.

- Tất cả các cổ đông có tên trong danh sách cổ đông chốt ngày 19/3/2018 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

- Trường hợp cổ đông không thể tham dự có thể ủy quyền cho người đại diện tham dự theo mẫu của Công ty.

*** Nội dung Đại hội:**

- Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 và phương hướng nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh nhiệm kỳ III (2018-2023);

- Thông qua báo cáo tài chính năm 2017;

- Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ II (2013-2018) và hoạt động nhiệm kỳ III (2018-2023);

- Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động của Công ty nhiệm kỳ II (2013-2018) và hoạt động nhiệm kỳ III (2018-2023);

- Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2017;

- Lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018;
- Quyết toán thù lao HĐQT, BKS, thư ký HĐQT năm 2017, kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS, thư ký HĐQT năm 2018;
- Bầu thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ III (2018 - 2023);
- Sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI;
- Thông qua Quy chế quản trị nội bộ Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI;
- Các vấn đề quan trọng khác liên quan đến thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

* **Tài liệu Đại hội:** Được đăng tải trên Website của Công ty tại địa chỉ: [Http://www.ximanglahien.com.vn](http://www.ximanglahien.com.vn) và được phát tại Đại hội.

* **Đăng ký, tiếp nhận thông tin và các vấn đề khác:**

- Cổ đông tham dự hay ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội đề nghị đăng ký theo **Giấy xác nhận tham dự/ ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên** (theo mẫu đính kèm).

- Để công tác chuẩn bị Đại hội được chu đáo, đề nghị Quý Cổ đông xác nhận về việc tham dự Đại hội hoặc ủy quyền gửi qua đường bưu điện hoặc fax, Email cho Công ty **trước 15 giờ 30 phút, ngày 03 tháng 4 năm 2018.**

Điện thoại: 02083 829154 - 02083 829156; Fax: 02083 829056

Email: trunghop.khvt@gmail.com - Di động: 0912162143

- Cổ đông đến tham dự xin mang theo CMND/căn cước hoặc hộ chiếu và giấy ủy quyền (trường hợp được ủy quyền).

Trân trọng kính mời!

Nơi nhận:

- UBCKNN (B/c);
- SGDCK HN (B/c);
- Các cổ đông;
- Lưu HĐQT, VP.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch



Đỗ Huy Hùng



**CÔNG TY CỔ PHẦN
XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2018

**GIẤY XÁC NHẬN
THAM DỰ / ỦY QUYỀN THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
NHIỆM KỲ III (2018-2023)**

Kính gửi: HĐQT CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

Họ và tên:

Số CMND:..... cấp ngày:..... tại:

Là cổ đông (hoặc đại diện pháp nhân của cổ đông):.....

Địa chỉ:.....

Số cổ phần sở hữu:CP, bằng chữ :.....

Căn cứ vào Thư mời tham dự Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ III (2018-2023) của Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI.

Tôi xin xác nhận việc tham dự như sau:

1. Trực tiếp tham dự

2. Ủy quyền cho Ông/Bà có tên dưới đây:

Họ và tên:

Số CMND: cấp ngày: Tại:

Chức vụ:

3. Hoặc ủy quyền cho:

+ Ông: Đỗ Huy Hùng Chủ tịch HĐQT

+ Ông: Nguyễn Văn Dũng Thành viên HĐQT

+ Bà: Lê Thị Thu Hiền Thành viên HĐQT

+ Ông: Phạm Mạnh Tiến Thành viên HĐQT

+ Ông: Trần Việt Cường Thành viên HĐQT

Được thay mặt tôi tham dự Đại hội cổ đông nhiệm kỳ III (2018-2023) của Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên và được quyền biểu quyết đối với các vấn đề thuộc nội dung của Đại hội.

Giấy ủy quyền này có hiệu lực từ ngày ký và chấm dứt hiệu lực khi công việc được hoàn tất.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI THAM DỰ/ ỦY QUYỀN
(Ký và ghi rõ họ tên)

Lưu ý: - Cổ đông điền đầy đủ họ tên, số CMND, nơi cấp và ngày cấp của người được ủy quyền.
- Cổ đông trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho người khác hoặc thành viên HĐQT của Công ty CP xi măng La Hiên, thì đánh dấu (x) vào ô tương ứng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVM



TÀI LIỆU ĐẠI HỘI
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NHIỆM KỲ III
(2018-2023)

Thái Nguyên, tháng 3 năm 2018

Thái Nguyên, ngày tháng 3 năm 2018

DỰ THẢO



CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NHIỆM KỶ III (2018-2023)

THỜI GIAN	NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH	NGƯỜI THỰC HIỆN
7h30-8h00	- Đón tiếp đại biểu, làm thủ tục xác nhận cổ đông	- Ban lễ tân - Ban kiểm tra tư cách cổ đông
8h00-8h10	- Chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu	- Ban tổ chức
8h10-8h20	- Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông, đại diện cổ đông	- Ban kiểm tra tư cách cổ đông
8h20-8h25	- Công bố chương trình Đại hội - Giới thiệu đoàn Chủ tịch.	- Ban tổ chức
8h25-9h10	- Khai mạc Đại hội; Chủ tịch đoàn chỉ định thư ký Đại hội; - Thông qua chương trình đại hội; Quy chế Đại hội, Quy chế bầu cử; - Hướng dẫn thể lệ biểu quyết thông qua các nội dung của Đại hội; - Báo cáo của Giám đốc về kết quả hoạt động SXKD nhiệm kỳ II (2013-2018) kế hoạch SXKD nhiệm kỳ III (2018-2023).	- Đoàn chủ tịch
9h10-9h30	Báo cáo của HĐQT về hoạt động của HĐQT Công ty nhiệm kỳ II (2013-2018) và phương hướng hoạt động nhiệm kỳ III (2018-2023).	- Đoàn chủ tịch
9h30-9h50	- Báo cáo của BKS về hoạt động của Công ty nhiệm kỳ II (2013-2018) và kế hoạch nhiệm kỳ III (2018-2023).	- Ban kiểm soát
9h50-10h20	- Tờ trình về việc bầu thành viên HĐQT; BKS nhiệm kỳ III (2018-2023). Đề cử, ứng cử...; Đề xuất tổ bầu cử; thực hiện bầu cử.	- Đoàn chủ tịch
10h20-10h30	Đại hội nghỉ giải lao	
10h30-11h50	- Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2017; - Tờ trình thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2017; - Tờ trình thông qua việc chi trả thù lao cho HĐQT, BKS, thư ký HĐQT năm 2017 và kế hoạch chi trả thù lao năm 2018; - Tờ trình thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018. - Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty Cổ phần Xi măng La Tiên VVMI. - Tờ trình phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Xi măng La Tiên VVMI.	- Đoàn chủ tịch
10h50-11h10	Đại hội thảo luận và biểu quyết thông qua các tờ trình	
11h10-11h30	- Thông qua kết quả kiểm phiếu, ra mắt thành viên HĐQT, BKS mới	- Ban bầu cử
11h30-11h50	- Thông qua dự thảo Biên bản Đại hội, Nghị quyết đại hội.	- Thư ký đại hội
11h50-12h00	- Bế mạc Đại hội.	- Đoàn chủ tịch

BAN TỔ CHỨC

Số:...../QC-ĐHĐCĐ.2018

Thái Nguyên, ngày.....tháng 3 năm 2018

Dự thảo



QUY CHẾ

TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NHIỆM KỲ III (2018-2023) CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

Căn cứ luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xi măng La Tiên VVMI;

Căn cứ quyết định số 06/QĐ-HĐQT ngày 26 tháng 02 năm 2018 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xi măng La Tiên VVMI về việc triệu tập tổ chức Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ III (2018-2023);

Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ III (2018-2023) Công ty Cổ phần Xi măng La Tiên VVMI ban hành Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ III (2018-2023) như sau:

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng, phạm vi áp dụng

1. Quy chế này quy định thể thức tổ chức đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ III (2018-2023) Công ty Cổ phần Xi măng La Tiên VVMI và quyền, nghĩa vụ của các cổ đông tham dự đại hội;

2. Các cổ đông của Công ty và các đối tượng tham dự đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định của Quy chế này.

Điều 2. Quyền của các cổ đông khi tham dự đại hội

1. Được trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho người đại diện tham dự đại hội và được phát biểu ý kiến đóng góp, biểu quyết các vấn đề được ghi trong nội dung chương trình của đại hội;

2. Được ban tổ chức đại hội gửi giấy mời họp kèm theo dự thảo quy chế đại hội, chương trình đại hội để nghiên cứu và góp ý trước bằng văn bản cho Ban tổ chức đại hội để tổng hợp, hoặc đề thảo luận trực tiếp tại đại hội;

3. Được phát thẻ biểu quyết với số phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông sở hữu hoặc đại diện (ví dụ thẻ biểu quyết

của đại biểu cổ đông được ghi là 10.000 cổ phần, tức là cổ đông đó có 10.000 phiếu biểu quyết);

4. Cổ đông đến dự đại hội muộn có quyền được đăng ký vào dự ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội, nhưng không có quyền tham gia và biểu quyết về những nội dung đã được đại hội thông qua trước đó khi cổ đông chưa có mặt (*hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng*).

Điều 3. Nghĩa vụ của các cổ đông khi tham dự đại hội

1. Tuân thủ các quy định tại Quy chế này;
2. Tôn trọng quyền điều hành của chủ tọa đại hội và tôn trọng kết quả biểu quyết của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ;
3. Tự chịu chi phí đi lại, ăn ở đề tham dự đại hội;
4. Mang theo giấy mời họp kèm theo giấy ủy quyền (*trong trường hợp được ủy quyền*) và giấy tờ tùy thân (*chứng minh thư nhân dân hoặc hộ chiếu*), trình cho ban kiểm tra tư cách cổ đông.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông và Ban kiểm phiếu

1. Ban kiểm tra tư cách cổ đông do Ban tổ chức đại hội thành lập, có trách nhiệm:
 - Lập danh sách cổ đông tham dự đại hội và niêm yết tại nơi diễn ra đại hội;
 - Thu và kiểm tra các giấy mời họp, giấy ủy quyền tham dự đại hội;
 - Kiểm tra cổ đông đi dự có đầy đủ và đúng thành phần không;
 - Lập báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông và thông qua trước đại hội;
 - Phát thẻ biểu quyết cho các cổ đông trước khi vào hội trường nơi tổ chức đại hội.
2. Ban kiểm phiếu có 03 thành viên do Chủ tọa giới thiệu để đại hội bầu trong số những đại biểu tham dự đại hội. Những người tham gia ban kiểm phiếu không đồng thời là thư ký đại hội. Ban kiểm phiếu có trách nhiệm hướng dẫn thẻ lệ biểu quyết, phát phiếu biểu quyết, thu phiếu biểu quyết, tổ chức kiểm phiếu, lập biên bản và công bố kết quả kiểm phiếu trước đại hội, sau đó nộp biên bản và toàn bộ phiếu biểu quyết cho Chủ tọa đại hội.
3. Ban kiểm tra tư cách cổ đông và Ban kiểm phiếu có nghĩa vụ tuyệt đối trung thực, cẩn trọng khi thực hiện nhiệm vụ và phải chịu trách nhiệm về kết quả công việc của mình.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa và Thư ký đại hội

1. Chủ tọa đại hội:
 - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty là Chủ tọa đại hội.

- Chủ tọa đại hội có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Điều khiển đại hội thực hiện chương trình làm việc một cách hợp lệ, có trật tự;
 - b. Quyết định các vấn đề trình tự, thủ tục của Đại hội hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của đại hội;
 - c. Có quyền trì hoãn đại hội đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một giờ điểm khác và tại một địa điểm do Chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội, nếu nhận thấy rằng:
 - Hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở diễn biến có trật tự của đại hội.
 - Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.
- 2. Thư ký đại hội do Chủ tọa giới thiệu để Đại hội thông qua. Thư ký có nhiệm vụ giúp việc cho Chủ tọa điều hành đại hội, ghi chép và đọc biên bản, nghị quyết đại hội.

Chương II **TRÌNH TỰ VÀ NỘI DUNG ĐẠI HỘI**

Điều 6. Điều kiện tiến hành đại hội

Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ III (2018-2023) được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty theo danh sách cổ đông được mời họp khi quyết định triệu tập đại hội (theo quy định tại Điều 141 Luật doanh nghiệp 2014).

Điều 7. Trình tự tiến hành đại hội

1. Đại hội diễn ra theo trình tự và bao gồm các nội dung chính sau đây:
 - Thông qua Đoàn chủ tịch; Thư ký; Ban kiểm phiếu;
 - Thông qua chương trình Đại hội (gửi trước cho các cổ đông);
 - Biểu quyết thông qua các nội dung đã được Đoàn chủ tịch trình bày;
 - Thông qua biên bản Đại hội;
 - Thông qua Nghị quyết Đại hội.
2. Điều kiện thông qua các nội dung trong chương trình đại hội:

Việc biểu quyết thông qua các nội dung trong chương trình đại hội đều thực hiện theo hình thức giơ phiếu biểu quyết.

 1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:



- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
 - d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
 - d) Tổ chức lại, giải thể công ty;
2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.

Điều 8. Xử lý trường hợp tổ chức đại hội đồng cổ đông không thành

1. Trường hợp trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp mà không có đủ số lượng đại biểu cổ đông cần thiết quy định tại Điều 6 Quy chế này thì đại hội phải được triệu tập lại trong vòng 30 ngày kể từ ngày tổ chức đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất không thành.
2. Trong đại hội đồng cổ đông thành lập triệu tập lại (*đại hội lần thứ 2*) cần có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 33% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty. Trường hợp đại hội lần thứ 2 không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp thì phải triệu tập đại hội lần thứ 3 trong vòng 20 ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần thứ 2.
3. Trong đại hội lần thứ 3 bất kỳ số lượng cổ đông tham dự như thế nào cũng đều hợp lệ và đều có quyền quyết định tất cả các vấn đề của đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ III (2018-2023).

Chương III ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 9. Tổ chức thực hiện

Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ban hành và là cơ sở pháp lý cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ nhiệm kỳ III (2018-2023) của Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông Công ty, (Website);
- TV HĐQT, BKS;
- Lưu HĐQT, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Đỗ Huy Hùng

Số:...../QC-ĐHDCĐ 2018

Thái Nguyên, ngày.....tháng 3 năm 2018

Dự thảo

QUY CHẾ BẦU CỬ

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ III (2018-2023)

Căn cứ luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa 11 thông qua ngày 29/06/2006;

Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính Phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xi măng La Tiên VVMI,

Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ III (2018-2023) tổ chức bầu thành viên Hội đồng quản trị, ban kiểm soát theo các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc và đối tượng thực hiện bầu cử

1. Nguyên tắc bầu cử:

- a. Bầu cử đúng pháp luật, đúng Điều lệ và phù hợp với Quy chế này nhằm đảm bảo dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả cổ đông;
- b. Bầu cử công khai bằng hình thức bỏ phiếu kín.

2. Đối tượng có quyền bầu cử: Là các cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết hoặc người được ủy quyền dự họp có quyền biểu quyết (theo danh sách cổ đông do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam lập tại ngày 19/3/2018) có mặt tại Đại hội.

Điều 2. Số lượng, điều kiện và tiêu chuẩn thành viên HĐQT bầu

1. Số lượng thành viên HĐQT được bầu là: 05 thành viên

2. Thành viên HĐQT được bầu cần phải đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định của Luật doanh nghiệp và điều lệ Công ty Cổ phần Xi măng La Tiên VVMI như sau:

- a. Thành viên HĐQT phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;
 - Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
 - Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

- Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên HĐQT, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;

- Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan.

b. HĐQT bầu một thành viên của HĐQT làm Chủ tịch HĐQT. Chủ tịch HĐQT không được kiêm Giám đốc điều hành của Công ty.

3. Đề cử, ứng cử vào thành viên HĐQT:

a. Theo điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI thông qua, quyền đề cử, ứng cử vào thành viên HĐQT được quy định như sau:

- Các cổ đông nắm giữ ít hơn 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên HĐQT.

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 20% đến dưới 40% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 60% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 60% đến dưới 75% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 75% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

b. Trường hợp số lượng các ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức HĐQT đương nhiệm đề cử ứng cử viên HĐQT phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành.

Điều 3. Số lượng, điều kiện và tiêu chuẩn thành viên BKS bầu

1. Số lượng thành viên BKS được bầu là: 03 thành viên.

2. Thành viên BKS được bầu cần phải đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định của Luật doanh nghiệp và điều lệ Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI như sau:

a) Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;

- Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên HĐQT, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;

- Không được giữ các chức vụ quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;

- Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan.

b) Kiểm soát viên của công ty phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.

3. Đề cử, ứng cử vào thành viên BKS:

a. Theo điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI thông qua, quyền đề cử, ứng cử vào thành viên BKS được quy định như sau:

- Các cổ đông nắm giữ ít hơn 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên BKS.

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

b. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng viên vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Cơ chế ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành.

Điều 4. Hồ sơ và thời hạn nhận hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử để bầu vào HĐQT, BKS

1. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử HĐQT, BKS bao gồm:

- Văn bản đề cử (ứng cử) tham gia, (theo mẫu);

- Bản cung cấp thông tin (có dán ảnh) do ứng viên khai;

- Bản sao có công chứng các giấy tờ: CMND, các bằng cấp chứng nhận trình độ học vấn;

- Giấy ủy quyền đề cử hợp lệ (trong trường hợp cổ đông ủy quyền cho người khác đề cử);

- Giấy xác nhận số cổ phần mà cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử sở hữu liên tục trong 6 tháng gần nhất hoặc giấy tờ tương đương của Công ty Chứng khoán nơi cổ đông hoặc nhóm cổ đông đó mở tài khoản hoặc của Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam (tính đến ngày 19/03/2018 - ngày chốt Danh sách cổ đông hợp ĐHĐCĐ thường niên năm 2018, đại hội nhiệm kỳ III (2018-2023) của Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI).

- Hồ sơ đề cử phải được gửi về Ban Tổ chức Đại hội trước 15h30' ngày 03/4/2018 theo địa chỉ sau đây:

Ban Tổ chức Đại hội cổ đông nhiệm kỳ III (2018-2023) Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI;

Địa chỉ: Xóm Cây Bông, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

- Chỉ những hồ sơ đề cử đáp ứng đủ điều kiện đề cử và những ứng viên đáp ứng đủ điều kiện tương ứng của thành viên HĐQT, BKS mới được đưa vào danh sách ứng viên công bố tại Đại hội.

Đính kèm Quy chế là Phụ lục

Mẫu văn bản cổ đông và/hoặc Nhóm cổ đông đề cử ứng viên tham gia thành viên HĐQT

Điều 5. Phương thức bầu cử

1. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT, BKS thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu/đại diện nhân với số thành viên được bầu.

Ví dụ:

- Cổ đông sở hữu/đại diện sở hữu tổng số cổ phần tại đại hội là 1.000 cổ phần thực hiện bầu 05 thành viên HĐQT thì số phiếu biểu quyết của cổ đông là: $1.000 \times 5 = 5.000$ phiếu.

- Cổ đông sở hữu/đại diện sở hữu tổng số cổ phần tại đại hội là 1.000 cổ phần thực hiện bầu 03 thành viên BKS thì số phiếu biểu quyết của cổ đông là: $1.000 \times 3 = 3.000$ phiếu.

2. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp có thể dồn toàn bộ số phiếu bầu của mình để bầu cho 01 ứng cử viên hoặc chia số phiếu bầu cho các ứng cử viên được lựa chọn. Tuy nhiên, cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp chỉ được bầu cho tối đa số lượng 05 ứng viên HĐQT và 03 ứng viên BKS (hoặc số lượng khác nếu tại cuộc họp ĐHĐCĐ có quyết định khác theo quy định tại khoản 1 điều 2, điều 3 quy chế này) trên tổng số ứng cử viên HĐQT và BKS được đề cử.

Điều 6. Quy định phiếu bầu cử

1. Phiếu bầu hợp lệ:

- Phiếu do ban tổ chức Đại hội phát ra theo mẫu thống nhất có đóng dấu treo của Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI, không cạo, sửa, tẩy, xóa;

- Phiếu bầu cho những người trong danh sách bầu cử đã được Đại hội thông qua;

- Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông cho các ứng cử viên bằng hoặc nhỏ hơn tổng số quyền biểu quyết của cổ đông.

2. Phiếu bầu không hợp lệ:

- Phiếu bầu không do Ban tổ chức Đại hội phát hành;

TY
AN
VHI
LI
AIP

- Phiếu bầu nhiều hơn số thành viên HĐQT, BKS đã được thông qua;
- Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông bầu cho tất cả các ứng cử viên lớn hơn tổng số quyền biểu quyết của cổ đông;
- Cổ đông gạch tên ứng cử viên hoặc ghi thêm tên người khác vào danh sách;
- Số lượng phiếu biểu quyết ghi bằng %

Điều 07. Nguyên tắc kiểm phiếu bầu thành viên HĐQT, BKS

1. Trước khi bỏ phiếu Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm tra tình trạng hòm phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông.
2. Việc bỏ phiếu được bắt đầu từ khi có hiệu lệnh của Trưởng ban bầu cử và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào hòm phiếu hoặc sau 30 phút kể từ thời điểm bắt đầu tùy thuộc vào sự việc nào đến trước. Cổ đông/người được ủy quyền dự họp tiến hành bỏ phiếu vào hòm phiếu. Sau khi kết thúc việc bỏ phiếu, hòm phiếu sẽ được ban kiểm phiếu niêm phong.
3. Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc.
4. Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng ban bầu cử công bố trước Đại hội.

Điều 8. Nguyên tắc trúng cử thành viên HĐQT, BKS

1. Người trúng cử thành viên HĐQT, BKS được xác định theo số phiếu biểu quyết từ cao xuống thấp. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu biểu quyết cao nhất như nhau thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu biểu quyết ngang nhau;
2. Trường hợp sau khi đã công bố kết quả bầu cử mà có ý kiến của cổ đông khiếu nại hoặc cần kiểm tra lại kết quả bầu cử, Chủ tọa sẽ xin ý kiến Đại hội để bầu ra một tổ kiểm tra ít nhất 3 thành viên đại diện các cổ đông sẽ trực tiếp kiểm tra lại, nếu phát hiện sai sót cố ý hoặc có sự gian lận trong kiểm phiếu thì Ban kiểm phiếu phải chịu bồi hoàn toàn bộ chi phí do phải tổ chức bầu cử lại. Những khiếu nại về việc bầu cử và kiểm phiếu sẽ do Chủ tọa cuộc họp giải quyết và được ghi vào Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ.

Điều 9. Hiệu lực của Quy chế

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được ĐHĐCĐ Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI thông qua tại cuộc họp./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông Công ty, (Website);
- TV HĐQT, BKS;
- Lưu Thư ký, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Đỗ Huy Hùng

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2018

ĐƠN ỨNG CỬ

Bầu thành viên HĐQT, BKS

Công ty Cổ phần Xi măng La Tiên VVMI nhiệm kỳ III (2018-2023)

Kính gửi: HĐQT Công ty Cổ phần Xi măng La Tiên VVMI

Tôi tên là:

CMND/ Hộ chiếu/ GĐKKD số:.....Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú:

Đơn vị Công tác:.....

Trình độ học vấn:Chuyên ngành:.....

Hiện đang sở hữu: cổ phần (*bằng chữ:cổ phần*)
của Công ty Cổ phần Xi măng La Tiên VVMI.

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, tôi xin tự ứng cử vào vị trí thành viên HĐQT, BKS Công ty.

Tôi xin cam đoan mình có đủ điều kiện để ứng cử vào vị trí thành viên HĐQT, BKS theo quy định của Điều lệ Công ty và Quy chế bầu thành viên HĐQT, BKS tại Đại hội Cổ đông nhiệm kỳ III (2018-2023) của Công ty Cổ phần xi măng La Tiên VVMI.

Tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác trung thực của nội dung văn bản và hồ sơ kèm theo đồng thời cam kết tuân thủ đầy đủ theo quy định của Điều lệ Công ty và Quy chế bầu thành viên HĐQT, BKS của Công ty Cổ phần Xi măng La Tiên VVMI.

Nếu được các cổ đông tín nhiệm bầu làm thành viên HĐQT, BKS tôi xin đem hết năng lực và tâm huyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển của Công ty.

Xin trân trọng cảm ơn.

Ngày tháng năm 2018

NGƯỜI ỨNG CỬ

(Ký và ghi rõ họ tên)

Hồ sơ kèm theo:

- Bản sao CMND/Hộ chiếu;
- Sơ yếu lý lịch của ứng viên.
- Bản sao hợp lệ các bằng cấp chứng nhận trình độ học vấn, trình độ chuyên môn.
- Giấy xác nhận sở hữu cổ phần liên tục trong 6 tháng.

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2018

ĐƠN ĐỀ CỬ

Bầu thành viên HĐQT, BKS

Công ty Cổ phần Xi măng La Tiên VVMI nhiệm kỳ III (2018-2023)

Kính gửi: HĐQT Công ty Cổ phần Xi măng La Tiên VVMI

Hôm nay, ngày, tôi/chúng tôi là cổ đông/ nhóm cổ đông sở hữu/ tự nguyện tập hợp thành nhóm cổ đông nắm giữ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ% tổng số 10.000.000 cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty, có tên trong danh sách dưới đây:

TT	Cổ đông	Hộ chiếu /CMND/ĐKKD	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)/ Tổng số cổ phần	Ký tên
1					
2					
3					
4					
5					
...					
	Tổng cộng				

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, chúng tôi thống nhất đề ông/bà có tên sau vào vị trí thành viên HĐQT, BKS Công ty nhiệm kỳ III (2018-2023).

TT	Họ tên ứng cử viên	Số CMND/ Hộ chiếu	Trình độ học vấn	Chuyên ngành	Số cổ phần sở hữu
1					
2					
3					

Tôi/Chúng tôi cam kết sẽ duy trì tỷ lệ sở hữu như đã đăng ký theo quy định để các ứng cử viên có đầy đủ điều kiện, tiêu chuẩn để tham gia ứng cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ III (2018 - 2023) vào ngày diễn ra Đại hội đồng cổ đông bầu chức danh trên. Đồng thời, cam kết các nội dung trong Đơn đề cử này là hoàn toàn chính xác, theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

Trân trọng./.

....., ngàytháng..... năm 2018

ĐẠI DIỆN NHÓM CỔ ĐÔNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Đính kèm Sơ yếu lý lịch và các văn bằng, chứng chỉ liên quan của các ứng viên;
- Đối với cổ đông pháp nhân:
 - (1) Người đại diện pháp luật ký tên và đóng dấu;
 - (2) Trường hợp pháp nhân cử đại diện vốn (đại diện theo ủy quyền), thì người đại diện ký tên và đính kèm các văn bản cử người đại diện vốn theo quy định.

1500
CỘ
CỔ
ĐÔNG
V
21-1

5. Số cổ phần nắm giữ:.....CP, chiếm.....% vốn điều lệ của Công ty.

Trong đó: - Đại diện sở hữu:.....CP

 - Cá nhân sở hữu:.....CP

6. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT/BKS và các chức danh điều hành, quản lý khác:

.....

7. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty (trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên HĐQT/BKS của Công ty):

.....

8. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có):

.....

9. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có):

.....

10. Các thông tin khác (nếu có):

.....

11. Người có liên quan:

S T T	Họ và tên	CMND	Ngày cấp	Nơi cấp	Số lượng CP của Công ty	Mối quan hệ

12. Cam kết trước pháp luật:

- Cam kết không vi phạm các quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI.



- Tôi cam kết những lời khai trên là đúng sự thật. Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với bất kỳ thông tin nào không đúng với sự thật tại bản khai này.

Ngày tháng năm 2018

Xác nhận của thủ trưởng cơ quan
(nếu cá nhân đang làm việc tại pháp
nhân) hoặc Ủy ban nhân dân xã,
phường nơi cá nhân đăng ký hộ khẩu
thường trú *(nếu cá nhân không làm việc*
tại pháp nhân)

NGƯỜI KHAI
(Ký và ghi rõ họ tên)

Số:...../BC-KHVT

Thái nguyên, ngày tháng 3 năm 2018

DỰ THẢO

**BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC CÔNG TY
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NHIỆM KỲ 2018-2023**

Thực hiện theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên và nhiệm kỳ V/v giao kế hoạch SXKD cho Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI. Tôi xin trình bày Báo cáo về kết quả SXKD năm 2017 và nhiệm kỳ 2013-2018 của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI cụ thể như sau:

**PHẦN I
THỰC HIỆN NHIỆM VỤ SXKD NĂM 2017**

I/ Đặc điểm tình hình.

a/ Thuận lợi.

Sự quan tâm lãnh đạo và chỉ đạo của Đảng ủy, Hội đồng quản trị Công ty, sự đoàn kết nhất trí cao trong chỉ đạo điều hành của cán bộ và tập thể người lao động đã tạo mọi điều kiện thuận lợi để Công ty hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

b/ Khó khăn.

Năm 2017 tiếp tục là năm chịu áp lực cạnh tranh sản phẩm xi măng tại thị trường nội địa rất khốc liệt, do tình trạng cung vượt cầu lớn. Tính đến hết năm 2017 tổng công suất toàn ngành công nghiệp xi măng Việt Nam khoảng 90 triệu tấn, trong khi đó nhu cầu tiêu thụ nội địa năm 2017 dự kiến khoảng 65 triệu tấn/năm, dư thừa là 25 triệu tấn.

Năm 2017 tình hình thời tiết không thuận lợi, thiên tai do mưa lũ diễn biến phức tạp, thời gian mưa tại các tỉnh miền núi kéo dài ảnh hưởng nhiều tới khu vực thị trường tiêu thụ của Công ty.

II/ Kết quả thực hiện các chỉ tiêu SXKD năm 2017.

STT	Chỉ tiêu	Đ V T	TH năm 2016	KH năm 2017	TH năm 2017	% TH 2017 2016	% TH KH
A	Chỉ tiêu hiện vật						
I	Sản lượng sản xuất	Tấn	701.589,69	660.000,00	733.744,66	104,58%	111,17%
1	Xi măng	"	639.669,08	636.000,00	704.731,45	110,17%	110,81%
2	Clinker thương phẩm	"	61.920,61	24.000,00	29.013,21	46,86%	120,89%
II	Sản lượng tiêu thụ	"	701.805,39	660.000,00	729.892,66	104,00%	110,59%
1	Xi măng	"	639.884,78	636.000,00	700.879,45	109,53%	110,20%
2	Clinker thương phẩm	"	61.920,61	24.000,00	29.013,21	46,86%	120,89%
B	Doanh thu, Thu nhập khác	Tr.đ	658.003,24	573.283,50	653.811,20	99,36%	114,05%
1	Xi măng	Tr.đ	615.941,87	555.541,11	625.105,72	101,49%	112,52%
2	Clinker thương phẩm	Tr.đ	36.856,38	14.400,00	16.270,73	44,15%	112,99%
3	Doanh thu, TN khác	Tr.đ	5.204,99	3.342,39	12.434,75	238,90%	372,03%
C	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	35.434,11	30.000,00	35.034,63	98,87%	116,78%
D	Cổ tức (dự kiến)	%	15,00%	12,00%	15,00%	100,00%	125,00%
G	Nộp NS nhà nước	Tr.đ	38.114,57	25.563,00	39.117,50	102,63%	153,02%
E	Lao động và thu nhập						
1	Lao động định mức	Người	789	760	760	96,32%	100,00%
2	Tiền lương bình quân	đ/ng/th	8.121,445	7.156,579	8.040,730	99,01%	112,35%

III. Đánh giá các mặt quản lý hoạt động SXKD

1. Công tác tiêu thụ sản phẩm và mở rộng thị trường:

Tăng cơ cấu sản lượng tiêu thụ xi măng bao có giá bán cao : 678.548/KH 586.000 tấn = 116% so với kế hoạch giao, tăng 72.726 tấn so với thực hiện năm 2016; Giảm cơ cấu sản lượng tiêu thụ xi măng bột : 21.995/KH 50.000 tấn =44% so với kế hoạch giao.

Giá bán sản phẩm thực hiện năm 2017 vẫn giữ vững và đảm bảo theo kế hoạch HĐQT giao. Tuy nhiên giá bán sản phẩm thực hiện năm 2017 giảm sâu

so với thực hiện năm 2016 từ 35.000 đến 80.000 đồng/tấn tùy theo loại sản phẩm, làm giảm doanh thu trên 40 tỷ đồng, giảm hiệu quả kinh doanh của Cty,

Công tác thu hồi công nợ: Số dư công nợ phải thu thời điểm 31/12/2017 thực hiện 21,00 tỷ đồng (Trong đó công nợ xi măng nông thôn mới của tỉnh Thái nguyên là: 14,59 tỷ đồng). Công ty không có khoản nợ phải trả xấu, các khoản nợ phải trả đều được kiểm soát và thanh toán đầy đủ, đúng hạn.

2. Công tác sáng kiến cải tiến và các giải pháp tiết kiệm chi phí

Năm 2017 các tập thể và các cá nhân NLĐ đã có trên 30 sáng kiến cải tiến kỹ thuật, giải pháp điều hành thiết thực có giá trị làm lợi cho Công ty như:

- Sáng kiến sử dụng nguyên liệu phế thải như tro bay, đá thải sau tuyển của Cty than Khánh Hòa cho cả 02 DC để sản xuất clinker giảm định mức tiêu hao than 0,171/KH 0,181=95% kế hoạch giao tiết kiệm chi phí nhiên liệu.

- Sáng kiến sử dụng tro đáy làm phụ gia xi măng bổ sung SO₃ giảm định mức tiêu hao thạch cao 0,0108/KH 0,0137 = 78,72% tiết giảm chi phí giá thành sản xuất.

Các giải pháp về kỹ thuật công nghệ để tăng chất lượng Clinker, kết hợp sử dụng phụ gia trợ nghiền xi măng đã tăng mức sản phẩm tăng tỷ lệ pha phụ gia giảm đáng kể định mức tiêu hao nguyên vật liệu giảm giá thành sản xuất cụ thể:

Đối với xi măng PCB 30 : 0.335/KH 0.275 =122%

Đối với xi măng PCB 40 : 0.157/KH 0.12 =130%

Các giải pháp điều hành các thiết bị cơ suất tiêu hao điện năng lớn để tận dụng tối đa giờ thấp điểm và giờ bình thường, không vận hành thiết bị trong giờ cao điểm (Trừ 02 lò nung clinker) đã giảm giá điện năng so với kế hoạch giao: 1374đ/KH 1410 đ/kw =97,44% tiết kiệm đáng kể chi phí điện năng.

4. Công tác quản trị tài chính

Thực hiện đúng theo qui định của Nhà nước về quản lý tài chính, hạn chế

rủi ro trong kinh doanh. Đáp ứng đầy đủ, kịp thời nguồn vốn cho hoạt động SXKD của Công ty. Nhảy bèn, linh hoạt trong sử dụng vốn, nâng cao hiệu quả đồng vốn, tiết kiệm tốt chi phí lãi vay năm 2017 với số tiền tiết kiệm 2.262 triệu đồng. Thu xếp vốn thanh toán trước tiền mua than với Tập đoàn TKV để được hưởng chiết khấu với số tiền 2.257 triệu đồng.

Quản lý tốt tài sản, nguồn vốn của Công ty với tổng giá trị tài sản tại thời điểm 31/12/2017 là 399.115 triệu đồng; nguồn vốn của Công ty được bảo toàn và tăng trưởng, sử dụng đồng vốn linh hoạt, tiết kiệm tốt chi phí tài chính góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty, cải thiện hệ số nợ phải trả trên vốn chủ, hệ số khả năng thanh toán và công nợ phải thu của khách hàng đạt vượt mức kế hoạch giao.

IV/ Tình hình tài chính của Công ty.

1. Tình hình tài sản

Đơn vị: VND

STT	Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	% tăng giảm
I	Tài sản ngắn hạn	41.318.287.768	42.490.135.088	2,84%
II	Tài sản dài hạn	406.280.936.743	356.625.259.516	-12,22%
	Tổng cộng	447.599.224.511	399.115.394.604	-10,83%

*** Tình hình công nợ phải thu:**

Đơn vị: VND

STT	Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	% tăng giảm
1	Phải thu ngắn hạn từ khách hàng	14.062.174.846	21.007.960.727	49,39%
2	Trả trước cho người bán	110.850.000	1.035.927.348	834,53%
3	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	538.094.419	990.495.954	84,07%
4	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(1.160.062.239)	(1.334.291.433)	15,02%

	Tổng cộng	13.551.057.026	21.700.092.596	60,14%
--	------------------	-----------------------	-----------------------	---------------

*** Đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản:**

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2016	2017
1	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	16,21	25,24
2	Vòng quay khoản phải thu	“	16,24	15,43
3	Vòng quay vốn lưu động	“	14,75	9,57
4	Vòng quay tài sản dài hạn	“	1,62	1,82
5	Vòng quay tổng tài sản	“	1,47	1,63
6	Tỷ suất Lợi nhuận/Tổng TS (ROA)	%	6,31	7,01
7	Tỷ suất Lợi nhuận/Vốn CSH (ROE)	%	22,65	18,31

Trong năm Công ty đã phát huy tối đa việc sử dụng tài sản và tiền vốn nhằm đạt được những lợi ích cao nhất. Tính đến thời điểm 31/12/2017 giá trị tổng tài sản của Công ty giảm 10,83% so với thời điểm 31/12/2016 chủ yếu do trích khấu hao TSCĐ.

2. Tình hình nợ phải trả

*** Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ:**

Đơn vị: VND

STT	Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	% tăng giảm
I	Nợ ngắn hạn	268.021.881.220	220.345.387.856	-17,79%
1	Phải trả người bán ngắn hạn	38.684.707.130	36.108.090.988	-6,66%
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	533.229.994	564.044.055	5,78%
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	8.595.592.877	6.710.258.656	-21,93%
4	Phải trả người lao động	23.883.319.151	25.415.378.305	6,41%
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	3.059.690.298	4.125.611.885	34,84%

6	Phải trả ngắn hạn khác	15.774.764.945	1.391.546.107	-91,18%
+	<i>Tiền cổ tức phải trả</i>	<i>15.168.311.250</i>	<i>230.583.750</i>	<i>-98,48%</i>
+	<i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>606.453.695</i>	<i>1.160.962.357</i>	<i>91,43%</i>
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	168.815.486.484	141.327.440.950	-16,28%
8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	8.675.090.341	4.703.016.910	-45,79%
II	Nợ dài hạn	54.785.472.787	25.999.401.095	-52,54%
1	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	54.445.463.239	25.618.049.191	-52,95%
2	Dự phòng phải trả dài hạn	339.609.458	381.351.904	12,29%
	Tổng cộng	322.807.354.007	246.344.788.951	-23,69%

Do thay đổi trong cách hạch toán kế toán, tại thời điểm 31/12/2017 lợi nhuận sau thuế chưa được phân phối tạm vào các quỹ như những năm trước mà chờ được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua, do vậy số dư phải trả ngắn hạn khác và quỹ khen thưởng, phúc lợi có sự chênh lệch tương đối lớn so với cùng kỳ năm trước.

Khoản trả người lao động tăng do Công ty trích tăng quỹ lương dự phòng. Đối với thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước do có chính sách được chậm trả khi ngân sách còn có nợ tại doanh nghiệp theo quy định của pháp luật thuế, do vậy số tiền thuế và các khoản phải nộp Nhà nước cũng nằm trong số tiền mà ngân sách còn nợ Công ty. Vay tài chính dài hạn giảm do Công ty trả nợ theo kỳ hạn thanh toán với tổ chức tín dụng.

PHẦN II THỰC HIỆN NHIỆM VỤ SXKD NHIỆM KỲ II (2013-2018)

Do ảnh hưởng tiêu cực từ suy thoái kinh tế toàn cầu và lạm phát tăng cao, từ năm 2014 Kinh tế Việt Nam bước vào giai đoạn ổn định.

Từ năm 2015 với sự phục hồi chung của nền kinh tế trong nước và thế giới, thị trường bất động sản đã khởi sắc, nhiều dự án đầu tư xây dựng, bất động sản, cơ sở hạ tầng, giao thông đã được triển khai; sức mua của toàn nền kinh tế tăng trưởng khá, kéo theo nhu cầu về vật liệu xây dựng nói chung và xi măng nói riêng được cải thiện là cơ hội tích cực để Công ty điều hành SXKD tăng được sản lượng tiêu thụ sản phẩm nâng cao hiệu quả kinh doanh.

I/ Kết quả thực hiện các chỉ tiêu SXKD nhiệm kỳ II (2013-2018).

(Có biểu chi tiết kèm theo)

II/ Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm kỳ II (2013-2018)

Năm 2013 Công ty không hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch về sản lượng, doanh thu, lợi nhuận và mức cổ tức theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông đề ra nguyên nhân:

Do những bất ổn cuộc khủng hoảng tài chính và khủng hoảng nợ công đã ảnh hưởng đến kinh tế - xã hội nước ta. Ở trong nước, các khó khăn, bất cập chưa được giải quyết gây áp lực lớn cho sản xuất kinh doanh: Hàng tồn kho ở mức cao, sức mua yếu, tỷ lệ nợ xấu ngân hàng ở mức đáng lo ngại, nhiều doanh nghiệp phải thu hẹp sản xuất, dừng hoạt động hoặc giải thể...

Sản lượng sản xuất không tiêu thụ được, sản phẩm tồn kho tăng lên làm tăng chi phí cố định là những nguyên nhân giảm lợi nhuận và mức cổ tức thực hiện năm 2013 của Công ty.

Từ năm 2014-2017 cho thấy đều có sự tăng trưởng về kết quả SXKD năm sau cao hơn năm trước:

Về sản lượng tiêu thụ từ năm 2015 tăng 110,9% so với năm 2014, tương ứng tăng 67,388 ngàn tấn; năm 2016 tăng 102% so với năm 2015 tương ứng tăng 13,714 ngàn tấn; năm 2017 tăng 104% so với năm 2016 tương ứng tăng 27,87 ngàn tấn.

+ Về doanh thu và giá bán sản phẩm: Trái với sự tăng trưởng về sản

lượng tiêu thụ về doanh thu ta nhận thấy có sự giảm doanh thu từ năm 2015, 2016, 2017 năm sau cao hơn năm trước lần lượt là 101,6%; 101,2%; 99,4% mặc dù có sự tăng trưởng cả về sản lượng và cơ cấu sản phẩm tiêu thụ xi măng bao, bột có giá bán cao. Điều đó chứng tỏ về giá bán sản phẩm có sự giảm sâu năm sau giảm cao hơn năm trước. Bản chất chủ yếu của hiện tượng trên là sự cạnh tranh rất khốc liệt của thị trường xi măng hiện nay do sự mất cân đối về cung cầu xi măng trên thị trường bắt buộc các doanh nghiệp xi măng phải điều chỉnh giảm giá bán các sản phẩm để giữ thị phần tiêu thụ làm cho mặt bằng giá bán thấp giảm doanh thu giảm hiệu quả kinh doanh của Công ty.

+ Về lợi nhuận trước thuế:

Năm 2014 đạt 26.887/KH 17.500 triệu đồng =154 % Kế hoạch theo nghị quyết ĐHĐCD; Năm 2015 đạt 32.522/KH 17.506 triệu đồng =186 % Kế hoạch theo nghị quyết ĐHĐCD; Năm 2016 đạt 35.434/KH 27.000 triệu đồng =131 % Kế hoạch theo nghị quyết ĐHĐCD; Năm 2017 đạt 35.034/KH 30.000 triệu đồng =117 % Kế hoạch theo nghị quyết ĐHĐCD;

+ Về chỉ tiêu mức cổ tức vượt mức kế hoạch của ĐHĐCD đề ra và tăng lần lượt từ năm 2014;2015;2016;2017 là : 10%; 12%; 15%; 15%.

Trong nhiệm kỳ vừa qua Công ty đã tích cực triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra, các chỉ tiêu sản lượng và doanh thu đều hoàn thành vượt mức so với kế hoạch, đồng thời ban điều hành tiếp tục vận dụng tối đa các lợi thế trong kinh doanh, phát huy trí tuệ tập thể tiết kiệm tốt các yếu tố chi phí trong sản xuất, áp dụng tốt các sáng kiến kỹ thuật, công nghệ và lựa chọn bán hàng tại các vùng thị trường mang lại lợi ích cao do vậy đã mang lại lợi nhuận tốt hơn so với kế hoạch đề ra.

Có thể nói Công ty cổ phần xi măng La Hiên đã hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ sản xuất kinh doanh nhiệm kỳ II (2013-2018), sản xuất được duy trì ổn định và đang trên đà tăng trưởng; Lợi ích của các cổ đông được đảm bảo;



việc làm và đời sống của người lao động được quan tâm.

PHẦN III KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NHIỆM KỲ III (2018-2023)

I/ Đặc điểm tình hình.

Nhiệm kỳ (2018-2023) kinh tế nước ta tiếp tục hội nhập sâu rộng và phải cạnh tranh gay gắt hơn. Bối cảnh quốc tế và tình hình trong nước tạo ra nhiều cơ hội, thuận lợi nhưng cũng đặt ra không ít khó khăn, thách thức đòi hỏi chúng ta phải nỗ lực phấn đấu cao nhất để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ.

Dự báo thị trường tiêu thụ xi măng vẫn cạnh tranh khốc liệt, giá bán sản phẩm giảm mạnh, khó khăn và thách thức đối với Công ty còn lớn. Tình hình đó sẽ tác động trực tiếp ảnh hưởng tới hoạt động SXKD của Công ty.

Đánh giá được những thuận lợi, khó khăn trên HDQT, Ban lãnh đạo Công ty đã đề ra kế hoạch sản xuất kinh doanh và một số định hướng cần tiếp tục phải được thực hiện trong năm 2018-2023 như sau:

II/ Kế hoạch thực hiện các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu năm 2018 và nhiệm kỳ III (2018-2023).

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch SXKD 2018-2022					
		2018	2019	2020	2021	2022	Tổng
Sản lượng tiêu thụ	Tấn	680.000	680.000	690.000	700.000	700.000	3.450.000
Xi măng	"	656.000	656.000	660.000	670.000	670.000	3.312.000
Clinker	"	24.000	24.000	30.000	30.000	30.000	138.000
Doanh thu	tr đ	572.975	572.975	579.014	581.823	581.823	2.888.609
Xi măng	tr đ	559.178	559.178	561.768	564.577	564.577	2.809.277
Clinker thương phẩm	tr đ	13.797	13.797	17.246	17.246	17.246	79.333
Lợi nhuận	tr đ	25.000	25.000	26.000	26.000	26.000	128.000
Cổ tức (%)	%	12%	12%	12%	12%	12%	
Nộp ngân sách	tr đ	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	130.000
Lao động định mức		700	700	700	700	700	

Tiền lương BQ	1000d/th	7.250	7.250	7.613	7.993	8.073	
---------------	----------	-------	-------	-------	-------	-------	--

III/ Kế hoạch đầu tư phát triển:

Mục tiêu của công tác đầu tư xây dựng của Công ty là huy động và sử dụng có hiệu quả cao nhất các nguồn vốn đầu tư, khai thác tối đa các nguồn lực để đầu tư hiệu quả. Đầu tư theo kế hoạch, thiết kế được duyệt đảm bảo cho dự án công trình bền vững, an toàn và hiệu quả, bảo vệ môi trường sinh thái. Thực hiện các bước công việc từ chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư, đưa dự án vào khai thác sử dụng phải tuân thủ đúng pháp luật và các quy định hiện hành của nhà nước.

1/ Kế hoạch ĐTXD năm 2018: Tổng giá trị đầu tư ước tính: 27.775 triệu đồng bao gồm các hạng mục, dự án chủ yếu như :

ST T	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Thành tiền
I	Công trình chuyển tiếp:	Tr đ		26.643
1	Dự án đầu tư HT quan trắc khí thải tự động	HT	2	14.159
2	Hệ thống cân cấp than cho DC xỉ măng lò quay II	HT	1	9.902
3	Nhà hóa nghiệm	M ²	250	2.583
II	Công trình khởi công mới:			0
III	Chuẩn bị đầu tư			1.132
1	Lập dự án cải tạo dây chuyền lò quay số II			1.132
	Tổng cộng			27.775

2/ Định hướng kế hoạch ĐTXD năm (2019-2023):

Việc định hướng đầu tư phát triển Công ty trong thời gian tới sẽ chú trọng đến đầu tư áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật để nâng cao công suất, chất lượng, giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm. Đầu tư thay thế các thiết bị trong dây chuyền sản xuất hiện có đã lạc hậu về kỹ thuật và do sử dụng lâu ngày đã

1222
[G]
PHA
3LA
/MI
[B]

xuống cấp để nâng cao hiệu quả và thời gian sử dụng.

Hàng năm căn cứ vào thị trường tiêu thụ sản phẩm và khả năng cân đối năng lực của thiết bị, nếu nhu cầu thị trường vượt khả năng sản xuất của 02 dây chuyền sản xuất hiện nay thì Công ty xây dựng kế hoạch đầu tư từng phần thiết bị mới trên cơ sở áp dụng tiên bộ khoa học kỹ thuật tiên tiến để nâng cao công suất, chất lượng sản phẩm và trình duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm.

Trên đây là toàn bộ nội dung báo cáo hoạt động SXKD nhiệm kỳ 2013-2018 và phương hướng kế hoạch SXKD nhiệm kỳ 2018-2023.

GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Nguyễn Văn Dũng

BIỂU KẾT QUẢ THỰC HIỆN SẢN XUẤT KINH DOANH NHIỆM KỲ II (2013-2018)

(Kèm theo dự thảo báo cáo của Giám đốc về kết quả hoạt động SXKD nhiệm kỳ II (2013-2018) kế hoạch SXKD nhiệm kỳ III (2018-2023))

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kết quả thực hiện nhiệm kỳ II (2013-2018)														
			Năm 2013			Năm 2014			Năm 2015			Năm 2016			Năm 2017		
			KH	TH	%	KH	TH	%	KH	TH	%	KH	TH	%	KH	TH	%
1	SL tiêu thụ	Tấn	750.000	640.477	85,4	700.000	620.583	88,7	650.000	687.971	105,8	650.000	701.686	108,0	660.000	729.556	110,5
	Xi măng		744.000	577.709		610.000	464.129		500.000	570.345		580.000	639.765		636.000	700.543	
	Clinker	"	6.000	62.768		90.000	156.454		150.000	117.627		70.000	61.921		24.000	29.013	
2	Doanh thu	trđ.	695.741	590.399	84,9	645.895	582.289	90,2	573.549	649.893	113,3	577.555	657.994	113,9	573.284	653.811	114,0
	Xi măng		688.709	541.468		572.086	464.863		474.508	567.336		531.241	615.942		555.541	625.106	
	Clinker	"	4.174	40.211		58.455	100.608		93.164	74.291		42.818	36.856		14.400	16.271	
	ĐT khác	trđ	2.858	8.720		15.354	16.818		5.877	8.266		3.496	5.196		3.342	12.435	
3	Lợi nhuận	trđ	16.864	1.553	9,2	17.500	26.887	153,6	17.506	32.521	185,8	27.000	35.434	131,2	30.000	35.034	116,8
4	Cổ tức (%)	%	5%	0		6%	10%		10%	12%	120,0	10%	15%	150,0	12%	15,00%	125,0
5	Nộp NS	trđ	21.641	15.234	70,4	23.360	21.622	92,6	24.560	29.930	121,9	26.369	38.115	144,5	25.563	39.118	153,0
6	LĐ và thu nhập		0	0	-												
	Lao động	Người	876	876	100	741	741	100,0	773	773	100,0	789	789	100,0	760	760	100,0
	TL bình quân	trđ	5,20	5,16	99,3	5,65	6,01	106,3	5,90	7,90	134,0	6,79	8,12	119,5	7,16	8,04	112,4

Số:...../BC-ĐHĐCĐ

Thái Nguyên, ngày.....tháng 3 năm 2018

Dự thảo

BÁO CÁO



CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NHIỆM KỲ III (2018-2023)

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Thuận lợi:

Ưu thế về chất lượng sản phẩm và thương hiệu xi măng La Hiên trên 20 năm vẫn được duy trì và phát triển, uy tín sử dụng tại các tỉnh phía bắc, sản phẩm phù hợp với các công trình dân dụng nhất là sản phẩm xi măng PCB30 được nhiều người tin dùng do vậy cơ cấu sản lượng tiêu thụ xi măng bao bột PCB La Hiên năm sau cao hơn năm trước đã mang lại hiệu quả cao cho Công ty.

2. Khó khăn:

Trong những năm qua thị trường xi măng cạnh tranh rất khốc liệt do tình trạng cung vượt cầu lớn. Tính đến hết năm 2017 tổng công suất toàn ngành công nghiệp xi măng Việt Nam khoảng 90 triệu tấn, trong khi đó nhu cầu tiêu thụ nội địa năm 2017 dự kiến khoảng 65 triệu tấn/năm, dư thừa là 25 triệu tấn.

Về thị trường xuất khẩu xi măng: Do áp lực dư thừa xi măng từ thị trường nội địa, các doanh nghiệp xi măng tích cực đẩy mạnh xuất khẩu xi măng, clinker. Tuy nhiên thị trường xuất khẩu đang chịu những bất lợi trong cuộc cạnh tranh về giá với các nước như Trung Quốc, Thái Lan kể từ khi Chính Phủ không có chính sách hỗ trợ xi măng xuất khẩu. Thị trường xuất khẩu khó khăn càng làm tăng thêm áp lực cạnh tranh cho thị trường nội địa đặc biệt là đối với các doanh nghiệp xi măng khu vực miền bắc nước ta.

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CỦA HĐQT

Trong nhiệm kỳ 2013 - 2018 là nhiệm kỳ thứ 2 của Công ty cổ phần xi măng La Hiên, HĐQT Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI về cơ bản đã hoàn thành các nhiệm vụ được giao, hoạt động tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế tổ chức hoạt động của HĐQT. Hiệu quả hoạt của Công ty luôn duy trì tăng trưởng hàng năm, các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chính như doanh thu, lợi nhuận và cổ tức hàng năm về cơ bản đều hoàn thành và trong những năm cuối của nhiệm kỳ (2015, 2016, 2017) đều có mức tăng trưởng vượt bậc so với kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thông qua, nguồn vốn được bảo toàn và phát triển. Tất cả các hoạt động của Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI được thực hiện theo quy định của Điều lệ, các quy chế của Công ty và các quy định pháp luật hiện hành.

1. Về công tác tổ chức và hoạt động của HĐQT:

Hội đồng quản trị : Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ 2013-2018 đã bầu gồm có 05 thành viên:

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Ngô Ngọc Sơn	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên HĐQT
3	Ông Nông Nhật Ba	Thành viên HĐQT
4	Ông Phạm Mạnh Tiến	Thành viên HĐQT
5	Ông Trần Việt Cường	Thành viên HĐQT

- Tháng 4 năm 2014 đại hội đồng cổ đông thường niên đã bầu bà Lê Thị Thu Hiền là ủy viên HĐQT thay thế Ông Nông Nhật Ba.

- Tháng 3 năm 2017 Ông Đỗ Huy Hùng đã được Tổng Công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP cử là người đại diện phần vốn của Tổng Công ty thay thế ông Ngô Ngọc Sơn và tại đại hội đồng cổ đông thường niên diễn ra vào ngày 29 tháng 3 năm 2017 đã bầu ông Đỗ Huy Hùng vào HĐQT và HĐQT đã bầu ông Đỗ Huy Hùng giữ chức chủ tịch HĐQT kể từ ngày 29 tháng 3 năm 2017 .

Ngay sau Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ 2013 - 2018, HĐQT Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI đã khẩn trương kiện toàn bộ máy quản lý điều hành, hoàn thiện các quy chế hoạt động và xây dựng cơ chế quản lý điều hành mới nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý và điều hành của Công ty. HĐQT đã tiến hành rà soát, điều chỉnh, bổ sung và ban hành mới nhiều quy chế như:

- Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT
- Quy chế quản lý tài chính
- Quy chế quản lý công tác vật tư
- Quy chế quản lý đầu tư xây dựng
- Quy chế quản lý công nợ
- Quy chế vay vốn CBCNV trong công ty
- Quy chế quản lý LD tiền lương
- Quy chế thi đua - Khen thưởng
- Quy chế thực hiện dân chủ trong Công ty
- Quy chế đối thoại giữa Giám đốc với người lao động
- Quy chế tuyển dụng và đào tạo lao động
- Quy chế của ban chỉ đạo phòng chống tham nhũng
- Quy chế Quản lý công tác An toàn - Vệ sinh lao động,
- Quy chế quản lý, phân phối, sử dụng quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi
- Quy chế hoạt động Khoa học và Công nghệ.

Đồng thời với việc hoàn thiện cơ chế quản lý, HĐQT đã bổ nhiệm 01 thư ký HĐQT để giúp việc cho HĐQT Công ty trong việc tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng

cổ đông, HĐQT; ghi chép các biên bản họp, thực hiện các nội dung khác theo điều lệ Công ty. Định kỳ hàng tháng, HĐQT đã tổ chức các phiên họp để đưa ra các quyết nghị mang tính định hướng toàn diện hoạt động sản xuất kinh doanh để chỉ đạo Ban điều hành chủ động tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ được ĐHCĐ thông qua. Nội dung các cuộc họp của HĐQT đều được cụ thể hóa bằng các Biên bản và Nghị quyết. Các thành viên Ban Kiểm soát cũng được mời tham gia và đóng góp ý kiến tại tất cả các phiên họp của HĐQT. Giữa các kỳ họp định kỳ, HĐQT đã thông qua nhiều chủ trương, quyết sách bằng hình thức xin ý kiến bằng văn bản. Các quyết nghị, chỉ đạo, định hướng của HĐQT được ban hành kịp thời, phù hợp với điều kiện thực tế và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của Công ty, tạo điều kiện để Ban điều hành chủ động hơn trong việc tổ chức triển khai thực hiện thành công kế hoạch sản xuất kinh doanh trong các năm qua.

Tại thời điểm hiện tại, số lượng thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI là 5 thành viên.

2. Về tình hình thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quyết sách lớn của HĐQT công ty nhiệm kỳ 2013-2018:

Trong nhiệm kỳ 2013-2018, HĐQT đã triệu tập và tổ chức các Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm dưới hình thức họp trực tiếp. Việc triệu tập, tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông tuân thủ quy định pháp luật và điều lệ Công ty. Về cơ bản HĐQT đã quản lý, chỉ đạo Ban điều hành hoàn thành tốt các chỉ tiêu do Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Trong toàn nhiệm kỳ, HĐQT đã tổ chức **93** cuộc họp, ban hành **102** Nghị quyết và **210** quyết định về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Những vấn đề chính, quan trọng nhất của Công ty được bàn thảo và quyết định tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2013-2018 bao gồm:

- Hàng quý họp đánh giá, kiểm điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ quý của Hội đồng quản trị; đánh giá kiểm điểm những mặt làm được, làm tốt, những mặt chưa làm được, mặt còn hạn chế của cơ quan điều hành trong việc thực hiện nghị quyết của quý, nhận định thuận lợi, khó khăn từ chủ quan, khách quan để quyết định kế hoạch SXKD, đầu tư phát triển sản xuất của Công ty cho quý kế hoạch tiếp theo.

- Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện tốt và thể hiện rõ vai trò là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền và nhân danh Công ty để quyết định và thực hiện các quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị đã thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách cẩn trọng, thực hiện việc tổ chức quản lý chặt chẽ đảm bảo lợi ích cho Công ty và các cổ đông.

Ngoài các cuộc họp trên, HĐQT còn thường xuyên phối hợp với Ban giám đốc Công ty để nắm bắt kịp thời tình hình đầu tư, sản xuất, kinh doanh nhằm đề ra các giải pháp cấp thiết để hoạt động của Công ty không bị đình trệ, hoạt động có hiệu quả hơn trước những khó khăn bất ổn trong kinh tế của cả nước đặc biệt là những khó khăn trong ngành. Nhờ đó, nhiệm kỳ 2013-2018 Công ty hoàn thành toàn diện vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ 2013-2018 đề ra về sản lượng, doanh thu và lợi nhuận. Được nắm trong nhóm đơn vị sản xuất kinh doanh ổn định, sử dụng đồng vốn hợp lý có hiệu quả, có uy tín trên thị trường.

Chỉ đạo tốt việc ban hành các quy chế phục vụ cho công tác quản lý điều hành và đưa ra các chủ trương, định hướng cho hoạt động SXKD của Công ty.

Các nội dung nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đều được Công ty thể hiện đầy đủ tại Báo cáo thường niên hàng năm và công bố thông tin theo quy định. Nội dung chi tiết, đề nghị Quý cổ đông tham khảo tại Báo cáo thường niên hàng năm của Công ty được đăng tải trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty tại địa chỉ: www.ximanglahien.com.vn

3. Công tác giám sát đối với Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý:

Trong nhiệm kỳ 2013 - 2018 Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt vai trò giám sát đối với Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý thuộc diện HDQT quản lý; hàng năm HDQT đã thực hiện kiểm điểm đánh giá và xếp loại cán bộ quản lý kết quả cụ thể như sau:

Bảng xếp loại giám đốc điều hành và cán bộ quản lý nhiệm kỳ 2013- 2018.

TT	Họ và Tên	Chức danh	Xếp loại hàng năm				
			2013	2014	2015	2016	2017
1	Nguyễn Văn Dũng	Giám đốc	H.thành XSNV	H.thành XSNV	H.thành XSNV	H.thành NV	H.thành XSNV
2	Bùi Xuân Hồng	Phó GD	H.thành XSNV	H.thành tốt NV	H.thành XSNV	-	-
3	Nông Nhật Ba	Phó GD	H.thành XSNV	-	-	-	-
4	Lê Bá Chức	Phó GD	H.thành XSNV	H.thành tốt NV	H.thành XSNV	H.thành NV	H.thành XSNV
5	Nguyễn Văn Tập	Phó GD	H.thành XSNV	H.thành tốt NV	H.thành XSNV	H.thành NV	H.thành XSNV
6	Vũ Ngọc Bách	Phó GD	H.thành XSNV	H.thành tốt NV	H.thành NV	H.thành NV	H.thành NV
7	Lê Thị thu Hiền	Kế toán trưởng	H.thành XSNV	H.thành tốt NV	H.thành XSNV	H.thành NV	H.thành XSNV

Nhiệm kỳ qua bộ máy điều hành đã bám sát nhiệm vụ theo nghị quyết các kỳ Đại hội đồng cổ đông thông qua tại các kỳ đại hội và các nghị quyết triển khai của HDQT nên đã điều hành và chỉ đạo các phòng ban; phân xướng thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh nên đã đạt được kết quả doanh thu và lợi nhuận luôn đạt kế hoạch.

4. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chính đạt được:

Để thực hiện các nghị quyết của HDQT cơ quan điều hành đã đề ra các giải pháp phù hợp với thực tế sản xuất, tiêu thụ từng thời điểm, từng khu vực khác nhau. Kết quả thực hiện chỉ tiêu SXKD chính năm 2013-2017 như bảng dưới đây:

4.1. Thực hiện các chỉ tiêu SXKD chính thực hiện nhiệm kỳ II (2013-2018) như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kết quả thực hiện nhiệm kỳ II (2013-2018)														
			Năm 2013			Năm 2014			Năm 2015			Năm 2016			Năm 2017		
			KH	TH	%	KH	TH	%	KH	TH	%	KH	TH	%	KH	TH	%
1	SL tiêu thụ	Tấn	750.000	640.477	85,4	700.000	620.583	88,7	650.000	687.971	105,8	650.000	701.686	108,0	660.000	729.556	110,5
	<i>Xi măng</i>		<i>744.000</i>	<i>577.709</i>		<i>610.000</i>	<i>464.129</i>		<i>500.000</i>	<i>570.345</i>		<i>580.000</i>	<i>639.765</i>		<i>636.000</i>	<i>700.543</i>	
	<i>Clinker</i>	"	<i>6.000</i>	<i>62.768</i>		<i>90.000</i>	<i>156.454</i>		<i>150.000</i>	<i>117.627</i>		<i>70.000</i>	<i>61.921</i>		<i>24.000</i>	<i>29.013</i>	
2	Doanh thu	trđ	695.741	590.399	84,9	645.895	582.289	90,2	573.549	649.893	113,3	577.555	657.994	113,9	573.284	653.811	114,0
	<i>Xi măng</i>		<i>688.709</i>	<i>541.468</i>		<i>572.086</i>	<i>464.863</i>		<i>474.508</i>	<i>567.336</i>		<i>531.241</i>	<i>615.942</i>		<i>555.541</i>	<i>625.106</i>	
	<i>Clinker</i>	"	<i>4.174</i>	<i>40.211</i>		<i>58.455</i>	<i>100.608</i>		<i>93.164</i>	<i>74.291</i>		<i>42.818</i>	<i>36.856</i>		<i>14.400</i>	<i>16.271</i>	
	<i>ĐT khác</i>	<i>trđ</i>	<i>2.858</i>	<i>8.720</i>		<i>15.354</i>	<i>16.818</i>		<i>5.877</i>	<i>8.266</i>		<i>3.496</i>	<i>5.196</i>		<i>3.342</i>	<i>12.435</i>	
3	Lợi nhuận	trđ	16.864	1.553	9,2	17.500	26.887	153,6	17.506	32.521	185,8	27.000	35.434	131,2	30.000	35.034	116,8
4	Cổ tức (%)	%	5%	0		6%	10%		10%	12%	120,0	10%	15%	150,0	12%	15,00%	125,0
5	Nộp NS	trđ	21.641	15.234	70,4	23.360	21.622	92,6	24.560	29.930	121,9	26.369	38.115	144,5	25.563	39.118	153,0
6	LĐ và thu nhập																
	<i>Lao động</i>	<i>Người</i>	<i>876</i>	<i>876</i>	<i>100</i>	<i>741</i>	<i>741</i>	<i>100,0</i>	<i>773</i>	<i>773</i>	<i>100,0</i>	<i>789</i>	<i>789</i>	<i>100,0</i>	<i>760</i>	<i>760</i>	<i>100,0</i>
	<i>TL bình quân</i>	<i>trđ</i>	<i>5,20</i>	<i>5,16</i>	<i>99,3</i>	<i>5,65</i>	<i>6,01</i>	<i>106,3</i>	<i>5,90</i>	<i>7,90</i>	<i>134,0</i>	<i>6,79</i>	<i>8,12</i>	<i>119,5</i>	<i>7,16</i>	<i>8,04</i>	<i>112,4</i>



4.2. Thực hiện công tác ĐTXD năm 2013-2017:

Các dự án đã thực hiện và quyết toán trong nhiệm kỳ 2013-2018 với giá trị là: 7,056 tỷ đồng. Trong đó bao gồm các dự án như sau:

- Cải tạo đường giao thông nội bộ giai đoạn II : 2,353 tỷ đồng
- Trạm phát điện tận dụng khí thừa : 0,231 tỷ đồng
- Kè đá chắn đất : 0,051 tỷ đồng
- Kho chứa nguyên liệu phụ gia xỉ thạch cao : 1,231 tỷ đồng
- Xe ô tô bán tái phục vụ tiêu thụ : 0,787 tỷ đồng
- 01 máy xúc lật dung tích gầu 3m³ : 1,031 tỷ đồng
- Máy phân tích nhanh : 1,390 tỷ

5. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của HĐQT, BKS:

Nhằm đảm bảo quyền lợi và trách nhiệm của Hội đồng quản trị, BKS đối với việc quản trị, điều hành quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trong nhiệm kỳ qua Công ty đã chi trả tiền lương, thưởng, thù lao cho các thành viên HĐQT, BKS theo đúng nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

Bảng tổng hợp chi phí chi trả lương chuyên trách, thù lao cho HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2013-2018.

Dvt: Đồng

TT	Họ và Tên	Chức danh	Tổng mức chi hàng năm cho HĐQT và BKS				
			2013	2014	2015	2016	2017
1	Ngô Ngọc Sơn	CT HĐQT	25.099.200	25.099.200	36.652.800	86.400.000	21.420.000
2	Đỗ Huy Hùng	CT HĐQT	-	-	-	-	64.260.000
3	Nguyễn Văn Dũng	UV HĐQT	21.357.000	21.357.000	31.188.000	69.120.000	72.000.000
4	Nông Nhật Ba	UV HĐQT	21.357.000	1.779.750	-	-	-
5	Lê Thị Thu Hiền	UV HĐQT	-	16.017.750	31.188.000	69.120.000	72.000.000
6	Phạm Mạnh Tiến	UV HĐQT	21.357.000	21.357.000	31.188.000	69.120.000	72.000.000
7	Trần Việt Cường	UV HĐQT	16.017.750	21.357.000	31.188.000	69.120.000	72.000.000
8	Nguyễn Hồng Hạnh	TBKS	21.357.000	21.357.000	9.096.500	-	-
9	Phạm Đình Nguyên	TBKS	-	-	22.091.500	18.696.000	-
10	Nguyễn Anh Tuấn	TBKS	-	-	-	-	6.000.000
11	Nguyễn Thị Thu Hoài	TBKS	-	-	-	-	60.715.639
12	Lã Đại Dương	UV BKS	20.109.600	20.109.600	29.366.400	18.696.000	-
13	Hồ Thị Huệ	UV BKS	-	-	-	46.968.000	72.000.000
14	Nguyễn Xuân Hậu	UV BKS	20.109.600	20.109.600	29.366.400	65.664.000	72.000.000
	Tổng cộng		166.764.150	168.543.900	251.325.600	512.904.000	584.395.639

III- KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT NHIỆM KỶ III (2018-2023):

Chiến lược phát triển của Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI trong nhiệm kỳ III (2018-2023) vẫn duy trì mục tiêu “ Tăng cao sản lượng tiêu thụ sản phẩm. Làm chủ công nghệ mới, khai thác tối đa công suất tối đa của hai dây chuyền sản xuất ổn định và hiệu quả. Sản xuất an toàn đi đôi với bảo vệ môi trường, không ngừng nâng cao chất lượng, hạ giá thành tăng sức cạnh tranh sản phẩm. Xây dựng Công ty phát triển bền vững”

Đánh giá được những khó khăn trên HĐQT Công ty đã đề ra kế hoạch SXKD và một số định hướng cần tiếp tục phải được thực hiện trong nhiệm kỳ III (2018-2023) như sau:

1. Các chỉ tiêu kế hoạch nhiệm kỳ năm III (2018-2023):

1.1 Kế hoạch sản xuất kinh doanh nhiệm kỳ III (2018-2023):

STT	Chỉ tiêu	Đvt	2018	2019	2020	2021	2022	Tổng cộng
1	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	680.000	680.000	690.000	700.000	700.000	3.450.000
	<i>Xi măng</i>	''	656.000	656.000	660.000	670.000	670.000	3.312.000
	<i>Clinker thương phẩm</i>	''	24.000	24.000	30.000	30.000	30.000	138.000
2	Tổng doanh thu	Trđ	572.975	572.975	579.014	581.823	581.823	2.888.610
	<i>Xi măng</i>	''	559.178	559.178	561.768	564.577	564.577	2.809.277
	<i>Clinker thương phẩm</i>	''	13.797	13.797	17.246	17.246	17.246	79.330
3	Lợi nhuận trước thuế	Trđ	25.000	25.000	26.000	26.000	26.000	128.000
4	Trả lãi cổ tức	%	12	12	12	12	12	
5	Nộp NS nhà nước	Trđ	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	130.000
6	Lao động định mức	Người	700	700	700	700	700	
7	Tiền lương bình quân	1000đ/ng/th	7.250	7.250	7.613	7.993	8.073	

1.2 Kế hoạch ĐTXD nhiệm kỳ III (2018-2023):

* Dự án thực hiện trong năm 2018 bao gồm:

- Hệ thống quan trắc khí thải tự động : 14,159 tỷ đồng
- Cân cấp than dây chuyền lò quay số 2 : 9,902 tỷ đồng
- Nhà hóa nghiệm : 2,583 tỷ đồng

* Dự án thực hiện trong năm 2019- 2022:

Tập chung vào lập dự án và thực hiện các dự án cải tạo dây chuyền lò quay số 2. Trong quá trình thực hiện Công ty sẽ cân đối bổ sung các dự án hợp lý, kịp thời để phục vụ sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả theo kế hoạch và tiến độ đầu tư.

* Mục tiêu của công tác đầu tư xây dựng của Công ty là huy động và sử dụng có hiệu quả cao nhất các nguồn vốn đã đầu tư, khai thác tối đa các nguồn lực để đầu tư hiệu quả. Đầu tư theo kế hoạch, thiết kế được duyệt đảm bảo cho dự án công trình bền

hiệu quả. Đầu tư theo kế hoạch, thiết kế được duyệt đảm bảo cho dự án công trình bền vững, an toàn và hiệu quả, bảo vệ môi trường sinh thái. Thực hiện các bước công việc từ chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư, đưa dự án vào khai thác sử dụng phải tuân thủ đúng pháp luật và các quy định hiện hành của Nhà nước.

1.3 Kế hoạch chi trả lương chuyên trách, thù lao cho HĐQT và BKS nhiệm kỳ III (2018-2023):

STT	Chức danh	Số lượng	KH 2018-2022 (đ/ng/th)	Ghi chú
1	Chủ tịch HĐQT	1	4.760.000	
2	Ủy viên HĐQT	4	4.000.000	
3	Trưởng ban kiểm soát chuyên trách	1	20.000.000	
4	Ủy viên BKS	2	4.000.000	

(Đây là mức tối thiểu, trong năm căn cứ kết quả SXKD nếu tiền lương của các VCQL được quyết toán tăng thì mức chi trả lương chuyên trách, thù lao sẽ tăng tương ứng, nhưng mức chi tối đa không quá 20% mức tiền lương của VCQL).

2. Các giải pháp cơ bản trong điều hành của HĐQT nhiệm kỳ III (2018-2023):

- Hội đồng quản trị Công ty phải năng động sáng tạo hơn nữa để giải quyết tháo gỡ những vấn đề vướng mắc, đề ra những giải pháp khắc phục khó khăn, tận dụng cơ hội mới để nâng cao hơn nữa hiệu quả SXKD.

- Tăng cường chỉ đạo giám sát Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý thông qua việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao theo các Nghị quyết của HĐQT đã ban hành.

- Có các giải pháp, phương án huy động vốn thích hợp đảm bảo được nguồn vốn cho trả nợ đầu tư, cho sản xuất kinh doanh với hiệu quả cao nhất.

- Đổi mới phương pháp làm việc nâng cao chất lượng công việc, các cuộc họp của Hội đồng quản trị.

- Thực hiện tốt công tác công bố thông tin kịp thời ra công chúng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Về các giải pháp cụ thể trong công tác điều hành :

- Có kế hoạch bảo dưỡng sửa chữa định kỳ thiết bị, khắc phục tối đa những sự cố thiết bị dây chuyền, phấn đấu đạt công suất thiết kế lò nung Clinker. Tăng cường hoạt động của giám sát thiết bị nhằm ngăn ngừa các sự cố thiết bị.

- Tìm mọi giải pháp về kỹ thuật, công nghệ để tăng mức Clinker và chất lượng xi măng. (Tập trung cải tạo máy nghiền xi măng, các hệ thống đo lường giám sát, phối liệu...). Nâng cao chất lượng nguồn nguyên liệu chính như đá vôi, sét, đất cao si lic bằng việc đưa mỏ đá vôi Đồng Chuông vào khai thác sử dụng.

- Tiếp tục nghiên cứu các tiến bộ kỹ thuật tiên tiến áp dụng thay thế các thiết bị lạc hậu nâng cao chất lượng sản phẩm và giảm chi phí sản xuất nâng cao năng suất thiết bị giảm giá thành tăng sức cạnh tranh sản phẩm. Tổ chức thực hiện khảo sát lập dự án cải tạo hệ thống lò dây chuyền II chuẩn bị cho việc nâng công suất dây chuyền II để giảm chi phí sản xuất. Thực hiện các dự án đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất để tăng năng lực về thiết bị phục vụ sản xuất.

22/06
CÔNG TY
HÀNG
LÀM
MÌ
HÀNG

- Kiểm soát chặt chẽ chi phí SXKD, tiến hành công tác khoán chi phí theo các công đoạn sản xuất như điện năng, chi phí vận hành, chi phí sửa chữa thường xuyên thiết bị... phấn đấu tiết kiệm 0,5% chi phí theo chủ trương của Tập đoàn và Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP.

- Tăng cường công tác thị trường, giữ vững và tăng sản lượng tiêu thụ tại các thị trường truyền thống (Thái nguyên, Bắc cạn, Cao Bằng...), khảo sát, mở thêm các thị trường mới để tăng sản lượng tiêu thụ. Đặc biệt tăng cường thị trường xi măng bột thay cho việc tiêu thụ clinker xuất khẩu tuy nhiên phải đặc biệt chú trọng về chất lượng sản phẩm.

- Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, thông qua các biện pháp:

+ Trọng tâm giảm tuổi nợ, xử lý nợ khó đòi, tăng vòng quay hàng tồn kho để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Tiếp tục chỉ đạo tăng cường thu hồi công nợ bán hàng (đặc biệt là công nợ quá thời hạn thanh toán), điều hành theo hướng. Các khách hàng truyền thống có khả năng tái chính nếu cho nợ thì phải có bảo lãnh của Ngân hàng hoặc có tài sản đảm bảo, thời gian cho nợ không quá 15 đến 20 ngày; tuyệt đối không bán hàng cho những khách hàng đây đưa thanh toán nhằm đảm bảo an toàn vốn trong sản xuất kinh doanh.

- Rà soát đánh giá kỹ công tác lao động - tiền lương, có lộ trình tăng NSLĐ, tiết giảm lao động (đặc biệt là lao động gián tiếp). Thực hiện chế độ tiền lương của Công ty gắn với NSLĐ và hiệu quả, không tăng tiền lương khi không tăng NSLĐ và lợi nhuận.

- Tăng cường công tác đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ, kỹ năng chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ công nhân viên trong Công ty, Tăng cường đào tạo tay nghề đặc biệt là đội ngũ vận hành phòng điều khiển trung tâm và các kỹ sư công nghệ.

- Tăng cường công tác an toàn, công tác môi trường đảm bảo phấn đấu không có tai nạn lao động chết người và tai nạn lao động nặng, giảm thiểu tai nạn lao động nhẹ. Đảm bảo môi trường, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động.

- Giám sát chặt chẽ và chỉ đạo kịp thời các hoạt động của ban điều hành, duy trì tình hình tài chính ổn định.

- Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức theo hướng gọn nhẹ; chỉ đạo rà soát, bổ sung, sửa đổi, ban hành các quy chế, quy định trong quản lý phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, cũng như phù hợp với các Quy chế, qui định của Công ty mẹ và các qui định hiện hành của Nhà nước, tăng cường trách nhiệm của bộ máy điều hành, nâng cao hiệu quả SXKD.

Trên đây là báo cáo của Hội đồng quản trị về hoạt động quản trị doanh nghiệp của mình với những nội dung trên. Thay mặt Hội đồng quản trị tôi xin chúc các Quý cổ đông và các Quý vị đại biểu sức khỏe, thành công và hạnh phúc!

Thái Nguyên, ngày.....tháng 3 năm 2018

**T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Đỗ Huy Hùng

Số:/BC-ĐHĐCĐ.2018

Thái Nguyên, ngày tháng 3 năm 2018

Dự thảo



BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
Tại Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ III (2018 -2023)

Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định trong điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI;

Căn cứ vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI đã được kiểm toán bởi các Công ty kiểm toán độc lập;

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xi măng La Tiên VVMI xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông những nội dung sau:

I. Hoạt động của Ban kiểm soát

1. Hoạt động của Ban kiểm soát nhiệm kỳ II (2013 – 2018):

1.1. Ban kiểm soát đã hoạt động bám sát các nội dung theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ II (2013 - 2018); các quy định tại Điều lệ Công ty, Pháp luật Nhà nước, giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành đảm bảo tính hợp pháp, hợp lý các hoạt động kinh doanh nhiệm kỳ II (2013 - 2018) theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên các năm đã đề ra;

1.2. Trong nhiệm kỳ II (2013 - 2018), Ban kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp của Ban kiểm soát để phân công và triển khai nhiệm vụ tới từng thành viên; đánh giá, thẩm định kết quả kinh doanh, báo cáo tài chính quý, năm;

1.3. Tham gia tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty; đề từ đó năm bắt sát sao với tình hình thực tiễn tại các bộ phận đơn vị trong Công ty nhằm kiểm soát các hoạt động của đơn vị đúng với quy định của pháp luật cũng như phương hướng của Đại hội đồng cổ đông;

1.4. Tham mưu, tư vấn cho HĐQT, Ban điều hành trong việc sửa đổi, bổ sung, ban hành mới đầy đủ, các văn bản quy định phù hợp với quy mô phát triển của Công ty, chú trọng nâng cao chất lượng hiệu quả công tác quản trị điều hành. Trong nhiệm kỳ Công ty đã ban hành và sửa đổi một số quy chế, quy định như: *Quy chế quản lý tài chính; Quy chế đầu tư xây dựng; Quy chế quản lý vật tư; Quy chế vay vốn CBCNV; Quy chế làm việc của Ban chỉ đạo phòng, chống tham nhũng; Quy chế quản lý công nợ; Quy chế phân cấp quản lý công tác an toàn vệ sinh lao động; Quy chế thi đua, khen thưởng; Quy chế hỗ trợ người lao động chăm*

điặt hợp đồng LD trước tuổi về hưu; Quy chế quản lý lao động, tiền lương; Quy định về chế độ công tác phí và chi tiêu nội bộ...vv.

1.5. Tham gia ý kiến với HĐQT trong các vấn đề: Tổng kết và xây dựng kế hoạch năm, quý, tháng; phê duyệt và lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, bản bạc thực hiện các chiến lược kinh doanh của Công ty cũng như Nghị quyết của ĐHĐCĐ;

1.6. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Xem xét báo cáo tài chính hàng tháng và thẩm định báo cáo tài chính quý, năm của Công ty đã được soát xét và kiểm toán bởi các Công ty kiểm toán độc lập.

1.7. Hàng quý lập các báo cáo giám sát gửi Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP theo đúng quy định.

1.8. Trong nhiệm kỳ qua, Ban kiểm soát của Công ty không nhận được đơn thư khiếu nại, tố cáo hay yêu cầu nào của Cổ đông hoặc nhóm cổ đông về xem xét hoạt động SXKD của Công ty.

2. Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát nhiệm kỳ III (2018-2023):

Căn cứ vào nhiệm vụ của Ban kiểm soát và các chỉ tiêu kế hoạch SXKD nhiệm kỳ III của HĐQT Công ty, Ban kiểm soát đã xây dựng kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát tại CV số 015/CV-BKS ngày 25 tháng 01 năm 2018, tập trung vào các nhiệm vụ chính sau:

2.1. Soát xét lại tính hợp lý, hợp pháp của các Nghị quyết, quyết định, nội quy, quy định, quy trình của Công ty; từ đó cùng với HĐQT, Ban điều hành sửa đổi cho phù hợp với tình hình thực tiễn tại đơn vị;

2.2. Nâng cao khả năng áp dụng các mô hình quản trị doanh nghiệp và quản trị rủi ro trong sản xuất kinh doanh; tận dụng tối đa các thời cơ đồng thời chủ động với các rủi ro tiềm ẩn ảnh hưởng tới Công ty;

2.3. Quản trị chi phí và tiết kiệm trong sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường;

2.4. Hoàn thiện hơn nữa hệ thống kế toán và chế độ hạch toán kế toán, đáp ứng nhanh nhu cầu cung cấp thông tin cho Ban điều hành; phù hợp với chế độ và chuẩn mực kế toán hiện hành;

2.5. Công bố thông tin, minh bạch hóa các hoạt động tài chính trên thị trường chứng khoán, thỏa mãn lợi ích của nhà đầu tư.

II. Thủ lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát

1. Về thủ lao của Ban kiểm soát:

Trong nhiệm kỳ II (2013 – 2018), Công ty cổ phần xi măng La Hiên đã trả tiền lương và thủ lao cho Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên cụ thể như sau:



Bảng 1: Tiền lương và phụ cấp của BKS thực nhận giai đoạn 2013 - 2017

DVT: Triệu đồng

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương/phụ cấp	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Ghi chú
1	Nguyễn Hồng Hạnh	Trưởng BKS	Phụ cấp	21,36	21,36	9,10			Đến 15/04/2015
2	Phạm Đình Nguyên	Trưởng BKS	Phụ cấp			22,09	18,70		Từ 15/04/2015 đến 12/04/2016
3	Lã Đại Dương	Thành viên BKS	Phụ cấp	20,11	20,11	29,37	18,70		Đến 12/04/2016
4	Nguyễn Xuân Hậu	Thành viên BKS	Phụ cấp	20,11	20,11	29,37	65,66	77,18	
5	Hồ Thị Huệ	Thành viên BKS	Phụ cấp				46,97	71,24	Từ 12/04/2016
6	Nguyễn Anh Tuấn	Trưởng BKS chuyên trách	Tiền lương				244,28	334,58	Từ 12/04/2016 đến 02/11/2017
7	Nguyễn Thị Thu Hoài	Trưởng BKS chuyên trách	Tiền lương					21,53	Từ 02/11/2017
	Tổng cộng			61,58	61,58	89,93	394,31	504,53	

2. Về chi phí hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong nhiệm kỳ II (2013 – 2018), Ban kiểm soát đã tham gia tập huấn chương trình Kiểm toán nội bộ với tổng kinh phí đào tạo là: 2.246.000 đồng.

III. Kết quả của hoạt động kiểm tra và giám sát của Ban kiểm soát

1. Về công tác quản trị và điều hành Công ty:

a. Hội đồng quản trị:

- HĐQT đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm quản lý của mình tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy định khác của pháp luật.

- Các nghị quyết của HĐQT đã được ban hành tuân thủ thẩm quyền của HĐQT và nội dung của các nghị quyết này tuân thủ các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, và Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, và các quy định khác của pháp luật.

- HĐQT thông qua các cuộc họp định kỳ, đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định để thực thi nhiệm vụ quản lý điều hành các hoạt động của Công ty, tiếp tục ban hành, hoàn thiện các quy chế nội bộ để làm cơ sở cho hoạt động của công ty ngày càng rõ ràng, minh bạch.

- HĐQT giao Giám đốc thực hiện kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ II (2013 – 2018) đề ra.

- Trong quá trình hoạt động, HĐQT đã chỉ đạo, giám sát Giám đốc trong việc thực thi nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông thông qua. HĐQT luôn tuân thủ Điều lệ Tổng công ty, luật pháp nhà nước; phối hợp chặt chẽ với Ban điều hành cùng hợp tác nhằm đưa ra các giải pháp hữu hiệu để nâng cao kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Nhiệm kỳ II (2013 – 2018) HĐQT đã định hướng, chỉ đạo Công ty thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên giai đoạn năm 2013 - 2017, bảo toàn và phát triển được vốn của Công ty.

b. Ban điều hành:

Cùng với HĐQT, Ban điều hành có những chỉ đạo rất sát sao và quyết liệt trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình, đảm bảo duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, điều hành quản lý và phát huy các nguồn lực về vốn, tài sản; sử dụng vốn đúng mục đích trong sản xuất kinh doanh; tuân thủ các qui định của pháp luật trong kinh doanh, chấp hành đầy đủ nghĩa vụ tài chính với nhà nước theo qui định; quản lý chặt chẽ tài sản và nguồn vốn của Công ty; đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động.

Trong nhiệm kỳ II (2013 – 2018) thị trường tiêu thụ xi măng mặc dù đã có những chuyển biến tích cực nhưng tuy nhiên mức độ cạnh tranh vẫn diễn ra rất khốc liệt; song Ban điều hành đã nỗ lực tìm các giải pháp để hạ giá thành sản phẩm, đẩy mạnh công tác tiêu thụ, cụ thể:

+ Công ty đã có những giải pháp thích hợp để tăng hiệu quả SXKD; sản lượng tiêu thụ xi măng đã hoàn thành vượt mức với kế hoạch đề ra, đồng thời Công ty đã có giải pháp tích cực giữ vững được thị trường truyền thống, tăng giá bán xi măng cao hơn so với kế hoạch giao làm tăng hiệu quả kinh doanh của công ty.

+ Thay đổi công nghệ sản xuất, tăng mức Clinker; thay đổi phụ gia, tăng tỷ lệ pha phụ gia so với kế hoạch, góp phần giảm giá thành sản phẩm và ổn định được chất lượng sản phẩm.

+ Điều hành và kiểm soát tốt về năng suất các thiết bị chính như: máy nghiền liệu, nghiền than, nghiền xi măng nên đã đảm bảo duy trì sản xuất giảm thời gian huy động giờ cao điểm, tận dụng tối đa thời gian thấp điểm tiết kiệm chi phí điện năng, tăng hiệu quả kinh doanh.

+ Trong nhiệm kỳ II (2013 - 2018), Ban điều hành đã chỉ đạo các bộ phận có liên quan trong Công ty thực hiện nghiên cứu và triển khai áp dụng công nghệ đưa sản phẩm thari của nhà máy điện và mỏ than làm phụ gia, giảm giá thành sản xuất; cải tạo máy đóng bao, cải tạo ghi lạnh, cải thiện môi trường làm việc cho người lao động... mang lại hiệu quả kinh tế cao trong Công ty.

Tính đến năm 2017, bộ máy điều hành đã hoàn thành vượt các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên cụ thể: Lợi nhuận trước thuế đạt 131.429,93 triệu đồng/kế hoạch 108.869,80 triệu đồng bằng 120,72% so với kế hoạch, cơ tức chi trả dự kiến 52%/kế hoạch 43% bằng 120,93% so với kế hoạch;

Trong nhiệm kỳ II (2013 - 2018), thông qua hoạt động giám sát của mình, Ban kiểm soát không nhận thấy bất kỳ dấu hiệu bất thường nào trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Ban kiểm soát cho rằng tất cả các hoạt động của Công ty đã đảm bảo được việc phát triển an toàn, bền vững và tuân thủ theo đúng Pháp luật, Điều lệ công ty, các Nghị quyết của Đại hội Cổ đông và HĐQT.

2. Về tình hình hoạt động tài chính kế toán của Công ty:

- Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu về các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc tổ chức công tác tài chính kế toán, thực hiện hạch toán và lập các Báo cáo tài chính đầy đủ hàng quý, năm đảm bảo tính chính xác, trung thực, hợp pháp;

- Ban kiểm soát đánh giá cao bộ phận Tài chính - Kế toán Công ty trong việc cập nhật và áp dụng kịp thời, đúng, đủ các thay đổi chế độ kế toán của Nhà nước và Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam;

- Sau khi thẩm tra báo cáo quyết toán tài chính các năm 2013-2017 của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI được lập lại theo kết quả kiểm toán của Công ty kiểm toán độc lập, Ban kiểm soát xác nhận các số liệu tài chính thể hiện trung thực tình hình tài chính hiện tại của Công ty.

Tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm đầu ngày 01/01/2013 và cuối ngày 31/12/2017 như sau:

Bảng 2: Bảng cân đối kế toán:

DVT: Đồng

A	TÀI SẢN	31/12/2017	01/01/2013
I	Tài sản ngắn hạn	42.490.135.088	100.354.015.260
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	2.923.514.629	13.746.047.085
-	Tiền	2.923.514.629	13.746.047.085
2	Các khoản phải thu ngắn hạn	21.700.092.596	25.695.737.719
-	Phải thu của khách hàng	21.007.960.727	25.332.169.884
-	Trả trước cho người bán	1.035.927.348	47.884.172
-	Phải thu ngắn hạn khác	990.495.954	518.708.472
-	Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(1.334.291.433)	(203.024.809)
3	Hàng tồn kho	17.866.527.863	55.218.760.691
-	Hàng tồn kho	19.188.442.023	55.218.760.691
-	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.321.914.160)	
4	Tài sản ngắn hạn khác		5.693.469.765
-	Chi phí trả trước ngắn hạn		5.345.563.050
-	Thuế và các khoản phải thu NN		297.581.134
-	Tài sản ngắn hạn khác		50.325.581
II	Tài sản dài hạn	356.625.259.516	406.280.936.743
1	Các khoản phải thu dài hạn	381.351.904	
2	Tài sản cố định	349.291.627.672	631.656.844.415
-	Tài sản cố định hữu hình	333.875.255.048	611.365.822.290
	<i>Nguyên giá</i>	917.938.975.770	932.665.194.831
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	(584.063.720.722)	(321.299.372.541)
-	Tài sản cố định vô hình	15.416.372.624	19.018.666.194
	<i>Nguyên giá</i>	21.458.340.973	21.458.340.973
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	(6.041.968.349)	(2.439.674.779)
3	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	3.505.237.690	1.272.355.931
4	Tài sản dài hạn khác	3.447.042.250	6.603.026.946
-	Chi phí trả trước dài hạn	3.447.042.250	6.482.075.360
-	Tài sản dài hạn khác	0	120.951.586
	CỘNG TÀI SẢN	399.115.394.604	738.613.886.621
B	NGUỒN VỐN	31/12/2017	01/01/2013

A	TÀI SẢN	31/12/2017	01/01/2013
I	Nợ phải trả	246.344.788.951	640.988.637.289
1	Nợ ngắn hạn	220.345.387.856	246.878.088.472
-	Phải trả người bán ngắn hạn	36.108.090.988	151.055.940.580
-	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	564.044.055	424.883.425
-	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	6.710.258.656	91.545.252
-	Phải trả người lao động	25.415.378.305	4.108.710.446
-	Chi phí phải trả ngắn hạn	4.125.611.885	183.114.657
-	Phải trả nội bộ ngắn hạn		2.132.271.949
-	Phải trả ngắn hạn khác	1.391.546.107	991.620.012
-	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	141.327.440.950	87.800.000.000
-	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.703.016.910	90.002.151
2	Nợ dài hạn	25.999.401.095	394.110.548.817
-	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	25.618.049.191	394.078.557.508
-	Dự phòng phải trả dài hạn	381.351.904	
-	Quỹ phát triển KH & CN		31.991.309
II	Vốn chủ sở hữu	152.770.605.653	124.791.870.504
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	100.000.000.000	100.000.000.000
	Thặng dư vốn cổ phần	464.476.156	464.476.156
	Quỹ đầu tư phát triển	24.327.394.348	3.963.346.758
	Quỹ dự phòng tài chính		3.146.199.336
	Lợi nhuận sau thuế chưa PP	27.978.735.149	(9.948.772.918)
	CỘNG NGUỒN VỐN	399.115.394.604	738.613.886.621

11/12/2017
 C
 C
 XI M
 NHA

3. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

Các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tuân thủ theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và các quy định khác của pháp luật.

Kết quả sản xuất kinh doanh và số liệu kế toán đã được kiểm tra chặt chẽ, đảm bảo tính chính xác và hợp pháp trong việc ghi chép số liệu.

Số liệu về sản xuất kinh doanh giai đoạn năm 2013 - 2017:

Bảng 3: Bảng kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

DVT: Đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	584.026.934.391	575.306.633.936	646.790.228.309	656.524.457.436	650.532.113.029
2	Giá vốn hàng bán	496.932.989.427	493.813.958.756	555.398.525.290	563.541.769.708	560.804.888.662
3	Lợi nhuận gộp	87.093.944.964	81.492.675.180	91.391.703.019	92.982.687.728	89.727.224.367
4	Doanh thu hoạt động tài chính	618.772.511	32.774.615	20.595.497	77.504.299	2.267.008.099
5	Chi hoạt động tài chính	41.504.207.796	30.954.584.493	23.539.938.941	18.326.856.022	17.437.311.642
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>39.400.724.457</i>	<i>30.167.353.738</i>	<i>22.303.532.644</i>	<i>18.178.866.537</i>	<i>17.415.597.291</i>
6	Chi phí bán hàng	30.701.777.960	7.436.227.132	10.272.084.975	11.494.809.634	9.280.930.969
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	16.657.336.787	17.971.040.165	25.139.583.636	28.028.287.639	30.254.627.614
8	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-1.150.605.068	25.163.598.005	32.460.690.964	35.210.238.732	35.021.362.241
9	Thu nhập khác	5.753.599.012	6.574.293.724	2.057.979.507	1.401.276.239	1.012.130.438
10	Chi phí khác	3.050.060.081	4.851.244.709	1.996.788.306	1.177.403.403	998.859.993
11	Lợi nhuận khác	2.703.538.931	1.723.049.015	61.191.201	223.872.836	13.270.445
12	Tổng lợi nhuận trước thuế	1.552.933.863	26.886.647.020	32.521.882.165	35.434.111.568	35.034.632.686
13	Chi phí thuế TNDN hiện hành		4.280.521.106	7.204.090.160	7.169.495.980	7.055.897.537
14	Lợi nhuận sau thuế TNDN	1.552.933.863	22.606.125.914	25.317.792.005	28.264.615.588	27.978.735.149
15	Lãi cơ bản trên cổ phiếu		2.260,61	2.531,78	2.163,23	2.797,87

4. Một số chỉ tiêu tài chính của Công ty giai đoạn năm 2013 - 2017:

ĐVT: Đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
A	B				2	1
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán					
+	Hệ số thanh toán ngắn hạn	0,87	0,31	0,21	0,15	0,19
+	Hệ số thanh toán nhanh	0,35	0,10	0,07	0,06	0,11
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn					
+	Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,86	0,82	0,78	0,72	0,62
+	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	6,01	4,66	3,58	2,59	1,61
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động					
+	Vòng quay hàng tồn kho	8,41	8,72	10,86	15,76	25,24
+	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,84	0,93	1,20	1,47	1,63
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời					
+	Hệ số lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	0,003	0,039	0,039	0,043	0,043
+	Hệ số lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	0,016	0,208	0,214	0,226	0,183
+	Hệ số lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	0,002	0,037	0,047	0,063	0,070
+	Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh / Doanh thu thuần	-0,002	0,044	0,050	0,054	0,054

Nhìn chung những chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động và tài chính của Công ty thể hiện sự ổn định và an toàn, điều đó cho thấy Công ty cổ phần xi măng La Hiên có hệ thống quản trị tốt và hiệu quả. Tuy nhiên các hệ số về khả năng thanh toán còn thấp so với yêu cầu chung.

IV. Sự phối hợp giữa Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị và Ban điều hành:

- Giữa Ban kiểm soát, HĐQT và Ban điều hành Công ty đã duy trì được mối quan hệ trong công tác, hợp tác phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích của Công ty, tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ.

- Trong nhiệm kỳ II (2013 – 2018), HĐQT cùng Ban giám đốc và các cán bộ quản lý của các phòng ban chức năng Công ty đã tạo điều kiện cho Ban kiểm soát trong việc thu thập các thông tin, tài liệu cần thiết cho công tác kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát;

- Ban kiểm soát thường xuyên giám sát việc thực hiện công bố thông tin của Công ty đúng với các quy định hiện hành, đảm bảo thông tin đến cổ đông một cách đầy đủ, chính xác, kịp thời.

V. Kiến nghị của Ban kiểm soát

Trong bối cảnh nền kinh tế nước nhà đang trên đà tăng trưởng trở lại và ngày càng hội nhập sâu rộng, các hiệp định kinh tế song phương, đa phương như FTA, WTO, mà đặc biệt là hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP)...đang đưa Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI đến với nhiều cơ hội cũng như thách thức rất lớn; Bên cạnh đó cổ phiếu Công ty đã được thực hiện niêm yết và giao dịch trên sàn chứng khoán Hà Nội bởi vậy để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh trong năm 2018 và các năm tiếp theo, tạo được giá trị cổ phiếu trên sàn, đem lại lợi ích cho cổ đông - Ban kiểm soát đề nghị bộ máy điều hành công ty cần quan tâm một số nội dung sau:

- Tiếp tục nghiên cứu ứng dụng các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, công nghệ mới đưa vào thực tiễn nhằm tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm đồng thời tiết kiệm nhiên liệu, điện năng giảm chi phí sản xuất kinh doanh, nâng cao mức độ an toàn lao động và bảo vệ môi trường.

- Tiếp tục quản lý tốt chất lượng vật liệu sản xuất, phối liệu sống nhằm nâng cao chất lượng clinker sản xuất để tăng tỷ lệ pha phụ gia trong xi măng và giảm định mức tiêu hao nguyên vật liệu cho một tấn sản phẩm.

- Xây dựng kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng máy móc, thiết bị hợp lý, đúng định kỳ đồng thời tăng cường công tác kiểm tra sớm phát hiện các sự cố về thiết bị, công nghệ có thể xảy ra để có phương án xử lý kịp thời nhằm đưa thiết bị trở lại hoạt động sớm nhất có thể. Tìm hiểu và phân tích rõ nguyên nhân gây ra sự cố từ đó đưa ra biện pháp để phòng nhằm hạn chế việc phải dừng nhiều lần do cùng một nguyên nhân để nâng cao chất lượng sản phẩm và tăng thời gian hoạt động của thiết bị.

- Tăng cường các hoạt động Marketing, xây dựng thương hiệu cho sản phẩm, giữ vững và phát triển trên thị trường truyền thống; đặc biệt là thị trường tỉnh Thái Nguyên và không ngừng phát triển thị trường mới để tăng sản lượng tiêu thụ.

- Tăng cường công tác quản lý và thu hồi công nợ, giảm dư nợ khách hàng bình quân, an toàn và tăng vòng quay vốn. Có các biện pháp hữu hiệu để tăng hệ số khả năng thanh toán, giảm hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu.

- Điều hành một cách linh hoạt các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2018 và các năm tiếp theo.

- Tăng cường giám sát, thực hiện các nội dung yêu cầu đối với Công ty niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán, chấp hành đúng pháp luật, đảm bảo lợi ích cho nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.

- Sau khi đại hội cổ đông thông qua quyết toán tài chính và phương án phân phối lợi nhuận năm 2017. Đề nghị Công ty phối hợp với Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam tiến hành chi trả cổ tức cho các cổ đông theo phương án đã được Đại hội thông qua./.

TM. BAN KIỂM SOÁT
Trưởng ban

Nguyễn Thị Thu Hoài

Số: /TTr-DHĐCĐ 2018

Thái Nguyên, ngày ____ tháng 3 năm 2018

Dự thảo

TỜ TRÌNH

V/v lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 của
Công ty Cổ phần Xi măng La Tiên VVMI

Căn cứ luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Quyết định 89/2007/QĐ-BTC về việc ban hành Quy chế lựa chọn doanh nghiệp kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán;

Căn cứ Luật Kiểm toán độc số 67/2011/QH12 ngày 29 tháng 3 năm 2011;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xi măng La Tiên VVMI;

Ban kiểm soát công ty cổ phần Xi măng La tiên VVMI trình Đại hội về việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2018 như sau:

1. Yêu cầu đối với công ty kiểm toán độc lập:

Thuộc danh sách các Công ty kiểm toán độc lập được chấp thuận do Bộ Tài chính công bố hàng năm.

Căn cứ vào các công ty kiểm toán đã từng tham gia kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của công ty. Ban kiểm soát lựa chọn và trình 03 Công ty kiểm toán đề xuất tham gia kiểm toán Báo cáo quyết toán tài chính năm 2018 của công ty:

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

Công ty TNHH PKF Việt Nam.

Công ty TNHH Kiểm toán BDO.

Để đảm bảo thuận tiện cho việc lựa chọn công ty kiểm toán, đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn 01 công ty kiểm toán trong danh sách trên để tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty theo luật định trên nguyên tắc đảm bảo chất lượng dịch vụ và giá cả cạnh tranh.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

**T.M BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Lưu HĐQT, VP.
- Đăng tải Website Cty.

Nguyễn Thị Thu Hoài

BÁO CÁO TÓM TẮT 3 CÔNG TY KIỂM TOÁN

Trong nhiều năm từ 2000-2017 Công tác Kiểm toán Báo cáo tài chính năm Công ty chọn hoặc chào thầu đều có 3 công ty thường xuyên tham gia và thường hoán đổi khi đã thực hiện liền 2 năm.

1. Công ty TNHH Hãng Kiểm toán **AASC**:

Có 26 năm hoạt động với đội ngũ cán bộ (80 Kiểm toán viên cấp Nhà nước, 9 Kiểm toán viên chứng chỉ các Quốc gia Anh, Úc, Mỹ, 28 Thẩm định viên về giá, 46 cán bộ có chứng chỉ tư vấn Thuế, 1 chuyên gia Nhật, hơn 450 nhân viên).

Bộ Tài chính xếp top 5 nhà cung cấp dịch vụ Kiểm toán trong thị trường.

Được Chủ tịch nước tặng Huân chương lao động hạng: 3, 2, 1.

Tham gia Kiểm toán các Tập đoàn, Tổng công ty, các Doanh nghiệp lớn trong nền Kinh tế tại Việt nam.

2. Công ty TNHH **PKF** Việt Nam:

Có 22 năm hoạt động là thành viên chính thức PKF Quốc tế tại Việt nam với độ ngũ cán bộ (02 Tiến sĩ, 9 thạc sĩ chuyên ngành, 31 Kiểm toán viên, cùng 80 cán bộ trợ lý kiểm toán và nhân viên khác) thực hiện dịch vụ Kiểm toán, Dịch vụ thẩm định giá, Dịch vụ tư vấn thuế, Dịch vụ tư vấn thành lập DN, Dịch vụ Đào tạo kiểm toán tài chính kế toán.

Tham gia kiểm toán các Tập đoàn, Tổng công ty, các Doanh nghiệp lớn trong nền Kinh tế tại Việt nam.

3. Công ty TNHH Kiểm toán **BDO**:

Có 15 năm hoạt động trong lĩnh vực Kiểm toán với đội ngũ (145 người trong đó số Kiểm toán viên đăng ký hành nghề: 21 người, Kiểm toán viên có chứng chỉ: 32 người.) thực hiện dịch vụ Kiểm toán, Dịch vụ thẩm định giá, Dịch vụ tư vấn thuế.

Tham gia kiểm toán các Tập đoàn, Tổng công ty, các Doanh nghiệp lớn trong nền Kinh tế tại Việt nam.



Số: /TTr-ĐHĐCD.2018

Thái Nguyên, ngày tháng 3 năm 2018

Dự thảo



TỜ TRÌNH

V/v phê duyệt quy chế nội bộ về quản trị Công ty
Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI

Căn cứ luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI;

Căn cứ nghị định số 71/2017/ND-CP ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chính Phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI được xây dựng theo quy chế mẫu quy định tại thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính quy định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

(Dự thảo quy chế nội bộ về quản trị Công ty kèm theo)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

**T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Lưu HDQT, VP.
- Đăng tải Website Cty.

Đỗ Huy Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

Dự thảo



QUY CHẾ
NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

Thái Nguyên, tháng 4 năm 2018

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	1
Điều 2. Giải thích từ ngữ	1
CHƯƠNG II. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐHĐCD	2
Điều 3. TB về việc chốt DS cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCD	2
Điều 4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông	2
Điều 5. Cổ đông yêu cầu bổ sung chương trình họp của Đại hội đồng cổ đông	3
Điều 6. Cách thức đăng ký và ủy quyền tham dự ĐHĐCD	4
Điều 7. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu	5
Điều 8. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông	5
Điều 9. Ghi và lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	5
Điều 10. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông cho cổ đông và công bố ra công chúng	6
Điều 11. Việc Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	6
CHƯƠNG III. THÀNH VIÊN HĐQT	7
Điều 12. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT	7
Điều 13. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT	8
Điều 14. Cách thức giới thiệu, bầu thành viên Hội đồng quản trị	8
Điều 15. Bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị	10
Điều 16. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	10
Điều 17. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	10
CHƯƠNG IV: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	11
Điều 18. Cuộc họp Hội đồng quản trị	11
Điều 19. Thông báo họp Hội đồng quản trị	11
Điều 20. Ủy quyền tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị	11
Điều 21. Điều kiện tổ chức họp HĐQT, cách thức biểu quyết, thông qua nghị quyết HĐQT	12
Điều 22. Biên bản và thông qua biên bản họp Hội đồng quản trị	12
Điều 23. Thông báo về nghị quyết Hội đồng quản trị	12
CHƯƠNG V: KIỂM SOÁT VIÊN VÀ BAN KIỂM SOÁT	13
Điều 24. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên và thành phần Ban kiểm soát	13
Điều 25. Cách thức bầu Kiểm soát viên	14
Điều 26. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	14
Điều 27. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	15
CHƯƠNG VI: CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT	15
Điều 28. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	15

Nội dung	Trang
Điều 29. Nguyên tắc hoạt động của các tiểu ban	15
CHƯƠNG VII: NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP	15
Điều 30. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp	15
Điều 31. Giám đốc	16
Điều 32. Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp khác:	16
Điều 33. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp	16
Điều 34. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp	16
Điều 35. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp	17
CHƯƠNG VIII: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BKS VÀ GIÁM ĐỐC	17
Điều 36. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	17
Điều 37. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và Giám đốc	18
Điều 38. Việc tiếp cận thông tin	18
Điều 39. Phối hợp hoạt động giữa BKS và Giám đốc	18
Điều 40. Phối hợp giữa Giám đốc điều hành và HĐQT, BKS	19
CHƯƠNG IX: KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT	20
Điều 41: Khen thưởng	20
Điều 42. Xử lý vi phạm và kỷ luật	20
CHƯƠNG X: NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY	20
Điều 43. Tiêu chuẩn của người phụ trách quản trị công ty	20
Điều 44. Quyền và nghĩa vụ của người phụ trách quản trị công ty	20
Điều 45. Việc bổ nhiệm người phụ trách quản trị công ty	21
Điều 46. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty	21
Điều 47. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty	21
CHƯƠNG XI: CHẾ ĐỘ GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM	21
Điều 48. Giám sát	21
Điều 49. Xử lý vi phạm	21
CHƯƠNG XII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	22
Điều 50. Điều khoản thi hành	22

30
A
21
M
V
I

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

(Ban hành theo Nghị quyết số:...../NQ-DHĐCĐ ngày 05 tháng 4 năm 2018)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI áp dụng khi Công ty cổ phần niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Quy chế này được xây dựng theo qui định của:

- a. Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- b. Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006;
- c. Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 70/2006/QH11;
- d. Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;
- e. Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;
- f. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI;

2. Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc và cán bộ quản lý khác của Công ty.

3. Quy chế này cũng là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị công ty của Công ty.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

1. Chữ viết tắt:

- a. “Công ty” là Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI;
- b. “ĐHĐCĐ”: Đại hội đồng cổ đông;
- c. “HDQT”: Hội đồng quản trị;
- d. “BKS”: Ban kiểm soát.

2. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a. “Quản trị công ty” là hệ thống các nguyên tắc, bao gồm:
 - Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;

- Đảm bảo hiệu quả hoạt động của HĐQT, BKS;
- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;
- Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;

b. “Công ty đại chúng” là công ty cổ phần được quy định tại khoản 1 Điều 25 Luật chứng khoán;

c. “Cổ đông lớn” là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán;

d. “Người quản lý doanh nghiệp” được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật doanh nghiệp;

e. “Người điều hành doanh nghiệp” là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quyết định của HĐQT trên cơ sở đề nghị của Giám đốc;

f. “Thành viên HĐQT không điều hành” (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên HĐQT không phải là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;

g. “Thành viên độc lập HĐQT” (sau đây gọi là thành viên độc lập) là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 151 Luật doanh nghiệp;

h. Người phụ trách quản trị công ty là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 18 Nghị định 71/2017/NĐ-CP;

i. Người có liên quan là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán;

3. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

4. Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định về quản trị công ty khác với quy định tại nghị định này thì áp dụng quy định của pháp luật chuyên ngành.

Chương II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐHĐCĐ

Điều 3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ

Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật chứng khoán áp dụng cho các công ty niêm yết.

Điều 4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Sau khi có báo cáo kiểm toán, Hội đồng Quản trị Công ty hợp, ra quyết định

triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên và thống nhất thông qua các nội dung, chương trình đại hội.

2. Hội đồng Quản trị Công ty phải chuẩn bị các công việc sau:

a. Thông báo việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày chốt danh sách.

b. Dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty, chuẩn và chốt danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;

c. Chuẩn bị chương trình, nội dung họp và các tài liệu phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;

d. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

f. Các công việc khác phục vụ Đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty và Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, *(tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư)*. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm theo thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ hướng dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận bao gồm:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

c. Phiếu biểu quyết;

d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;

e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Điều 5. Cổ đông yêu cầu bổ sung chương trình họp của Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 của Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu bổ sung chương trình họp Đại hội đồng cổ đông theo trình tự như sau:

a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông lập yêu cầu bổ sung chương trình họp Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản gửi cho Chủ tịch HĐQT bằng cách gửi thư hoặc gửi

trực tiếp cho Thư ký công ty tại trụ sở chính của Tổng công ty ít nhất ba (03) ngày trước ngày tổ chức Đại hội dự kiến. Yêu cầu phải nêu rõ thông tin về cổ đông, số lượng cổ phần sở hữu, thời gian sở hữu, các vấn đề cần bổ sung vào chương trình họp, chữ ký của cổ đông hoặc toàn bộ các cổ đông trong nhóm cổ đông và các bằng chứng chứng minh cho yêu cầu của cổ đông.

b. Trường hợp từ chối kiến nghị thì Hội đồng quản trị phải trả lời cho cổ đông bằng văn bản trước ngày dự kiến tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông.

c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền yêu cầu Ban kiểm soát làm việc với Hội đồng quản trị trong trường hợp không đồng ý với quyết định của Hội đồng quản trị về việc này.

d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được chấp thuận kiến nghị bổ sung chương trình họp phải cung cấp cho Chủ tịch Hội đồng quản trị các tài liệu cần thiết để Ban tổ chức Đại hội chuẩn bị, in ấn và phát cho các cổ đông dự họp tham khảo và thảo luận, đồng thời chuẩn bị dự thảo nghị quyết về vấn đề này.

2. Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 12 của Điều lệ Công ty cũng có thể gửi kiến nghị đến Hội đồng quản trị đề nghị bổ sung chương trình họp Đại hội đồng cổ đông theo trình tự nêu trên. Tuy nhiên, Hội đồng Quản trị có toàn quyền xem xét và quyết định việc bổ sung nội dung này.

Điều 6. Cách thức đăng ký và ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ

1. Cổ đông có thể đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm một trong các cách thức sau: đăng ký trực tiếp, qua điện thoại, fax, gửi thư hoặc gửi thư điện tử cho công ty trước thời hạn ghi trong thư mời họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Nếu cổ đông không thể tham dự Đại hội thì có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự, việc ủy quyền cho người đại diện phải được lập thành văn bản theo mẫu của Công ty đã gửi kèm thư mời họp và phải đảm bảo các yêu cầu sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

c. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử, thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của người đại diện. Đại diện ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác.

d. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải mang theo chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu để kiểm tra và nộp lại văn bản bản gốc giấy ủy quyền trước khi vào họp.

Điều 7. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu

1. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một mã số, chỗ ngồi và một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên người được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó tương ứng với cổ phần mà cổ đông đang nắm giữ. Thẻ biểu quyết này dùng để biểu quyết tất cả các vấn đề cần biểu quyết trong Đại hội.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Khi tiến hành biểu quyết từng vấn đề tại Đại hội phải tổng hợp số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề. Tổng số thẻ ủng hộ, phản đối hay số thẻ không có ý kiến gì, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó.

3. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tại Đại hội đồng cổ đông thì những quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương Đại hội.

Điều 8. Cách thức phân đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông biểu quyết phân đối nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

2. Cổ đông, Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 24 của Điều lệ Công ty. Mọi chi phí liên quan đến thủ tục yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông sẽ do người yêu cầu trả.

3. Trong mọi trường hợp, cổ đông vẫn phải tuân thủ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cho đến khi có phán quyết có hiệu lực của Tòa án hoặc Trọng tài về việc hủy nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 9. Ghi và lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Thư ký Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm ghi toàn bộ diễn biến Đại hội, lập biên bản và đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua tại đại hội.

2. Biên bản họp được ghi vào sổ biên bản của Công ty, có thể được ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác, biên bản phải lập bằng tiếng Việt có thể lập thêm bằng tiếng Anh, bao gồm các nội dung quy định tại Điều 146 Luật doanh nghiệp.

3. Thư ký đại hội đồng cổ đông phải đọc dự thảo biên bản tại đại hội để các cổ đông dự họp kiểm tra nội dung trước khi trình Chủ tọa ký.

4. Chủ tọa và Thư ký đại hội đồng cổ đông phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, kèm theo phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, phiếu biểu quyết, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết toàn văn được thông qua tại đại hội, các tài liệu gửi kèm theo thư mời và các tài liệu phát tại Đại hội phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

6. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp; phải được công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty trong thời hạn 24 giờ, trường hợp Công ty chưa có website thì phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp.

7. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

Điều 10. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông cho cổ đông và công bố ra công chúng

Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua, hoặc được đăng tải trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty.

Điều 11. Việc Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty (*trừ các nội dung quy định tại Khoản 2, Điều 21 Điều lệ Công ty phải được biểu quyết thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông*). Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông. HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3, Điều 18 Điều lệ Công ty.

3. Phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 22 Điều lệ Công ty.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau đây:

a) Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.

b) Gửi Fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua Fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi Fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;

5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Nội dung của Biên bản kiểm phiếu theo quy định tại khoản 5 Điều 22 Điều lệ Công ty.

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn 24 giờ, trường hợp Công ty chưa có website thì phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết, quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như Nghị quyết, quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

9. Các trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản theo khoản 2 Điều 21 Điều lệ Công ty.

Chương III

THÀNH VIÊN HĐQT

Điều 12. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn theo khoản 1 Điều 151 Luật doanh nghiệp và điều kiện sau đây:

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp 2014;

2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác.

3. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác.

4. Đối với công ty con mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ thì thành viên Hội đồng quản trị không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Giám đốc, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

5. Thành viên Hội đồng quản trị của 01 công ty đại chúng không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác.

Điều 13. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị

1. Đề cử vào HĐQT

a. Các cổ đông nắm giữ ít hơn 5% số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị.

b. Nếu cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu số cổ phần có quyền biểu quyết:

- Từ 5% đến dưới 20% được đề cử một (01) ứng viên;
- Từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
- Từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
- Từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

2. Cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông và sở hữu số cổ phần có quyền biểu quyết từ 5% trở lên trong thời gian liên tục ít nhất 06 tháng có đủ tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều này có quyền ứng cử Thành viên HĐQT.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên được công bố rõ ràng và được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành bầu cử.

4. Ứng viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên HĐQT theo khoản 8 Điều 25 điều lệ Công ty.

Điều 14. Cách thức giới thiệu, bầu thành viên Hội đồng quản trị

1. Danh sách, lý lịch và các thông tin có liên quan của các ứng viên được đề cử hoặc ứng cử để bầu vào Hội đồng quản trị phải được gửi về cho Hội đồng quản trị

đương nhiệm chậm nhất mười (10) ngày trước khi Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức.

2. Danh sách ứng viên được đề cử hoặc ứng cử vào Hội đồng quản trị (kèm theo lý lịch, thông tin) phải được niêm yết công khai tại trụ sở chính của Công ty, địa điểm nơi tổ chức Đại hội và đăng trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty.

3. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên hoặc phân bổ đồng đều.

4. Phiếu bầu do Ban tổ chức in sẵn, có danh sách các ứng viên, sắp xếp theo thứ tự theo bảng chữ cái tiếng Việt, có ghi giá trị hoặc số cổ phiếu, có đóng dấu Công ty.

5. Cổ đông có quyền bầu cho chính mình nếu họ có tên trong danh sách ứng cử viên ghi trong phiếu bầu cử.

6. Phiếu bầu được phát tại buổi họp Đại hội đồng cổ đông. Trên mỗi phiếu bầu có ghi tên những người ứng cử vào Hội đồng quản trị, thông tin về cổ đông và tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ đại diện. Cổ đông phải kiểm tra số cổ phần ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo lại ngay tại thời điểm nhận phiếu.

7. Phiếu bầu không hợp lệ là phiếu thuộc một hoặc nhiều trường hợp sau:

- Phiếu không phải của Ban kiểm phiếu phát hành;
- Phiếu bầu cho nhiều người hơn số lượng đã được quy định;
- Phiếu có tẩy xóa, sửa chữa nội dung;
- Phiếu bầu có tên những người ngoài danh sách đề cử và ứng cử đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi bầu cử;
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hoặc quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

8. Căn cứ vào số lượng thành viên quy định cho Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông sẽ dựa vào tỷ lệ phiếu bầu có số cổ phần cao nhất từ trên xuống để chọn cho đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị.

9. Nếu bầu vòng thứ nhất mà không đủ số thành viên Hội đồng quản trị thì Đại hội đồng cổ đông tiếp tục bầu vòng thứ hai đối với những ứng viên còn lại cho tới khi đủ thành viên Hội đồng quản trị hoặc do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

10. Trong trường hợp phải lựa chọn một (01) trong hai (02) ứng cử viên đạt được tỷ lệ phiếu bầu có số cổ phần bằng nhau thì việc lựa chọn sẽ do Chủ tọa quyết định theo một phương thức mà Đại hội đồng cổ đông cho là phù hợp.

11. Kết quả bầu cử được công nhận sau khi biên bản bầu cử đã được Chủ tọa phê chuẩn và nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 15. Bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Sau khi có kết quả bầu cử thành viên Hội đồng quản trị của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên của mình để bầu ra một (01) Chủ tịch.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Giám đốc điều hành của Công ty.

Điều 16. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải họp và ra quyết định về việc bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp theo quy định tại khoản 9 Điều 25 của Điều lệ Công ty:

a) Không đủ tư cách làm thành viên HĐQT nữa theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên HĐQT;

b) Gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;

c) Bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự;

d) Vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của HĐQT liên tục trong vòng 6 tháng mà không có sự cho phép của HĐQT và HĐQT đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống, trừ trường hợp bất khả kháng;

e) Bị bãi nhiệm thành viên HĐQT theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

f) Không còn là đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó;

g) Là đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Công ty nữa.

h) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

i) Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;

k) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;

Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT phải được công bố ra công chúng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Chương IV

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 18. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị họp thường kỳ mỗi quý ít nhất một (01) lần của tháng đầu quý hoặc họp bất thường theo quy định tại khoản 2 và 3 Điều 28 của Điều lệ Công ty.
3. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể mời các cá nhân khác tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị. Những người được mời có thể phát biểu ý kiến khi được chủ tọa yêu cầu, nhưng không được biểu quyết.
4. Người triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị có trách nhiệm chỉ đạo Thư ký Công ty chuẩn bị tài liệu họp và chuyển tài liệu cho từng Thành viên Hội đồng quản trị và đại biểu được mời họp.

Điều 19. Thông báo họp Hội đồng quản trị

1. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho Thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên trong thời hạn ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày tổ chức họp, đồng thời có thể gửi Giám đốc Công ty không phải là thành viên HĐQT. Giấy mời họp phải ghi rõ thời gian, địa điểm họp, nội dung hoặc chương trình họp, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp được gửi bằng đường bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện phù hợp khác, nhưng phải đảm bảo đến được địa chỉ của từng Thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên đã được đăng ký tại Công ty.
2. Tài liệu họp của phiên họp Hội đồng quản trị phải được gửi đến các Thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên trong thời hạn ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày tổ chức họp. Thành viên Hội đồng quản trị nếu như không nhận được tài liệu họp đúng thời hạn do lỗi của Hội đồng quản trị hay Thư ký công ty có quyền đề nghị hoãn lại ngày họp và Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ tổ chức lại theo đề nghị của Thành viên.

Điều 20. Ủy quyền tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị (kể cả Chủ tịch Hội đồng quản trị) có thể ủy quyền cho một (01) Thành viên Hội đồng quản trị khác tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị bằng văn bản gửi đến Chủ tịch Hội đồng quản trị trước ngày tổ chức họp ít nhất một (01) ngày. Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền thì phải thông báo cho các Thành viên Hội đồng quản trị biết trước ngày tổ chức cuộc họp ít nhất một (01) ngày.
2. Thành viên Hội đồng quản trị không được phép ủy quyền cho người không phải là Thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp nếu không được đa số Thành viên Hội đồng quản trị còn lại chấp thuận.

Điều 21. Điều kiện tổ chức họp HĐQT, cách thức biểu quyết, cách thức thông qua nghị quyết Hội đồng quản trị

1. Số thành viên tham dự tối thiểu theo khoản 8 Điều 28 Điều lệ Công ty và có đầy đủ tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của Thành viên.

2. Cách thức biểu quyết, thông qua nghị quyết HĐQT theo khoản 9, 11, 12 Điều 28 Điều lệ Công ty.

Điều 22. Biên bản và thông qua biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị đều phải được ghi vào sổ biên bản. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có các nội dung chủ yếu sau:

- Tên, trụ sở chính, số và ngày đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
- Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- Thời gian, địa điểm họp;
- Họ và tên từng thành viên họp hoặc người được ủy quyền dự họp; họ và tên các thành viên không dự họp, lý do;
- Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- Kết quả biểu quyết, trong đó ghi rõ những thành viên đồng ý, những thành viên phản đối và những thành viên bỏ phiếu trắng;
- Các vấn đề đã được thông qua;
- Chữ ký của tất cả các thành viên hoặc đại diện theo ủy quyền dự họp;
- Chủ tọa và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

2. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được thông qua và biểu quyết nhất trí tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

3. Các tài liệu sử dụng trong cuộc họp Hội đồng quản trị phải được lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty.

4. Thư ký Công ty có trách nhiệm chuyên biên bản họp và nghị quyết Hội đồng quản trị cho các Thành viên Hội đồng quản trị (bao gồm các thành viên dự họp và các thành viên vắng mặt).

Điều 23. Thông báo về nghị quyết Hội đồng quản trị

Công ty có trách nhiệm thông báo nghị quyết HĐQT trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan (nếu được yêu cầu), hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty theo trình tự và quy định của pháp luật doanh nghiệp và pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Chương V

KIỂM SOÁT VIÊN VÀ BAN KIỂM SOÁT

Điều 24. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên và thành phần Ban kiểm soát

1. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên theo khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp năm 2014, cụ thể:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật này;

b) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;

c) Không được giữ các chức vụ quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

d) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

2. Số lượng Kiểm soát viên là ba (03) người. Các Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông bầu. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Việc đề cử Kiểm soát viên được thực hiện theo khoản 5 Điều 34 của Điều lệ Công ty:

a. Các cổ đông nắm giữ ít hơn 5% số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát.

b. Nếu cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu số cổ phần có quyền biểu quyết:

- Từ 5% đến dưới 20% được đề cử một (01) ứng viên;

- Từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;

- Từ 50% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

4. Cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông và sở hữu số cổ phần có quyền biểu quyết từ 5% trở lên trong thời gian liên tục ít nhất 06 tháng có đủ tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều này có quyền ứng cử Kiểm soát viên.

5. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên được công bố rõ ràng và được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành bầu cử.

6. Ứng viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực

hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát theo khoản 7 Điều 34 điều lệ Công ty.

Điều 25. Cách thức bầu Kiểm soát viên

1. Việc biểu quyết bầu Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu hoặc đại diện nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

2. Những người trúng cử Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

3. Trường hợp bầu lần thứ nhất không đủ số lượng thành viên Ban kiểm soát theo quy định thì phải tiến hành bầu tiếp lần hai trong số những người đã được đề cử của lần thứ nhất còn lại. Trường hợp khi bầu lần thứ hai vẫn chưa đủ số lượng quy định thì Đại hội đồng cổ đông quyết định có bầu tiếp hay không, nếu Đại hội đồng cổ đông không quyết định được thì chủ tọa Đại hội quyết định.

Điều 26. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên;

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a. Kiểm soát viên đó bị pháp luật cấm làm Kiểm soát viên hoặc không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 164 Luật doanh nghiệp.

b. Kiểm soát viên đó có đơn từ chức được gửi đến trụ sở chính Công ty và được chấp thuận;

c. Kiểm soát viên đó không thực hiện nghĩa vụ của mình, vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép Kiểm soát viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống, trừ trường hợp bất khả kháng;

2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a. Kiểm soát viên đó bị rối loạn tâm thần và các Kiểm soát viên khác có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự;

b. Kiểm soát viên đó bị bãi nhiệm Kiểm soát viên theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông do không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

c. Không còn là đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó;

d. Là đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Công ty nữa.

e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty.

Điều 27. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên.

Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật chứng khoán.

Chương VI

CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT

Điều 28. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị;

Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm soát nội bộ. Thành viên của tiểu ban có ít nhất ba (03) người, bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Các thành viên Hội đồng quản trị độc lập/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 29. Nguyên tắc hoạt động của các tiểu ban

Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty.

Chương VII

NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

Điều 30. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp

1. Hệ thống quản lý của Công ty đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước HĐQT và chịu sự giám sát, chỉ đạo của HĐQT trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc, một số Phó giám đốc điều hành, một Kế toán trưởng và các chức danh điều hành khác do HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm theo Quy chế quản lý của Công ty. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết HĐQT được thông qua một cách hợp thức. Giám đốc, các Phó giám đốc và Kế toán trưởng Công ty có thể đồng thời cùng là thành viên HĐQT.

2. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm mãn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức sản xuất kinh doanh.

Điều 31. Giám đốc

1. HĐQT bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Giám đốc Công ty và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan. Thông tin về tiền lương, thù lao, và lợi ích khác của Giám đốc Công ty phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Giám đốc điều hành là năm (5) năm trừ khi HĐQT có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại Hợp đồng lao động (nếu có). Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Giám đốc Công ty phải có tiêu chuẩn theo Điều 65 Luật doanh nghiệp và không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho Công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.

4. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ theo Khoản 4 điều 33 Điều lệ Công ty.

5. Giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước HĐQT và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo cho những cơ quan này khi được yêu cầu.

6. HĐQT có thể bãi nhiệm Giám đốc điều hành khi có đa số (trên 50%) thành viên HĐQT dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Giám đốc điều hành mới thay thế. Giám đốc điều hành bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất.

Điều 32. Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp khác:

Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được quyền tuyển dụng, sử dụng cán bộ điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và cơ chế quản lý công ty do Hội đồng quản trị quy định.

Điều 33. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp

Công ty ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp theo quy định của pháp luật lao động.

Điều 34. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp

Người điều hành doanh nghiệp bị miễn nhiệm trong các trường hợp theo quy định tại Điều lệ Công ty và hợp đồng lao động đã ký kết.

Điều 35. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp

Công ty phải tổ chức thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý trong nội bộ Công ty và công bố thông tin theo quy định của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Chương VIII

PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BKS VÀ GIÁM ĐỐC

Điều 36. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

1. Trách nhiệm của HĐQT trong mối quan hệ phối hợp với BKS:

a. Thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo được gửi đến các thành viên BKS cùng thời gian gửi đến các thành viên HĐQT;

b. Các nghị quyết của HĐQT được gửi đến BKS (*đồng thời với thời điểm gửi Giám đốc*) trong thời hạn theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty;

c. Khi BKS đề xuất lựa chọn Kiểm toán độc lập, HĐQT phải phản hồi ý kiến theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty;

d. Các nội dung khác cần xin ý kiến của BKS phải được gửi trong thời hạn quy định và BKS có trách nhiệm phản hồi theo đúng quy định tại Quy chế này và Điều lệ công ty.

2. Trách nhiệm của BKS trong mối quan hệ phối với HĐQT:

a. Thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHCĐ;

b. Trong các cuộc họp của BKS, BKS có quyền yêu cầu thành viên HĐQT (*cùng lúc yêu cầu Giám đốc điều hành, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập*) tham dự và trả lời các vấn đề mà thành viên BKS quan tâm;

c. Cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (*không trễ hơn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc*) gửi cho HĐQT để có thêm cơ sở giúp HĐQT trong công tác quản lý Công ty. Tùy mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với HĐQT, Giám đốc trước khi báo cáo trước ĐHCĐ. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với ĐHCĐ gần nhất;

d. Trường hợp BKS phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của các thành viên HĐQT, BKS thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm pháp luật chấm dứt vi phạm và có biện pháp khắc phục hậu quả đồng thời BKS có trách nhiệm báo cáo trước ĐHCĐ đồng thời báo cáo, công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành;

d. Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của công ty thì BKS phải gửi văn bản và tài liệu liên quan trước ít nhất 15 ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi.

e. Các nội dung khác cần xin ý kiến của HĐQT phải được gửi trước ít nhất là 7 ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng 7 ngày làm việc.

Điều 37. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và Giám đốc

1. Đối với công tác tổ chức cuộc họp ĐHCĐ thường niên, HĐQT phải thông báo cho Giám đốc về việc phối hợp, sử dụng nguồn lực trong thời hạn hợp lý theo quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Trong trường hợp cấp thiết, HĐQT có quyền yêu cầu Giám đốc, cán bộ điều hành khác trong công ty cung cấp các thông tin về hoạt động của công ty. HĐQT không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

3. Các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT phê duyệt theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty mà được Giám đốc đề xuất phải được HĐQT phản hồi trong thời hạn theo quy định của Điều lệ Công ty.

4. Hội đồng quản trị quyết định khen thưởng hoặc kỷ luật đối với việc hoàn thành hoặc không hoàn thành thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Giám đốc.

Điều 38. Việc tiếp cận thông tin

1. Việc tiếp cận thông tin và tài liệu của Công ty, BKS có nghĩa vụ nêu lý do trong văn bản yêu cầu cung cấp và bảo mật tuyệt đối các thông tin thu thập trong quá trình giám sát hoạt động công ty. Việc tiết lộ các thông tin này chỉ được phép thực hiện khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền nhưng phải thông báo cho HĐQT trước khi cung cấp hoặc các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Các thông tin và tài liệu này bao gồm:

a. Thông báo mời họp cùng tài liệu liên quan, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT;

b. Biên bản, Nghị quyết của HĐQT;

c. Báo cáo của Giám đốc;

d. Thông tin, tài liệu về quản lý, báo cáo tài chính;

đ. Báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT;

e. Tài liệu khác liên quan.

Điều 39. Phối hợp hoạt động giữa BKS và Giám đốc

BKS có chức năng kiểm tra và giám sát.

a. Trong các cuộc họp của BKS, BKS có quyền yêu cầu Giám đốc (cùng lúc yêu cầu cả thành viên HĐQT và thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên BKS quan tâm;

b. Cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho Giám đốc để có thêm cơ sở giúp Giám đốc trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với Giám đốc trước khi báo cáo trước ĐHĐCĐ. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền báo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với ĐHĐCĐ gần nhất;

c. Trường hợp BKS phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm điều lệ công ty của Giám đốc, BKS thông báo bằng văn bản với Giám đốc trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả đồng thời BKS có trách nhiệm báo cáo trước ĐHĐCĐ đồng thời công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành;

d. Thành viên BKS có quyền yêu cầu Giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty tại Trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ;

d. Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu của BKS phải được gửi đến công ty trước ít nhất 48 giờ. BKS không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

e. Các nội dung khác cần xin ý kiến của Giám đốc phải được gửi trước ít nhất là 7 ngày làm việc và Giám đốc sẽ phản hồi trong vòng 7 ngày làm việc.

Điều 40. Phối hợp giữa Giám đốc điều hành và HĐQT, BKS

1. Giám đốc là người thay mặt điều hành hoạt động của công ty, đảm bảo công ty hoạt động liên tục và hiệu quả.

2. Giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu;

3. Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động SXKD và quản lý của Công ty, Giám đốc gửi cho HĐQT sớm nhất có thể nhưng không ít hơn 7 ngày trước ngày nội dung đó cần được quyết định;

4. Giám đốc điều hành phải lập kế hoạch đề HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý;

5. Các nội dung khác cần xin ý kiến của HĐQT phải được gửi trước ít nhất là 7 ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng 7 ngày.

Chương IX

KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 41: Khen thưởng

Hàng năm, căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cá nhân, người quản lý Công ty sẽ được khen thưởng theo Quy chế thi đua khen thưởng Công ty.

Điều 42. Xử lý vi phạm và kỷ luật

1. Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh để xác định mức độ và hình thức kỷ luật theo quy định của pháp luật và của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác không hoàn thành nhiệm vụ của mình sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do mình gây ra.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật và quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác thì bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương X

NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 43. Tiêu chuẩn của người phụ trách quản trị công ty

Tiêu chuẩn Người phụ trách quản trị Công ty như khoản 2 Điều 30 của Điều lệ Công ty, cụ thể:

- a. Có hiểu biết về pháp luật;
- b. Không được đồng thời làm việc cho Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
- c. Am hiểu hoạt động kinh doanh và quản trị nội bộ của Công ty; Có khả năng tổng hợp, sử dụng thành thạo tin học và các thiết bị văn phòng.
- d. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 44. Quyền và nghĩa vụ của người phụ trách quản trị công ty

- a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;
- đ. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- e. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
- f. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về hoạt động công bố thông tin của Công ty.
- g. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- h. Được hưởng thù lao (phụ cấp) theo Quy chế quản lý nội bộ của Công ty và/hoặc theo quyết định của Hội đồng quản trị.
- i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 45. Việc bổ nhiệm người phụ trách quản trị công ty

Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Người phụ trách quản trị Công ty kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 152 Luật doanh nghiệp. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

Điều 46. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

Điều 47. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty.

Thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật chứng khoán

Chương XI CHẾ ĐỘ GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 48. Giám sát

Công ty, các cá nhân và tổ chức liên quan chịu sự giám sát về quản trị công ty của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 49. Xử lý vi phạm

Trường hợp Công ty, các cá nhân và tổ chức liên quan vi phạm, không thực hiện quy định tại quy chế này tùy theo tính chất và mức độ sẽ xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Chương XII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 50. Điều khoản thi hành

Quy chế này bao gồm 12 chương, 50 điều đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên nhiệm kỳ 2018-2023 biểu quyết nhất trí thông qua ngày 05 tháng 4 năm 2018.

Trong quá trình thực hiện có những vấn đề mới phát sinh mà xét thấy cần phải sửa đổi, bổ sung quy chế cho phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình hoạt động thực tế của Công ty, Hội đồng quản trị Công ty họp xem xét, quyết định và được thông qua tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH

Đỗ Huy Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVM

Tel: 02083 829156; Fax: 02083 829 056

Website: [Http://www.ximanglahien.com.vn](http://www.ximanglahien.com.vn)

Địa chỉ: Xóm Cây Bông - Xã La Hiên - Huyện Võ Nhai - Tỉnh Thái Nguyên

Dự thảo



ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

Thái Nguyên, ngày 05/ 04/2018

Số: /TTr-ĐHĐCĐ/2018

Thái Nguyên, ngày tháng 3 năm 2018

Dự thảo



TỜ TRÌNH

Về sửa đổi điều lệ Công ty Cổ phần Xi măng La Tiên VVMI

Căn cứ luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 12/04/2016.;

Căn cứ Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính quy định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ để phù hợp điều lệ mẫu quy định tại thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính quy định về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng.

(Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung kèm theo)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

**T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Lưu HĐQT, VP;
- Đăng tải Website Cty.

Đỗ Huy Hùng

MỤC LỤC

STT	NỘI DUNG	TRANG
	PHẦN MỞ ĐẦU	1
Chương I	NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	2
Điều 1	Giải thích từ ngữ, thuật ngữ trong Điều lệ	2
Điều 2	Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	3
Điều 3	Người đại diện theo pháp luật của Công ty	4
Điều 4	Mục tiêu và ngành, nghề kinh doanh của Công ty	4
Điều 5	Phạm vi kinh doanh và hoạt động	6
Chương II	VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	6
Điều 6	Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	6
Điều 7	Chào bán, bán, mua lại cổ phần, phát hành chứng khoán	7
Điều 8	Chuyển nhượng cổ phần	8
Điều 9	Thu hồi và thanh toán mua cổ phần	9
Điều 10	Chứng nhận cổ phiếu, sổ đăng ký cổ đông	10
Chương III	CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	11
Điều 11	Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát của Công ty	12
<i>Mục 1</i>	<i>CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</i>	12
Điều 12	Quyền của cổ đông	12
Điều 13	Nghĩa vụ của cổ đông	14
Điều 14	Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 15	Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 16	Các đại diện được uỷ quyền	18
Điều 17	Thay đổi các quyền	20
Điều 18	Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp đại hội đồng cổ đông	21
Điều 19	Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	22
Điều 20	Thê thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	23
Điều 21	Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	25
Điều 22	Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	27

STT	NỘI DUNG	TRANG
	đề thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	
Điều 23	Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	29
Điều 24	Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	29
<i>Mục 2</i>	<i>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</i>	30
Điều 25	Số lượng, thành phần, nhiệm kỳ, đề cử ứng cử thành viên Hội đồng quản trị	30
Điều 26	Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	32
Điều 27	Chủ tịch Hội đồng quản trị	36
Điều 28	Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	37
Điều 29	Các tiêu ban của Hội đồng quản trị	41
Điều 30	Người phụ trách quản trị công ty	41
<i>Mục 3</i>	<i>GIÁM ĐỐC CÔNG TY, VÀ CÁN BỘ ĐIỀU HÀNH KHÁC CỦA CÔNG TY</i>	42
Điều 31	Tổ chức bộ máy quản lý	42
Điều 32	Cán bộ điều hành Công ty	42
Điều 33	Bổ nhiệm, bãi miễn, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc	43
<i>Mục 4</i>	<i>BAN KIỂM SOÁT</i>	46
Điều 34	Kiểm soát viên (Thành viên Ban kiểm soát)	46
Điều 35	Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát	48
<i>Mục 5</i>	<i>BẦU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT</i>	51
Điều 36	Bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	51
<i>Mục 6</i>	<i>NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HĐQT, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC CÔNG TY VÀ CÁN BỘ ĐIỀU HÀNH KHÁC</i>	52
Điều 37	Trách nhiệm căn trọng của thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty và cán bộ điều hành	52
Điều 38	Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	53
Điều 39	Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	54
Chương IV	QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	55
Điều 40	Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	55

STT	NỘI DUNG	TRANG
Chương V	NGƯỜI LAO ĐỘNG, CÔNG ĐOÀN VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI TRONG CÔNG TY	
Điều 41	Người lao động, công đoàn và tổ chức chính trị - xã hội	55
Chương VI	PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	56
Điều 42	Phân phối lợi nhuận	56
Điều 43	Cổ tức	57
Chương VII	CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH VÀ KẾ TOÁN	
Điều 44	Tài khoản ngân hàng	57
Điều 45	Nguồn bổ sung vốn điều lệ	57
Điều 46	Năm tài chính	58
Điều 47	Hệ thống kế toán	58
Chương VIII	BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG	58
Điều 48	Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý	58
Điều 49	Báo cáo thường niên	59
Điều 50	Công khai thông tin	59
Chương IX	KIỂM TOÁN CÔNG TY	59
Điều 51	Kiểm toán	59
Chương X	CON DẤU	60
Điều 52	Con dấu	60
Chương XI	CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	60
Điều 53	Chấm dứt hoạt động	60
Điều 54	Gia hạn hoạt động	60
Điều 55	Thanh lý	61
Chương XII	GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	61
Điều 56	Giải quyết tranh chấp nội bộ	61
Chương XIII	ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	62
Điều 57	Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	62
Điều 58	Hiệu lực thi hành	62

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Công ty cổ phần Xi măng La Hiên VVMI (dưới đây gọi là “Công ty”) được thành lập theo Luật doanh nghiệp và theo Quyết định số 2228/QĐ-HĐQT ngày 19 tháng 9 năm 2007 của Tập đoàn công nghiệp Than khoáng sản Việt nam phê duyệt phương án chuyển Nhà máy xi măng La Hiên VVMI thành Công ty cổ phần Xi măng La Hiên VVMI;

2. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty được xây dựng trên cơ sở:

- Căn cứ vào Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn luật doanh nghiệp;

- Điều lệ này được xây dựng trên cơ sở điều lệ mẫu tại Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính quy định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

3. Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua vào ngày 05 tháng 4 năm 2018.

4. Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho mọi hoạt động của Công ty. Các quy định của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị khi được thông qua một cách hợp lệ, phù hợp với luật pháp hiện hành và Điều lệ này, sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành các hoạt động kinh doanh của Công ty.

Chương I:

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ, thuật ngữ trong Điều lệ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) "Hội đồng" có nghĩa là Hội đồng quản trị của Công ty được viết tắt là "HDQT".

b) "Địa bàn kinh doanh" có nghĩa là phạm vi địa lý thực hiện các hoạt động kinh doanh của Công ty, bao gồm trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam.

c) "Vốn điều lệ" có nghĩa là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc do tất cả các cổ đông đóng góp, hoặc đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp.

d) "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.

đ) "Luật chứng khoán" có nghĩa là Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 26/6/2009; Luật chứng khoán sửa đổi bổ sung số 62/2010/QH 12 được Quốc hội thông qua ngày 24/11/2010.

e) "Ngày thành lập" có nghĩa là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu.

g) "Pháp luật" là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

h) "Người quản lý công ty" bao gồm Chủ tịch HDQT, thành viên HDQT, Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định tại Điều lệ này.

i) "Người điều hành Công ty" là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng, và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

k) "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 17, Điều 4 của Luật doanh nghiệp; khoản 34, Điều 6 của Luật Chứng khoán.

l) "Cổ đông" có nghĩa là mọi tổ chức hay cá nhân sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty và phải được ghi tên trong Sổ đăng ký cổ đông.

m) "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại Khoản 9, Điều 6, Luật Chứng khoán.

n) "Cổ tức" là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính.

o) "Thời hạn hoạt động" có nghĩa là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được thông qua bằng một nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

p) "Việt Nam" có nghĩa là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

2. Trong Điều lệ này, bất kỳ một tham chiếu nào tới bất kỳ một điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng. Trường hợp các văn bản pháp quy điều chỉnh các nội dung liên quan đến Điều lệ này bị sửa đổi, bổ sung, thay thế thì những nội dung liên quan trong Điều lệ này sẽ được thực hiện theo nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế của văn bản pháp quy đó. Đại hội đồng cổ đông lần gần nhất sau đó phải sửa lại Điều lệ cho phù hợp.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ được định nghĩa trong Luật doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên công ty:

a) Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

b) Tên công ty viết bằng tiếng Anh: VVMI LAHIEN CEMENT JOINT STOCK COMPANY.

c) Tên giao dịch: Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI

d) Tên Công ty viết tắt: LHC

đ) Mã chứng khoán: CLH

2. Công ty có biểu tượng riêng như sau:



3. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

4. Công ty là công ty con của Tổng công ty CN mỏ Việt Bắc TKV-CTCP, do Tổng công ty CN mỏ Việt Bắc TKV-CTCP chi phối thông qua tỷ lệ nắm giữ cổ phần chi phối tại Công ty và thương hiệu của Tổng công ty hoặc thông qua các quyền chi phối khác theo quy định của pháp luật và quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty CN mỏ Việt Bắc TKV-CTCP.

5. Công ty được phép sử dụng nhãn hiệu “TKV” và “VINACOMIN” của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam ở tên gọi của Công ty bằng tiếng Việt và tiếng Anh theo Quy chế sử dụng nhãn hiệu của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam và quy định của pháp luật.

Ngoài các quy định trong Điều lệ này, Công ty có trách nhiệm thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty con đối với Tổng công ty CN mỏ Việt Bắc TKV-CTCP theo Điều lệ của Tổng công ty CN mỏ Việt Bắc TKV-CTCP và các quy chế quản lý trong nội bộ Tổng công ty mà Công ty là một thành viên.

6. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, Xã La Hiên, Huyện Võ Nhai, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.

- Điện thoại (0208) 3 829 154 FAX : (0208) 3 829 056

- Email: cpximanglahien@gmail.com

- Website: www.ximanglahien.com.vn

7. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với Nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

8. Trừ khi chấm dứt hoạt động theo Điều 53 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có 01 Người đại diện theo pháp luật là Giám đốc Công ty.

Điều 4. Mục tiêu và ngành, nghề kinh doanh của Công ty

1. Mục tiêu hoạt động của Công ty là tối đa hoá các khoản lợi nhuận hợp lý cho Công ty, tăng lợi tức cho các cổ đông, đóng góp cho Ngân sách Nhà nước, đảm bảo quyền lợi cho người lao động và không ngừng phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

2. Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

*Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI
(Ban hành theo Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017)*

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất xi măng, đá vôi và thạch cao	2394 (Chính)
2	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (bán buôn xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn, véc ni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, các vật liệu xây dựng khác)	4663
3	Khai thác và thu gom than non	0520
4	Khai thác và thu gom than cứng	0510
5	Khai thác quặng sắt	0710
6	Khai thác quặng uranium và quặng thorium	0721
7	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
8	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
9	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt (khai thác quặng bô xít)	0722
10	Đúc sắt, thép	2431
11	Đúc kim loại màu	2432
12	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi, điều hòa không khí	4322
13	Xây dựng nhà các loại	4100
14	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
15	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
16	Sản xuất các sản phẩm kim loại chưa được phân vào đâu	2599
17	Phá dỡ	4311
18	Chuẩn bị mặt bằng	4312
19	Lắp đặt hệ thống điện	4321
20	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
21	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (công trình công nghiệp)	4290
22	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
23	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng, thiết bị điện, vật liệu điện, máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)	4659
24	Vận tải hàng hóa đường bộ	4933

Dự thảo xin ý kiến tại ĐH đồng cổ đông thường niên 2018 và nhiệm kỳ III - Ngày 05/04/2018

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVM
(Ban hành theo Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017)

STT	Tên ngành	Mã ngành
25	Vận tải hành khách bằng đường bộ khác	4932
26	Hoạt động của các bệnh viện, trạm xá (Hoạt động của trạm xá)	8610
27	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Cho thuê văn phòng, kho, bãi)	6810
28	Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi đủ điều kiện theo quy định của pháp luật	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành nghề kinh tế Việt Nam

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp (hoặc quy định của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Chương II:

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ:

a) Vốn điều lệ của Công ty là **100.000.000.000 VNĐ** (bằng chữ: một trăm tỷ đồng). Vốn điều lệ của Công ty được chia thành 10.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 VNĐ/cổ phần.

b) Công ty có thể điều chỉnh Vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

2. Cổ phần:

a) Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 của Điều lệ này.

b) Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Dự thảo xin ý kiến tại ĐH đồng cổ đông thường niên 2018 và nhiệm kỳ III - Ngày 05/04/2018

c) Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông khi được Đại hội cổ đông cổ đông thông qua.

3. Cổ đông sáng lập là cổ đông tham gia xây dựng, thông qua và ký tên vào bản Điều lệ đầu tiên của Công ty. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác của các cổ đông sáng lập (nếu có) sẽ được nêu tại phụ lục đính kèm Điều lệ này. Trường hợp cổ đông sáng lập chuyển nhượng cổ phần theo quy định tại Điều 8 Điều lệ này, thì đương nhiên không còn là cổ đông sáng lập của Công ty, cổ đông nhận chuyển nhượng cổ phần có các quyền và trách nhiệm theo quy định của pháp luật và quy định tại Điều lệ này.

Điều 7. Chào bán, bán, mua lại cổ phần, phát hành chứng khoán

1. Chào bán cổ phần:

a) Chào bán cổ phần là việc Công ty tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng vốn điều lệ.

b) Chào bán cổ phần để tăng vốn điều lệ được thực hiện theo một trong các hình thức quy định tại Khoản 2, Điều 122 Luật doanh nghiệp gồm:

(i) Chào bán cho các cổ đông hiện hữu

(ii) Chào bán ra công chúng

(iii) Chào bán cổ phần riêng lẻ

c) Việc chào bán cổ phần của công ty thực hiện theo các quy định tại các Điều 122, 123, 124 của Luật doanh nghiệp và quy định của pháp luật về chứng khoán.

d) Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

2. Bán cổ phần

Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ trường hợp quy định tại điều 125 Luật doanh nghiệp phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

3. Mua lại cổ phần

Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Công ty có thể mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán theo quy định tại Điều 130 Luật doanh nghiệp. Cổ phần được Công ty mua lại theo quy định tại Điều 129, 130 Luật doanh nghiệp được coi là cổ phần chưa bán (cổ phiếu quỹ) theo quy định tại Khoản 4, Điều 111 Luật doanh nghiệp. HĐQT có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan. Trường hợp HĐQT không thực hiện chào bán, Công ty phải làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần được Công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần., trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

4. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

5. Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty.

Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền biểu quyết, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.

3. Trong vòng 3 năm kể từ ngày thành lập, các cổ đông sáng lập phải cùng nhau nắm giữ ít nhất 20% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty tại thời điểm đăng ký doanh nghiệp. Cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác. Trường hợp chuyển nhượng số cổ phần này cho những người không phải là cổ đông sáng lập thì cần phải có sự đồng ý của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này, cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó và người nhận chuyển nhượng đương nhiên trở thành cổ đông sáng lập của Công ty.

4. Trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác (phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp), tất cả các cổ phần chuyển nhượng đều có thể thực hiện thông qua việc chuyển nhượng bằng văn bản theo cách thông thường, hoặc theo bất kỳ cách nào mà HĐQT có thể chấp nhận. Cổ phiếu đã niêm yết hoặc đăng ký giao

dịch phải được chuyển nhượng thông qua Sở giao dịch chứng khoán phù hợp với các quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán. Giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện uỷ quyền của họ ký. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được đăng ký vào sổ đăng ký cổ đông (trừ trường hợp bên chuyển nhượng uỷ quyền cho bên nhận chuyển nhượng tham dự Đại hội cổ đông diễn ra trong thời gian đó theo quy định tại Luật doanh nghiệp).

5. Trong trường hợp một cổ đông bị chết hoặc được cơ quan nhà nước có thẩm quyền tuyên bố là mất tích, những người thừa kế hoặc những người quản lý tài sản của người chết, người mất tích sẽ được Công ty thừa nhận là người (hoặc những người) duy nhất có quyền hoặc hưởng lợi đối với cổ phần, nhưng quy định này không giải tỏa tài sản của cổ đông đã chết, đã mất tích khỏi mọi trách nhiệm gắn liền với bất kỳ cổ phần nào mà người đó nắm giữ. Trường hợp cổ phần của cổ đông bị chết, mất tích mà không có người thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật dân sự.

6. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của Công ty.

7. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng một số cổ phần thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và Công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.

Điều 9. Thu hồi và thanh toán mua cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phần, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Nếu sau thời hạn quy định, cổ đông chưa thanh toán hoặc chỉ thanh toán được một phần số cổ phần đã đăng ký mua thì thực hiện như sau:

a) Cổ đông chưa thanh toán toàn bộ số cổ phần đã đăng ký mua sẽ đương nhiên không còn là cổ đông của Công ty và không được chuyển nhượng quyền mua cổ phần đó cho người khác;

b) Cổ đông chỉ thanh toán một phần số cổ phần đã đăng ký mua sẽ có quyền biểu quyết, nhận lợi tức và các quyền khác tương ứng với số cổ phần đã thanh

toán; không được chuyển nhượng quyền mua số cổ phần chưa thanh toán cho người khác;

c) Số cổ phần chưa thanh toán được coi là cổ phần chưa bán và Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu tại điểm 2 Điều này không được thực hiện và quyết định phương án xử lý tiếp theo.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi do chưa thanh toán hoặc chưa thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi (tính theo lãi suất tiền gửi không kỳ hạn VND tại ngân hàng mà Công ty mở tài khoản) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.

6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.

7. Cổ đông chưa thanh toán hoặc chưa thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký mua phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với các nghĩa vụ tài chính của công ty phát sinh cho đến khi cổ phần bị thu hồi.

Điều 10. Chứng nhận cổ phiếu, sổ đăng ký cổ đông

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định tại Khoản 1, Điều 120 của Luật doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu

Dư thảo xin ý kiến tại ĐH đồng cổ đông thường niên 2018 và nhiệm kỳ III - Ngày: 05/04/2018

số cổ phần sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

5. Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

6. Sổ đăng ký cổ đông:

a) Công ty lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Cổ đông phổ thông và cổ đông ưu đãi khác có thể được đăng ký vào các sổ khác nhau. Sổ đăng ký cổ đông ít nhất phải có các nội dung sau:

- Tên, trụ sở chính của Công ty.
- Tổng số cổ phần được quyền phát hành, loại cổ phần được quyền phát hành và tổng số cổ phần được quyền phát hành của từng loại.
- Tổng số cổ phần đã phát hành từng loại và giá trị vốn của cổ phần đã góp.
- Tên cổ đông được sắp xếp theo vần chữ cái, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức, số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

b) Sổ đăng ký cổ đông có thể được lập và lưu trữ bằng văn bản hoặc bằng tệp dữ liệu điện tử hoặc cả hai. Sổ đăng ký cổ đông có thể được lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc nơi khác nhưng phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký kinh doanh và tất cả các cổ đông biết. Các cổ đông có quyền xem xét và nhận được bản sao danh sách cổ đông Công ty trong giờ làm việc tại nơi lưu giữ sổ đăng ký cổ đông.

7. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú thì phải thông báo kịp thời với Công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.

Chương III:

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát của Công ty

1. Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

a) Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty;

b) Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;

c) Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;

d) Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra để thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

2. Cơ cấu tổ chức của các chi nhánh và văn phòng đại diện của Công ty được quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của các đơn vị đó do HĐQT Công ty ban hành.

Mục 1:

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử (bỏ phiếu từ xa) hoặc hình thức điện tử khác. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức tương ứng theo số cổ phần sở hữu tùy thuộc vào kết quả kinh doanh hàng năm của Công ty và theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 8 Điều lệ này;

d) Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu, trừ trường hợp đại hội đồng cổ đông quyết định bán cổ phần cho các cổ đông mới;

d) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

e) Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

g) Xem xét, tra cứu và trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

h) Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí), thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

i) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình trong các trường hợp quy định tại Khoản 1, Điều 129 của Luật doanh nghiệp;

k) Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 5% (Năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ 06 (Sáu) tháng trở lên, có các quyền sau:

a) Đề cử các thành viên HĐQT và Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Khoản 6, Điều 25, Khoản 5 Điều 34 Điều lệ này;

b. Yêu cầu HĐQT thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Khoản 3 Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp;

c) Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông;

d) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của HĐQT, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;

đ) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ

đồng và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e) Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên HĐQT làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông.

g) Các quyền khác được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

4. Quyền của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi (nếu có) sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành các quyết định, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT Công ty;

2. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký theo quy định; không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì các thành viên HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;

3. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;

4. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

5. Tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

6. Hoàn thành các nghĩa vụ khác do luật pháp quy định và Điều lệ này.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty và gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần và phải họp trong thời hạn 04 (bốn) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của HĐQT, cơ quan đăng ký kinh doanh (hoặc cấp có thẩm quyền) có thể gia hạn, nhưng không quá 06 (sáu) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường.

2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp nhưng phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề được luật pháp và Điều lệ này quy định. Đặc biệt, các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và dự toán ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện Công ty kiểm toán dự đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.

3. HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau đây:

a) HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Việc triệu tập là cần thiết nếu các kiểm toán viên độc lập được chỉ định đề nghị thảo luận về báo cáo kiểm toán hoặc về tình hình tài chính của Công ty và HĐQT cũng nhận thấy như vậy;

c) Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;

d) Khi số thành viên của HĐQT, thành viên HĐQT độc lập, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc số thành viên HĐQT bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định trong Điều lệ này;

đ) Một cổ đông hoặc một nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan.

e) Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên HĐQT hoặc cán bộ quản lý, điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 của Luật doanh nghiệp hoặc HĐQT hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.

g) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường:

a) HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT, thành viên HĐQT độc lập, Kiểm soát viên còn lại ít hơn số thành viên nêu tại điểm d, e khoản 3 Điều này, hoặc nhận được yêu cầu nêu tại điểm b, d khoản 3 Điều này.

Trường hợp HĐQT không triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.

b) Trường hợp HĐQT không triệu tập cuộc họp như quy định tại điểm a, khoản 4 Điều này, thì trong vòng 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế HĐQT triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 5, Điều 136 Luật doanh nghiệp.

Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Trưởng ban kiểm soát, các thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b, khoản 4 Điều này, thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, cổ đông hoặc một nhóm cổ đông có yêu cầu nêu tại điểm d, khoản 3 của Điều này có quyền thay thế HĐQT, Ban kiểm soát triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 136 Luật doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký doanh nghiệp giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

d) Người triệu tập phải lập và chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Điều lệ này.

đ) Tất cả các chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:

a) Báo cáo tài chính hàng năm được kiểm toán;

b) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của HĐQT và Giám đốc Công ty;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên HĐQT;

d) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;

d) Định hướng, kế hoạch phát triển ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định, nghị quyết bằng văn bản về các vấn đề sau:

a) Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;

b) Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;

c) Lựa chọn công ty kiểm toán;

d) Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

d) Bầu, bãi miễn, thay thế thành viên HĐQT và Ban kiểm soát.

e) Tổng số tiền thù lao của các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát và báo cáo tiền thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát;

g) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước đó phù hợp với quy định của pháp luật; và trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do Công ty mua lại cổ phần theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông nhưng không thực hiện chào bán.

h) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần, và việc chuyển nhượng cổ phần của cổ đông sáng lập cho người không phải là cổ đông sáng lập trong vòng 3 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

i) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

k) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định Ban/Người thanh lý;

l) Kiểm tra và xử lý các vi phạm của HĐQT hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;

m) Quyết định đầu tư, bán tài sản của Công ty có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

n) Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác với tổng giá trị góp vốn, mua cổ phần từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;

o) Công ty mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại được chào bán trong 12 tháng;

p) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những người được quy định tại khoản 1, Điều 162 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

q) Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này.

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu cho bất kỳ một nghị quyết nào để thông qua trong các trường hợp sau đây:

a) Thông qua các hợp đồng, giao dịch quy định tại Điểm p Khoản 2 Điều này nếu cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng hay giao dịch;

b) Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan đến cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Các đại diện được ủy quyền

1. Cổ đông là cá nhân, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức trực tiếp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo ủy quyền theo quy định tại khoản 4 Điều này thì ủy quyền người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Đại diện được ủy quyền không nhất thiết phải là cổ đông.

2. Việc chỉ định đại diện được ủy quyền phải được lập bằng văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a) Trường hợp cổ đông là cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

b) Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

c) Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp;

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật; trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo bằng văn bản đến Công ty trong thời hạn sớm nhất. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số và ngày quyết định thành lập hoặc ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của cổ đông;

b) Số lượng cổ phần, loại cổ phần và ngày đăng ký cổ đông tại Công ty;

c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo ủy quyền;

d) Số cổ phần được ủy quyền đại diện;

đ) Thời hạn đại diện theo ủy quyền;

e) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo ủy quyền và người đại diện theo pháp luật của cổ đông.

Công ty phải gửi thông báo về người đại diện theo ủy quyền quy định tại khoản này đến cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn năm ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo.

5. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền;

Tuy nhiên, quy định này sẽ không áp dụng nếu Công ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các trường hợp nêu trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

6. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.

7. Người đại diện theo ủy quyền phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

b) Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp;

c) Cổ đông nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ không được cử vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của người quản lý và của người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty làm người đại diện theo ủy quyền tại công ty khác;

8. Trách nhiệm của người đại diện theo ủy quyền cho tổ chức hoặc cá nhân thực hiện theo quy định của Pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản lý của tổ chức cử người đại diện theo ủy quyền hoặc theo yêu cầu của cá nhân ủy quyền.

9. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua.

2. Việc tổ chức một cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu tại khoản 1 điều này chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu

kin và mỗi người khi bỏ phiếu kin. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 20 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản về phát hành cổ phần được quy định khác đi, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi trong một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b, hoặc tại điểm c, Khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a) Dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty, chuẩn bị và chốt danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội không sớm hơn 05 ngày trước ngày gửi Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung họp và các tài liệu phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;

c) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

d) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

đ) Các công việc khác phục vụ Đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty và Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm theo thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ hướng dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận bao gồm:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

c) Phiếu biểu quyết;

d) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;

đ) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 12 của Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất 3 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những kiến nghị liên quan đến khoản 4 của Điều này, nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% trở lên cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ 6 tháng trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;

c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi, thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định ở Khoản 5 Điều này. Kiến nghị sẽ được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

7. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

8. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất không có đủ số lượng đại biểu cần thiết theo quy định tại Khoản 1 Điều này, thì trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập họp lần thứ hai trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội đồng cổ đông lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết theo quy định tại Khoản 2 Điều này thì trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội đồng cổ đông lần thứ hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất dự kiến phê chuẩn.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. Thời gian thực hiện việc đăng ký do HĐQT quyết định. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

2. Cổ đông hoặc người được uỷ quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không được dừng cuộc họp Đại hội để những người đến muộn đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

3. Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu của Đại hội đồng cổ đông được quy định như sau:

a) Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu

được Chủ tọa thì Trưởng ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp.

b) Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất sẽ làm Chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa đề cử một hoặc một số người làm thư ký để lập biên bản đại hội;

d) Đại hội đại hội đồng cổ đông bầu trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa; Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

5. Chủ tọa Đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

6. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình của Đại hội. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

7. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp. Thời gian hoãn tối đa không quá 03 (ba) ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.

8. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 7 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; Tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đó đều có hiệu lực thi hành.

9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội.

10. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

- a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
- c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội;

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

11. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm Đại hội có thể:

a) Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ toạ đại hội sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của Đại hội”);

b) Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của Đại hội có thể đồng thời tham dự Đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo điều khoản này.

13. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;
- b) Định hướng phát triển Công ty (kế hoạch phát triển trung hạn, dài hạn);
- c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, Ban kiểm soát;

d) Quyết định đầu tư, bán tài sản của Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do Công ty thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;

e) Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác với tổng giá trị góp vốn, mua cổ phần từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;

g) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;

h) Các hình thức tổ chức lại, giải thể, phá sản Công ty;

3. Nghị quyết về các nội dung sau đây được thông qua khi có từ **65%** tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần được chào bán của từng loại;

b) Thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty về mô hình hoạt động quy định tại Điều 134 Luật Doanh nghiệp;

d) Quyết định đầu tư, bán tài sản của Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do Công ty hoặc chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;

đ) Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác với tổng giá trị góp vốn, mua cổ phần từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;

e) Các hình thức tổ chức lại, giải thể, phá sản Công ty;

g) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;

4. Nghị quyết về các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông (trừ các nội dung quy định tại Khoản 3 Điều này) được thông qua khi có từ **51%** tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

5. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu được quy định tại Điều 36 Điều lệ này.

6. Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua, hoặc được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty.

7. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty (trừ các nội dung quy định tại Khoản 2, Điều 21 Điều lệ này phải được biểu quyết thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông). Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông. HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3, Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký doanh nghiệp của Công ty;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Công ty;

h) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức;

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau đây:

a) Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.

b) Gửi Fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua Fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi Fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;

5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

d) Các vấn đề đã được thông qua;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu;

Các thành viên Hội đồng quản trị và người kiểm phiếu, giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn 24 giờ, trường hợp Công ty chưa có website thì phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết, quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như Nghị quyết, quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào sổ biên bản của Công ty, có thể được ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và phải có các nội dung theo quy định tại Điều 146 Luật doanh nghiệp, có chữ ký của Chủ tọa đại hội và Thư ký.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp; phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn 24 giờ, trường hợp Công ty chưa có website thì phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp.

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản, chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, các bản ghi chép, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp và chữ ký của các cổ đông dự họp, văn bản uỷ quyền tham dự, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3, Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần của nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 7, Điều 21 Điều lệ này.

2. Trình tự, thủ tục ra nghị quyết và nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

Mục 2:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Số lượng, thành phần, nhiệm kỳ, đề cử ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên HĐQT là năm (05) người do Đại hội cổ đông bầu và bãi miễn.

2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị:

a) Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

b) Cơ cấu Hội đồng quản trị đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty và có xét yếu tố về giới tính.

3. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.

4. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.

5. Các thành viên của Hội đồng quản trị do các cổ đông đề cử theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông. Các cổ đông được quyền gộp tỷ lệ sở hữu cổ phần vào với nhau để bỏ phiếu đề cử các thành viên Hội đồng quản trị.

6. Giới thiệu, đề cử vào Hội đồng quản trị

Các cổ đông nắm giữ ít hơn 5% số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01)

ứng viên; từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

7. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

8. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ học vấn;
- c) Trình độ chuyên môn;
- d) Quá trình công tác;
- đ) Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- e) Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- g) Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i) Các thông tin khác (nếu có).

9. Một thành viên HĐQT sẽ không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:

- a) Không đủ tư cách làm thành viên HĐQT nữa theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên HĐQT;
- b) Gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;
- c) Bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự;

d) Vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của HĐQT liên tục trong vòng 6 tháng mà không có sự cho phép của HĐQT và HĐQT đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống, trừ trường hợp bất khả kháng;

đ) Bị bãi nhiệm thành viên HĐQT theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

e) Không còn là đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó;

g) Là đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Công ty nữa.

h) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

i) Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;

k) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

10. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên HĐQT mới để thay thế chỗ trống bất ngờ phát sinh trong HĐQT và thành viên này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được HĐQT bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của HĐQT. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của HĐQT cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên HĐQT thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

11. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát hoặc chỉ đạo thực hiện của HĐQT. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát, chỉ đạo Giám đốc và các cán bộ quản lý, cán bộ điều hành khác trong việc quản lý, điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty.

3. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, HĐQT có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

a) Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, cho nghỉ chế độ, quyết định mức lương và lợi ích khác đối với Giám đốc Công ty và các chức danh cán bộ quản lý, cán bộ điều hành khác trên cơ sở Quy chế quản lý của Công ty và theo đề nghị của Giám đốc; Quyết định cử người đại diện thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác cùng với mức thù lao và lợi ích khác của những người đó. Tuy nhiên, việc bãi nhiệm các chức danh cán bộ quản lý, cán bộ điều hành Công ty không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có).

d) Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác với tổng giá trị góp vốn, mua cổ phần dưới 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán theo đề nghị của Giám đốc Công ty;

đ) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty. Đề xuất việc tổ chức lại, chia tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty, đề xuất Quy chế nội bộ về quản trị Công ty để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua theo thẩm quyền.

e) Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý, cán bộ điều hành cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý, cán bộ điều hành đó;

e) Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý, cán bộ điều hành cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý, cán bộ điều hành đó;

i) Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

k) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của Điều lệ này và Luật doanh nghiệp;

l) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

m) Chấp thuận các hợp đồng và giao dịch được ký giữa Công ty và những đối tượng quy định tại Khoản 1, Điều 162 Luật Doanh nghiệp có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ hợp đồng và giao dịch thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên HĐQT, BKS về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó, đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT quyết định việc

chấp thuận hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo, thành viên HĐQT có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

n) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm m, Khoản 2 Điều 15 Điều lệ này, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp.

o) Quyết định đầu tư, bán tài sản của Công ty có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

p) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

q) Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

r) Báo cáo Đại hội đồng cổ đông biết việc HĐQT bổ nhiệm Giám đốc.

s) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định.

4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a) Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty; thành lập các Công ty con của Công ty;

b) Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 của Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại điểm d, khoản 2 điều 135, khoản 1 và khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty.

c) Việc chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và luật sư của Công ty;

d) Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

đ) Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách hoặc vượt quá giá trị kế hoạch; hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

e) Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp của Công ty quy định tại điểm d, khoản 3 Điều này và điểm n, khoản 2 Điều 15 tại những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

g) Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tri tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

h) Việc Công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% cổ phần theo từng loại, bao gồm cả mức giá mua hoặc thu hồi;

i) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà HĐQT quyết định cần phải có sự chấp thuận của các thành viên HĐQT trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;

k) Quyết định mức giá mua lại, thu hồi cổ phần hoặc giá bán cổ phần của Công ty.

5. HĐQT phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của HĐQT đối với Giám đốc và những cán bộ quản lý, cán bộ điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp HĐQT không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được HĐQT thông qua.

6. HĐQT có thể ủy quyền cho viên chức cấp dưới và các cán bộ quản lý, cán bộ điều hành đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty, trừ khi luật pháp có quy định khác.

7. HĐQT thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác. Mỗi thành viên HĐQT có một phiếu biểu quyết.

8. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, HĐQT tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trong trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục trong thời hạn ít nhất 01 năm có quyền yêu cầu HĐQT đình chỉ thực hiện quyết định nói trên.

9. Các thành viên HĐQT (không tính các đại diện được ủy quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình với tư cách là thành viên HĐQT. Tổng mức thù lao của Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thù lao của thành viên HĐQT được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên.

10. Tổng số tiền trả cho các thành viên HĐQT bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác mà thành viên HĐQT là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.

11. Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch HĐQT), hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các tiểu ban của HĐQT, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của HĐQT là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phân trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.

12. Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, kể cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng, hoặc các tiểu ban của HĐQT hoặc Đại hội đồng cổ đông.

Điều 27. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn và bầu một thành viên Hội đồng quản trị làm Chủ tịch HĐQT. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ không kiêm nhiệm chức Giám đốc Công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 152 Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập cuộc họp HĐQT;
- c) Tổ chức việc thông qua Nghị quyết của HĐQT;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các Nghị quyết của HĐQT;
- đ) Chủ tọa cuộc họp HĐQT, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm dự thảo, chủ trì việc thông qua Quy chế hoạt động của HĐQT và phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT Công ty.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Điều 28. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Cuộc họp bầu Chủ tịch HĐQT.

Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó, Hội đồng quản trị phải bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị tại cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT, đồng thời ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Các cuộc họp định kỳ.

Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải triệu tập và gửi thông báo mời họp HĐQT định kỳ và bất thường chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày họp, lập chương trình nghị sự, xác định cụ thể thời gian, địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Chủ tịch HĐQT có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

3. Các cuộc họp bất thường.

Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;
- b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người điều hành khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- d) Các trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều này phải được Chủ tịch Hội đồng quản trị tiến hành trong thời hạn 07 ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Địa điểm họp.

Các cuộc họp HĐQT sẽ được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của HĐQT.

7. Thông báo và chương trình họp.

a) Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày tổ chức họp, đồng thời có thể gửi Giám đốc Công ty không phải là thành viên HĐQT; các thành viên HĐQT có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp HĐQT và các phiếu biểu quyết của thành viên HĐQT.

b) Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bao đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên được đăng ký tại công ty.

8. Số thành viên tham dự tối thiểu.

a) Cuộc họp của Hội đồng quản trị theo giấy triệu tập lần thứ nhất được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

b) Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều này không đủ số thành viên dự họp theo quy định, thì cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp;

c) Nếu không đủ số lượng thành viên như vậy thì cuộc họp HĐQT sẽ được tổ chức lại lần thứ ba vào ngày làm việc tiếp theo tại cùng một địa điểm và cùng thời gian, khi đó cuộc họp HĐQT luôn là hợp lệ mà không phụ thuộc vào số lượng thành viên tham dự.

9. Biểu quyết.

a) Trừ trường hợp quy định tại điểm b Khoản 9 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một (01) phiếu biểu quyết;

b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết

có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c) Theo quy định tại điểm d Khoản 9 Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a, điểm b Điều 38 sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

đ) Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty không phải là thành viên Hội đồng quản trị có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

10. Công khai lợi ích.

Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai lợi ích này trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị thảo luận, xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên HĐQT không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên HĐQT này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

11. Biểu quyết đa số.

Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số (trên 50%) thành viên dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

12. Việc bỏ phiếu của người vắng mặt.

Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác. Phiếu biểu quyết bằng văn bản phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

13. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác.

Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a) Nghe từng thành viên Hội đồng khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận, trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ toạ cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

14. Nghị quyết bằng văn bản.

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

15. Biên bản cuộc họp HĐQT.

Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi đi. Biên bản họp HĐQT được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh, có các nội dung chủ yếu theo Điều 154 Luật doanh nghiệp và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự và người ghi biên bản. Cuộc họp HĐQT có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác.

16. Những người được mời họp dự thỉnh.

Người phụ trách quản trị (Thư ký) Công ty, Giám đốc điều hành, các Kiểm soát viên, những cán bộ điều hành khác (nếu không phải là thành viên Hội đồng quản trị) và các chuyên gia của một bên thứ ba có thể dự họp HĐQT theo lời mời

của Hội đồng quản trị nhưng không được biểu quyết trừ khi bản thân họ có quyền được biểu quyết như thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 29. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

a) Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm soát nội bộ. Thành viên của tiểu ban có ít nhất ba (03) người, bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Các thành viên Hội đồng quản trị độc lập/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các hành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

b) Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 30. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Người phụ trách quản trị Công ty kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 152 Luật doanh nghiệp. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a) Có hiểu biết về pháp luật;

b) Không được đồng thời làm việc cho Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

c) Am hiểu hoạt động kinh doanh và quản trị nội bộ của Công ty; Có khả năng tổng hợp, sử dụng thành thạo tin học, và các thiết bị văn phòng.

d) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

4. Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

- b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;
- e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- g) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
- h) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về hoạt động công bố thông tin của Công ty.
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- k) Được hưởng thù lao (phụ cấp) theo Quy chế quản lý nội bộ của Công ty và/hoặc theo quyết định của Hội đồng quản trị.
- l) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Mục 3:

GIÁM ĐỐC CÔNG TY, VÀ CÁN BỘ ĐIỀU HÀNH KHÁC CỦA CÔNG TY

Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý

Công ty thiết lập và ban hành hệ thống quản lý đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước HĐQT và chịu sự giám sát, chỉ đạo của HĐQT trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc, một số Phó giám đốc điều hành, một Kế toán trưởng và các chức danh điều hành khác do HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm theo Quy chế quản lý của Công ty. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết HĐQT được thông qua một cách hợp thức. Giám đốc, các Phó giám đốc và Kế toán trưởng Công ty có thể đồng thời cùng là thành viên HĐQT.

Điều 32. Cán bộ điều hành Công ty

1. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được quyền tuyển dụng, sử dụng cán bộ điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và cơ chế quản lý công ty do Hội đồng quản trị quy định. Cán bộ điều hành Công ty phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các chế độ chính sách khác đối với Giám đốc Công ty sẽ do Hội đồng quản trị quyết định.

3. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với cán bộ điều hành khác sẽ do HĐQT quyết định trên cơ sở đề xuất của Giám đốc.

4. Tiền lương của Giám đốc và cán bộ điều hành khác của Công ty được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Điều 33. Bổ nhiệm, bãi miễn, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc

1. Bổ nhiệm.

HĐQT bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Giám đốc Công ty và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan. Thông tin về tiền lương, thù lao, và lợi ích khác của Giám đốc Công ty phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ.

Nhiệm kỳ của Giám đốc là 05 năm trừ khi HĐQT có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại Hợp đồng lao động (nếu có). Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Tiêu chuẩn.

Giám đốc Công ty phải có tiêu chuẩn theo Điều 65 Luật doanh nghiệp và không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vi thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho Công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.

4. Quyền hạn và nhiệm vụ.

a) Thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông; tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b) Quyết định tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền hoặc không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng và giao dịch tài chính và thương mại theo thẩm quyền hoặc các hợp đồng, giao dịch đã được HĐQT, Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định của Điều lệ này, tổ chức và điều hành

hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c) Đề nghị Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức hoặc ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, cho nghỉ chế độ, quyết định mức lương của Phó giám đốc, Kế toán trưởng Công ty, các cán bộ điều hành khác theo Quy chế quản lý của Công ty và cử, bãi miễn người đại diện quản lý phần vốn của Công ty đầu tư ở doanh nghiệp khác;

d) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, xếp lương, cho nghỉ chế độ đối với các chức danh cán bộ, nhân viên trong Công ty không thuộc diện phải trình HĐQT phê chuẩn (đối với những chức danh cần phải được sự thông qua của HĐQT thì chỉ được quyết định sau khi đã báo cáo và được HĐQT thông qua);

đ) Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động của Công ty. Tuyển dụng lao động, ký kết hợp đồng lao động, bố trí sử dụng, quyết định lương và phụ cấp (nếu có), khen thưởng, kỷ luật, cho nghỉ chế độ hoặc cho thôi việc người lao động trong Công ty theo quy định của pháp luật về lao động và quy chế của Công ty;

e) Đề nghị Hội đồng quản trị quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty, góp vốn mua cổ phần của doanh nghiệp khác; đề nghị phê duyệt các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty. Đề nghị thông qua đề xuất việc tổ chức lại, chia tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty, đề xuất Quy chế nội bộ về quản trị Công ty để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua theo thẩm quyền;

g) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh; đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

h) Xây dựng dự thảo chiến lược phát triển, kế hoạch phát triển ngắn hạn, trung hạn, kế hoạch kinh doanh hàng năm, các dự án đầu tư, các quy chế quản lý nội bộ của Công ty để trình HĐQT;

i) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình đề Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

k) Chậm nhất vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Giám đốc điều hành phải trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu kinh doanh và phù hợp với kế hoạch tài chính 5 năm;

l) Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của HĐQT, hợp đồng lao động của Giám đốc điều hành và pháp luật;

m) Có quyền từ chối thực hiện những quyết định của Chủ tịch hay thành viên Hội đồng quản trị nếu thấy trái pháp luật, trái Điều lệ này hoặc trái với nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; đồng thời phải có trách nhiệm thông báo ngay bằng văn bản cho Ban kiểm soát;

n) Được quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong những trường hợp khẩn cấp như thiên tai, hỏa hoạn, sự cố bất khả kháng và chịu trách nhiệm về các quyết định này, đồng thời báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị;

o) Thực hiện trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật của Công ty quy định tại Điều 14 Luật Doanh nghiệp.

5. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông.

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo cho những cơ quan này khi được yêu cầu.

6. Bãi nhiệm.

HĐQT có thể bãi nhiệm Giám đốc Công ty khi có đa số (trên 50%) thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Giám đốc Công ty mới thay thế. Giám đốc Công ty bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất.

7. Từ nhiệm hoặc mất tư cách.

a) Khi muốn từ nhiệm, Giám đốc Công ty phải có đơn gửi HĐQT. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đơn, HĐQT phải xem xét và quyết định.

b) Giám đốc Công ty mất tư cách khi bị chết, mất trí, mất quyền công dân hoặc tự ý bỏ nhiệm sở 3 ngày trở lên. Trong trường hợp này, HĐQT phải tạm cử người thay thế không quá 30 ngày và tiến hành các thủ tục bổ nhiệm Giám đốc mới.

8. Ủy quyền, ủy nhiệm.

a) Giám đốc Công ty có thể ủy quyền hoặc ủy nhiệm cho các Phó giám đốc hoặc người khác thay mình giải quyết một số phần việc của Công ty và chịu trách nhiệm pháp lý về sự ủy quyền hoặc ủy nhiệm đó;

b) Người được ủy quyền, ủy nhiệm phải chịu trách nhiệm pháp lý trước Giám đốc Công ty và pháp luật về những công việc mình làm;

c) Sự ủy quyền, ủy nhiệm liên quan đến con dấu của Công ty phải được thực hiện bằng văn bản và có thời hạn;

Mục 4:

BAN KIỂM SOÁT

Điều 34. Kiểm soát viên (Thành viên Ban kiểm soát)

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là 3 người do Đại hội đồng cổ đông bầu và bãi miễn. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là 05 năm; Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kiểm soát viên không được giữ các chức vụ quản lý, điều hành Công ty; không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cán bộ quản lý khác. Kiểm soát viên không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty. Kiểm soát viên phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

3. Các Kiểm soát viên không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó và phải có hơn một nửa (1/2) số thành viên thường trú tại Việt Nam.

4. Ban kiểm soát phải bầu một Kiểm soát viên làm Trưởng ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty, không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán tài chính và không phải là Giám đốc tài chính của công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

- a) Triệu tập và chủ trì cuộc họp Ban kiểm soát;
- b) Yêu cầu HĐQT, Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý, điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát;
- c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông;

5. Giới thiệu, đề cử vào Ban kiểm soát.

Các cổ đông nắm giữ ít hơn 5% số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

6. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Thủ tục và cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

7. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Ban kiểm soát được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm Kiểm soát viên. Thông tin liên quan đến ứng viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ học vấn;
- c) Trình độ chuyên môn;
- d) Quá trình công tác;
- đ) Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ Kiểm soát viên và các chức danh quản lý, điều hành khác;
- e) Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là Kiểm soát viên của Công ty;
- g) Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i) Các thông tin khác (nếu có).

8. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Kiểm soát viên đó bị pháp luật cấm làm Kiểm soát viên hoặc không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 164 Luật doanh nghiệp.

b) Kiểm soát viên đó có đơn từ chức được gửi đến trụ sở chính Công ty và được chấp thuận;

c) Kiểm soát viên đó bị rối loạn tâm thần và các Kiểm soát viên khác có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự;

d) Kiểm soát viên đó không thực hiện nghĩa vụ của mình, vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép Kiểm soát viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống, trừ trường hợp bất khả kháng;

đ) Kiểm soát viên đó bị bãi nhiệm Kiểm soát viên theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông do không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

e) Không còn là đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó;

g) Là đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Công ty nữa.

h) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, điều lệ này.

9. Kiểm soát viên có thể được thay thế khi có chỗ trống bất ngờ phát sinh. Kiểm soát viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc thay thế Kiểm soát viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Ban kiểm soát thay thế. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên mới được tính từ ngày việc thay thế có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Ban kiểm soát. Trong trường hợp Kiểm soát viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Ban kiểm soát cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của Kiểm soát viên thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

10. Trường hợp Ban kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét và bãi nhiệm Ban kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban kiểm soát mới thay thế.

11. Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 35. Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát

1. Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

a) Giám sát tình hình tài chính của Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành, và người quản lý

Đưa thảo xin ý kiến tại ĐH đồng cổ đông thường niên 2018 và nhiệm kỳ III - Ngày 05/04/2018

khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.

b) Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về hoạt động giám sát và thực hiện các nhiệm vụ được giao;

c) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

d) Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị. Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;

đ) Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty;

e) Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 của Điều lệ này;

g) Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;

h) Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;

i) Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và người điều hành khác vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

k) Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của Công ty kiểm toán độc lập. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán; thảo luận

về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;

l) Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phân hồi của Ban điều hành, quản lý Công ty; xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận; xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phân hồi của Ban điều hành, quản lý Công ty;

m) Ban kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập hoặc bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao;

n) Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Tham dự các cuộc họp của HĐQT theo giấy mời, phát biểu ý kiến nhưng không được tham gia biểu quyết;

p) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ này và quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

2. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

b) Thành viên của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và cán bộ điều hành khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.

c) Người phụ trách quản trị (Thư ký) Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản, nghị quyết họp Hội đồng quản trị, họp Đại hội đồng cổ đông sẽ phải được cung cấp cho Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

d) Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

đ) Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý, điều hành và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc;

e) Báo cáo và tài liệu do Hội đồng quản trị chuẩn bị liên quan đến kết quả kinh doanh, báo cáo tài chính, báo cáo đánh giá công tác quản lý điều hành Công ty phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

3. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số thành viên trở lên dự họp.

4. Tiền lương hoặc mức thù lao và chi phí hoạt động cho Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quy định và được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí đi lại, ăn, ở, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

5. Nghĩa vụ của Kiểm soát viên:

a) Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;

b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty;

c) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông Công ty; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c của Khoản này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì các Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó;

Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại mục c khoản này đều thuộc sở hữu của Công ty.

đ) Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Mục 5:

BẦU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

1. Các cổ đông phổ thông tự nguyện tập hợp thành nhóm thoả mãn các điều kiện quy định để đề cử người vào HĐQT và Ban kiểm soát phải thông báo về việc

Dự thảo xin ý kiến tại ĐH đồng cổ đông thường niên 2018 và nhiệm kỳ III - Ngày 05/04/2018

hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết chậm nhất ngay khi khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty sẽ thông báo cho các cổ đông dự họp về thông tin trên tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Căn cứ số lượng thành viên HĐQT và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 được quyền đề cử một hoặc một số người làm ứng cử viên HĐQT và Ban kiểm soát theo quy định tại các Khoản 5 Điều 25 và Khoản 5 Điều 34 tương ứng. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu đơn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu hoặc đại diện nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

4. Những người trúng cử thành viên HĐQT hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

5. Trường hợp bầu lần thứ nhất không đủ số lượng thành viên HĐQT và Ban kiểm soát theo quy định thì phải tiến hành bầu tiếp lần hai trong số những người đã được đề cử của lần thứ nhất còn lại. Trường hợp khi bầu lần thứ hai vẫn chưa đủ số lượng quy định thì Đại hội đồng cổ đông quyết định có bầu tiếp hay không, nếu Đại hội đồng cổ đông không quyết định được thì chủ toạ Đại hội quyết định.

Mục 6:

NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HĐQT, KIỂM SOÁT VIÊN GIÁM ĐỐC CÔNG TY VÀ CÁN BỘ ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 37. Trách nhiệm cần trọng của thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty và cán bộ điều hành

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty và cán bộ điều hành khác được uỷ thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cần trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 38. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty và cán bộ điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác.

3. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty và cán bộ điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT tất cả lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty, cán bộ điều hành khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân nào mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng Tập đoàn hoặc các Công ty hoạt động theo nhóm Công ty, bao gồm Công ty mẹ - Công ty con, Tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty, cán bộ điều hành khác, hoặc các cá nhân, tổ chức liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty, cán bộ điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc, cán bộ điều hành khác đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc

b) Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, cán bộ điều hành đã được công bố cho các cổ

đồng không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;

c) Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua hoặc phê chuẩn.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty, cán bộ điều hành khác, các cá nhân và tổ chức có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 39. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Trách nhiệm về thiệt hại.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty và cán bộ điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Bồi thường.

Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ điều hành, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ điều hành, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo uỷ quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, cán bộ điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo uỷ quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a) Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b) Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong

thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Chương IV:

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 40. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được uỷ quyền, gửi một văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công ty danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được uỷ quyền của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện, hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.

2. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty và cán bộ điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản, nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông và HĐQT, các báo cáo của HĐQT và Ban kiểm soát, báo cáo tài chính, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ, tài liệu này.

4. Mọi cổ đông đều có quyền được Công ty cấp một bản Điều lệ Công ty miễn phí (trường hợp Công ty chưa có website). Nếu Công ty có website, Điều lệ Công ty phải được công bố trên website của Công ty.

Chương V:

NGƯỜI LAO ĐỘNG, CÔNG ĐOÀN VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI TRONG CÔNG TY

Điều 41. Người lao động, công đoàn và tổ chức chính trị - xã hội

1. Giám đốc Công ty phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua về các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm

Dự thảo xin ý kiến tại ĐH đồng cổ đông thường niên 2018 và nhiệm kỳ III - Ngày 05/04/2018

xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ điều hành Công ty.

2. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam.

3. Tổ chức công đoàn, các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và điều lệ của các tổ chức đó.

4. Công ty có nghĩa vụ tôn trọng và không được cản trở, gây khó khăn trong việc thành lập tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội tại Công ty; không được cản trở, gây khó khăn cho người lao động tham gia hoạt động trong các tổ chức này; tạo điều kiện cho các tổ chức trên hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ và điều lệ của mình.

Chương VI:

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 42. Phân phối lợi nhuận

1. Lợi nhuận trước thuế của Công ty sau khi bù đắp lỗ năm trước (nếu có) theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, trích quỹ Phát triển khoa học và công nghệ (nếu có) theo quy định, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp và hoàn thành các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật phần còn lại được sử dụng như sau:

a) Chia cổ tức;

b) Trích lập các quỹ theo quy định hiện hành của pháp luật.

2. Mức cổ tức, hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty và tỷ lệ trích lập các quỹ do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo đề nghị của HĐQT.

Điều 43. Cổ tức

1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức HĐQT đề nghị và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. HĐQT có thể quyết định thanh toán tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

4. HĐQT có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc từng phần cổ tức bằng cổ phần và HĐQT là cơ quan thực thi nghị quyết này. Công ty có thể chi trả cổ tức bằng cổ phần, trình tự và thủ tục thực hiện chi trả cổ tức bằng cổ phần thực hiện theo quy định tại Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

6. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, HĐQT thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương VII:

CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH VÀ KẾ TOÁN

Điều 44. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 45. Nguồn bổ sung vốn điều lệ

Công ty được bổ sung vốn điều lệ từ các nguồn theo quy định, trình tự và thủ tục bổ sung vốn điều lệ Công ty thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 46. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng Mười Hai cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng Mười Hai của năm đó, nếu lớn hơn 90 ngày; trường hợp nhỏ hơn 90 ngày thì được cộng vào năm tài chính tiếp theo.

Điều 47. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ kế toán Việt Nam (VAS) và chế độ kế toán doanh nghiệp và Chế độ kế toán áp dụng trong Tập đoàn công nghiệp than - khoáng sản Việt Nam được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng Đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyên đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

Chương VIII:

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 48. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 51 Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với công ty niêm yết), cơ quan đăng ký kinh doanh và Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP thuộc Tập đoàn công nghiệp than - khoáng sản Việt Nam.

2. Báo cáo tài chính hàng năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm, Công ty còn phải lập bảng cân đối kế toán

Dự thảo xin ý kiến tại ĐH đồng cổ đông thường niên 2018 và nhiệm kỳ III - Ngày 05/04/2018

tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính 06 (sáu) tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý (đối với công ty niêm yết/công ty đại chúng quy mô lớn) theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết) và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp và Tập đoàn công nghiệp than - khoáng sản Việt Nam.

4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý (đối với công ty niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn) phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 49. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

Điều 50. Công khai thông tin

Công ty phải lập và công bố công khai thông tin theo quy định tại Điều 171 của Luật doanh nghiệp.

Chương IX:

KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 51. Kiểm toán

1. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ chỉ định một công ty kiểm toán độc lập, hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình

Dự thảo xin ý kiến tại ĐH đồng cổ đông thường niên 2018 và nhiệm kỳ III - Ngày 05/04/2018

báo cáo đó cho HĐQT trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Một bản sao của Báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà mọi cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

Chương X:

CON DẤU

Điều 52. Con dấu

1. HĐQT thông qua một con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.

2. HĐQT, Giám đốc điều hành sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương XI:

CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 53. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

- a) Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
- b) Giải thể theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- c) Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn *(nếu thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn thì bỏ đoạn này)*
- d) Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

2. Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo đến cơ quan có thẩm quyền hoặc xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu thủ tục chấp thuận này là bắt buộc theo quy định).

Điều 54. Gia hạn hoạt động *(Nếu Công ty có thời hạn hoạt động là vô thời hạn thì bỏ điều này)*

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động đề cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 55. Thanh lý

1. Ít nhất sáu (6) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, HĐQT phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên trong đó do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do HĐQT chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày mà Ban được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động trên thực tế. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Các chi phí thanh lý;
- b) Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
- c) Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
- d) Các khoản vay (nếu có);
- đ) Các khoản nợ khác của Công ty;
- e) Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ từ mục a đến đ trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

Chương XII:

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ

Dự thảo xin ý kiến tại ĐH đồng cổ đông thường niên 2018 và nhiệm kỳ III - Ngày 05/04/2018

quyền hoặc nghĩa vụ do Luật doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

a) Cổ đông với Công ty; hoặc

b) Cổ đông với HĐQT, Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty hay cán bộ điều hành khác;

thì các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT thì Chủ tịch Hội đồng sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát hoặc một cơ quan chức năng chuyên môn chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 6 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Các chi phí của tòa án sẽ do tòa phán quyết bên nào phải chịu.

Chương XIII:

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 57. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Điều 58. Hiệu lực thi hành

1. Bản Điều lệ này gồm XIII chương và 58 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI nhất trí thông qua ngày 05 tháng 04 năm 2018 tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, địa chỉ xóm Cây Bông, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó:
 - 05 bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố;
 - 05 bản lưu trữ tại Văn phòng Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc ít nhất 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

CÁC THÀNH VIÊN HĐQT

CHỦ TỊCH HĐQT

1/

2/

3/

4/

Số: /TTr-ĐHĐCĐ:2018

Thái Nguyên, ngày.....tháng 3 năm 2018

Dự thảo

TỜ TRÌNH

V/v quyết toán chi trả lương chuyên trách, thù lao HĐQT, BKS, thư ký HĐQT năm 2017 và kế hoạch chi trả năm 2018

Căn cứ luật Doanh nghiệp số: 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần xi Măng La Hiến VVMI;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xi măng La Hiến VVMI kính trình Đại hội đồng cổ đông quyết toán chi trả thù lao cho HĐQT, BKS, thư ký HĐQT năm 2017 và phương án chi trả lương chuyên trách, thù lao năm 2018 với những nội dung cụ thể như sau:

1. Quyết toán chi trả lương chuyên trách, thù lao năm 2017:

Stt	Họ tên	Chức vụ	Thực hiện
1	Ngô Ngọc Sơn	Chủ tịch HĐQT (đến 29/3/2017)	21.420.000
2	Đỗ Huy Hùng	Chủ tịch HĐQT (từ ngày 29/3/2017)	64.260.000
3	Nguyễn Văn Dũng	Thành viên HĐQT	72.000.000
4	Lê Thị Thu Hiền	Thành viên HĐQT	72.000.000
5	Phạm Mạnh Tiên	Thành viên HĐQT	72.000.000
6	Trần Việt Cường	Thành viên HĐQT	72.000.000
7	Nguyễn Anh Tuấn	Trưởng BKS (đến 02/11/2017)	6.000.000
8	Nguyễn Thị Thu Hoài	Trưởng BKS (từ ngày 02/11/2017)	60.715.639
9	Nguyễn Xuân Hậu	Ủy viên BKS	72.000.000
10	Hồ Thị Huệ	Ủy viên BKS	72.000.000
11	Phạm Trung Hợp	Thư ký HĐQT	36.000.000
	Tổng cộng		620.395.639

2. Phương án chi trả lương chuyên trách, thù lao cho HĐQT, BKS, thư ký HĐQT năm 2018 (Đây là mức tối thiểu, trong năm căn cứ kết quả SXKD nếu tiền lương của các VCQL được quyết toán tăng thì mức chi trả thù lao sẽ tăng tương ứng, nhưng mức chi tối đa không quá 20% mức tiền lương của VCQL) và dự kiến như sau:

Stt	Họ tên	Số lượng	Kế hoạch (đ/ng/th)
1	Chủ tịch HĐQT	1	4.760.000
2	Ủy viên HĐQT	4	4.000.000
3	Trưởng ban KS chuyên trách	1	20.000.000
4	Ủy viên BKS	2	4.000.000
5	Thư ký HĐQT	1	3.000.000

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

**T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Lưu HĐQT, VP.
- Đăng tải Website Cty.

Đỗ Huy Hùng

Số: /TTr-ĐHĐCD.2018

Thái Nguyên, ngày tháng 3 năm 2018

Dự thảo

TỜ TRÌNH



Về việc phân phối lợi nhuận năm 2017 của
Công ty Cổ phần Xi măng La Tiên VVMI

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xi măng La Tiên VVMI;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Xi măng La Tiên VVMI.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông phương án phân phối lợi nhuận năm 2017 của Công ty cụ thể như sau:

STT	Nội dung	ĐVT	Tỷ lệ (%)	Số tiền
1	Lợi nhuận trước thuế	Đồng		35.034.632.686
2	Các khoản chi phí không được trừ	Đồng		244.855.000
3	Lợi nhuận trước tính thuế TNDN	Đồng		35.279.487.686
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	Đồng	20%	7.055.897.537
5	Lợi nhuận sau thuế	Đồng		27.978.735.149
6	Chi trả cổ tức	Đồng	15%	15.000.000.000
7	Lợi nhuận còn lại trích lập các quỹ	Đồng		12.978.735.149
7.1	Trích quỹ đầu phát triển	Đồng		7.787.241.089
7.2	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	Đồng		5.191.494.060
	Trong đó:			
7.2.1	Quỹ khen thưởng	Đồng		2.437.915.155
7.2.2	Quỹ phúc lợi	Đồng		2.437.915.155
7.2.3	Quỹ khen thưởng ban điều hành quản lý	Đồng		315.663.750

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

**T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Lưu HĐQT, VP.
- Đăng tải Website Cty.

Đỗ Huy Hùng

Số: /ITr-DHĐCĐ.2018

Thái Nguyên, ngày tháng 3 năm 2018

Dự thảo

TỜ TRÌNH

Vv thông qua Báo cáo tài chính năm 2017 sau kiểm toán của
Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI



Căn cứ luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI;

Căn cứ vào Báo cáo tài chính đã kiểm toán cho năm tài chính kết thúc 31/12/2017 do Công ty TNHH PKF Việt Nam lập ngày 26/2/2018;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua báo cáo tài chính năm 2017 sau kiểm toán của Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI.

(Có báo cáo tài chính năm 2017 sau kiểm toán kèm theo)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

**T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Lưu HĐQT, VP.
- Đăng tải Website Cty.

Đỗ Huy Hùng

Số: /TTr-ĐHĐCĐ.2018

Thái Nguyên, ngày tháng 3 năm 2018

Dự thảo

TỜ TRÌNH



V/v bầu cử thành viên HĐQT, BKS
Công ty Cổ phần Xi măng La Tiên nhiệm kỳ III (2018-2023)

Căn cứ luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI;

Căn cứ quyết định số 0043/QĐ-HĐQT ngày 06/3/2018 của Hội đồng quản trị Tổng công ty CN mỏ Việt Bắc TKV-CTCP về việc cử người đại diện phần vốn của Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP tham gia Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI nhiệm kỳ III (2018-2023) như sau:

- **Hội đồng quản trị:**

1. Ông: Đỗ Huy Hùng
2. Ông: Nguyễn Văn Dũng
3. Ông: Hà Văn Chuyên

- **Ban kiểm soát:**

4. Bà: Nguyễn Thị Thu Hoài
5. Bà: Lê Thị Hồng Cẩm

(Có các bản cung cấp thông tin kèm theo)

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xi măng La Tiên VVMI kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc bầu cử thành viên HĐQT và Ban kiểm soát nhiệm kỳ III (2018-2023) đúng với quy định của Pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

**T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Lưu HĐQT, VP.
- Đăng tải Website Cty.

Đỗ Huy Hùng

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN



1. Thông tin cá nhân

- Họ và tên: Đỗ Huy Hùng
- Năm sinh: 30/12/1962
- Giới tính: Nam
- CMND, Căn cước: 022062000339 .- Ngày cấp: 13/04/2016
- Nơi cấp: Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về Dân cư.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Số 3 B14 khu ĐTM Mỹ đình 1 phường Cầu diễn – Quận Nam Từ Liêm – Thành phố Hà Nội
- Chức vụ hiện nay: Trưởng phòng Quản Lý Vốn – Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV – CTCP
- Liên hệ: Điện thoại: 0913078014
- Email: dohuyhung1962@gmail.com hoặc hungdh@cmv.vn

2. Trình độ học vấn: 10/10

3. Trình độ chuyên môn:

Thời gian	Trường/Nơi đào tạo	Bằng cấp
1979 - 1984	Đại học Mỏ địa chất	Kỹ sư
1995 - 1999	Đại học khoa học tự nhiên Hà Nội	Cử nhân
2003 - 2005	Đại học Bách khoa Hà Nội	Kỹ sư

4. Quá trình công tác:

Từ năm... đến năm...	Đơn vị công tác	Chức vụ
3/1985 – 5/1989	Công ty Than Núi Hồng – VVMI	Cán bộ kỹ thuật
5/1989 – 9/1992	Công ty than Núi Hồng – VVMI	Bí thư Đoàn Thanh niên
9/1992 – 5/ 2004	Công ty than Núi Hồng – VVMI	Trưởng phòng Cơ điện

5/2004 – 11/2005	Công ty than Núi Hồng – VVMI	Phó Giám đốc
11/2005 – 4/2016	Giám đốc – Công ty CP Cơ khí và thiết bị Áp lực –	Giám đốc
4/2016 đến nay	Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc – TKV - CTCP	Trưởng phòng Quản lý vốn – Kiểm soát nội bộ

5. Số cổ phần nắm giữ: 5 138 300 CP, chiếm 51,383% vốn điều lệ của Công ty.

Trong đó: - Đại diện sở hữu: 5 138 300 CP,
 - Cá nhân sở hữu: 0 .CP

6. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT/BKS và các chức danh điều hành, quản lý khác:

TT	Tên công ty	Chức vụ nắm giữ
1	Công ty cổ phần Cơ khí và thiết bị áp lực – VVMI	Chủ tịch HĐQT
2	Công ty cổ phần Cơ khí mỏ Việt Bắc – VVMI	Chủ tịch HĐQT
3	Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Kinh doanh tổng hợp – VVMI	Chủ tịch HĐQT
4	Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI	Chủ tịch HĐQT
5	Công ty cổ phần Thiết bị khai thác mỏ	UV HĐQT

00422
CÔNG
CỔ PHẦN
MĂNG LÚ
VVM
V.V.T.T.H

7. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty (trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên HĐQT/BKS của Công ty):

Năm 2017 với vai trò là chủ tịch Hội đồng quản trị công ty tôi đã cùng Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết chỉ đạo bộ máy điều hành thực hiện hoàn thành vượt mức tất cả các chỉ tiêu mà Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 đã thông qua.

8. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có): Không

9. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có): Không

10. Các thông tin khác (nếu có): không

11. Người có liên quan:

15/ Danh sách người có liên quan của người khai:

S tt	Tên cá nhân	Số CMND	Số lượng CP/CCQ nắm giữ	Mối quan hệ
1	Đỗ Huy Quyền	Đã mất		Bố
2	Trần Thị Minh	090491138	0	Mẹ
3	Trần Thị Nguyên	013136767	0	Vợ
4	Đỗ Thị Vân Anh	012925454	0	Con
5	Đỗ Thị Thuỳ Dương	013112474	0	Con
6	Đỗ Thị Hằng	091537889	0	Chị
7	Đỗ Huy Cường	090763986	0	Em
8	Đỗ Thị Nga	090522799	0	Em
9	Đỗ Huy Trường	090566389	0	Em
10	Đỗ Huy Trinh	090641306	0	Em

12. Cam kết trước pháp luật:

- Cam kết không vi phạm các quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI.

- Tôi cam kết những lời khai trên là đúng sự thật. Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với bất kỳ thông tin nào không đúng với sự thật tại bản khai này.

Ngày 20 tháng 3 năm 2018

NGƯỜI KHAI

(Ký và ghi rõ họ tên)



Đỗ Huy Hùng

Xác nhận của thủ trưởng cơ quan
(nếu cá nhân đang làm việc tại pháp nhân) hoặc Ủy ban nhân dân xã, phường nơi cá nhân đăng ký hộ khẩu thường trú (nếu cá nhân không làm việc tại pháp nhân)



Trần Hải Bình

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN



1. Thông tin cá nhân

- Họ và tên: **NGUYỄN VĂN DŨNG**
- Năm sinh: 01/10/1966 - Giới tính: Nam
- CMND, Căn cước, hộ chiếu: 090656946 - Ngày cấp: 20/3/2007
- Nơi cấp: Công an tỉnh Thái Nguyên
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Địa chỉ thường trú: Tổ 8 - Phường Đồng Quang - Thành phố Thái Nguyên.
- Chức vụ hiện nay: Ủy viên HĐQT- Giám đốc Công ty
- Liên hệ: Điện thoại: 0913547895
Email:.....



2. Trình độ học vấn: 10/10

3. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư: Khai thác mỏ

Thời gian	Trường/Nơi đào tạo	Bằng cấp
11/1992 - 11/1996	Đại học mỏ Địa chất	Kỹ sư
2015 - 2017	Học viện chính trị khu vực I	Bằng cao cấp lý luận chính trị

4. Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Tên tổ chức
2/1985 - 3/1991		Đi hợp tác LĐ tại Tiệp Khắc
4/1991 - 12/1994	Nhân viên	Trường CNKT mỏ
1/1995 - 12/1996	Nhân viên P. KHVT	Nhà máy Xi măng La Tiên
1/1997 - 11/2003	Phó phòng KHVT	Nhà máy Xi măng La Tiên
12/2003 - 4/2010	Trưởng phòng KHVT	Công ty CP Xi măng La Tiên

5/2010 - 10/2012	Phó giám đốc	Công ty CP Xi măng La Hiên
11/2012 đến nay	Bí thư đảng ủy - Giám đốc Công ty	Công ty CP Xi măng La Hiên

5. Số cổ phần nắm giữ: 52.300 CP, chiếm 0,523 % vốn điều lệ của Công ty.

Trong đó: - Đại diện sở hữu:.....CP
 - Cá nhân sở hữu:CP

6. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT/BKS và các chức danh điều hành, quản lý khác:

Thành viên HĐQT - Giám đốc điều hành - Công ty Cổ phần Xi măng la Hiên VVM

7. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty (trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên HĐQT/BKS của Công ty):

Kết quả sản xuất kinh doanh từ năm 2013 - 2017

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	So sánh (%)
1	Tiền thụ	Tấn	3.410.000	3.380.610	99,13
2	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	106.017	131.429	123,96
3	Tỷ lệ trả cổ tức bình quân	%	8,6	10,39	120,81
4	Doanh Thu	Tr.đ	3.091.788	3.134.386	101,37
5	Nộp NS nhà nước	Tr.đ	121.492,6	144.016	118,53
6	Lao động bình quân	Người	788	723	91,75
7	Thu nhập bình quân	đ/ng/th	6.186.742	7.048.500	113,92



8. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có):

.....

9. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có):

Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP.

10. Các thông tin khác (nếu có):

.....

11. Người có liên quan (Theo quy định tại khoản 17, Điều 4 của Luật doanh nghiệp; khoản 34, Điều 6 của Luật Chứng khoán):

S T T	Họ và tên	CMND	Ngày cấp	Nơi cấp	Số lượng CP của Công ty	Mối quan hệ
1	Nguyễn Văn Xuyên	Đã mất				Bố đẻ
2	Nguyễn Thị Trường	Nghỉ hưu				Mẹ đẻ
3	Nguyễn Thị Yên	090432816	28/6/2013	CA Thái Nguyên		Chị ruột
4	Nguyễn Thị Yên	012401156	9/11/200	Hà Nội		Chị ruột
5	Nguyễn Văn Hùng	012571692	22/2/2003	Hà Nội		Em ruột
6	Ngô Thị Minh Hương	090594457	21/9/2014	CA Thái Nguyên	3.000	Vợ
7	Nguyễn Thanh Ngân	091879736	26/2/2015	CA Thái nguyên		Con đẻ
8	Nguyễn Thanh Hà	Còn nhớ				Con đẻ

12. Cam kết trước pháp luật:

- Cam kết không vi phạm các quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ của Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMi.

- Tôi cam kết những lời khai trên là đúng sự thật. Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với bất kỳ thông tin nào không đúng với sự thật tại bản khai này.

Xác nhận của thủ trưởng cơ quan
(nếu cá nhân đang làm việc tại pháp nhân) hoặc Ủy ban nhân dân xã, phường nơi cá nhân đăng ký hộ khẩu thường trú (nếu cá nhân không làm việc tại pháp nhân)

Ngày 22 tháng 3 năm 2018
NGƯỜI KHAI
(Ký và ghi rõ họ tên)

Km
Nguyễn Văn Dũng



NGUYỄN VĂN TỐP
GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN



1. Thông tin cá nhân

- Họ và tên: Hà Văn Chuyên
- Năm sinh: 1966 - Giới tính: Nam
- CMND, Căn cước, hộ chiếu: 090763793 - Ngày cấp: 25/11/2012
- Nơi cấp: Công an Tỉnh Thái Nguyên
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Yên lãng Đại Từ Thái Nguyên
- Chức vụ hiện nay: Trưởng phòng Thị Trường-Vật Tổng công ty Công Nghiệp Mỏ Việt Bắc TKV-CTCP
- Liên hệ: Điện thoại: 0912007256
Email: chuyen2021@gmail.com

2. Trình độ học vấn: Đại Học

3. Trình độ chuyên môn: Điện Khí hóa xí nghiệp mỏ

Thời gian	Trường/Nơi đào tạo	Bằng cấp
1984-1989	Đại học mỏ địa chất	Kỹ sư điện khí hóa

4. Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Tên tổ chức
1990-1994	Kỹ thuật	Công ty than Na Dương
1994-2003	Phó phòng cơ điện	Công ty than Núi Hồng
2003-2006	Phó phòng cơ điện	Công ty than Na Dương
2006-2017	Năng lượng trưởng	Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP
2017-Nay	Trưởng phòng IT-VT	Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP

5. Số cổ phần nắm giữ: 0 CP, chiếm 0% vốn điều lệ của Công ty.

Trong đó: - Đại diện sở hữu:.....CP

- Cá nhân sở hữu:.....CP

6. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT/BKS và các chức danh điều hành, quản lý khác:

Ứng viên HĐQT Công ty CP xi măng Quan Triều-VVMI

7. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty (trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên HĐQT/BKS của Công ty): Không.

8. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có): Không

9. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có): Không

10. Các thông tin khác (nếu có): Không

11. Người có liên quan

S T T	Họ và tên	CMND	Ngày cấp	Nơi cấp	Số lượng CP của Công ty	Mối quan hệ
1	Phùng Thị Thái	031097601	05/5/2014	Hải Phòng	0	Vợ
2	Hà Thủy Trang	031908734	10/2/2012	Hải Phòng	0	Con đẻ
3	Hà Thủy Dung	Chưa cấp			0	Con đẻ
4	Hà Minh Tuấn	142706460	6/9/2010	Hải Dương	0	Anh ruột
5	Hà Văn Chuyên	145030314	01/8/2011	Hưng Yên	0	Anh ruột
6	Hà Thị Nhân	141555902	6/10/2011	Hải Dương	0	Em ruột

12. Cam kết trước pháp luật:

- Cam kết không vi phạm các quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI.

- Tôi cam kết những lời khai trên là đúng sự thật. Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với bất kỳ thông tin nào không đúng với sự thật tại bản khai này.

Ngày 20 tháng 3 năm 2018

NGƯỜI KHAI

(Ký và ghi rõ họ tên)

Hà Văn Chuyên

Xác nhận của thủ trưởng cơ quan

(nếu cá nhân đang làm việc tại pháp nhân) hoặc Ủy ban nhân dân xã,

phường nơi cá nhân đăng ký hộ khẩu thường trú (nếu cá nhân không làm việc



Trần Hải Bình

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN



1. Thông tin cá nhân

- Họ và tên: **NGUYỄN THỊ THU HOÀI**
- Năm sinh: **1988** - Giới tính: **Nữ**
- CMND, Căn cước, hộ chiếu: **091582391** - Ngày cấp: **16/02/2006**
- Nơi cấp: **Công an tỉnh Thái Nguyên**
- Quốc tịch: **Việt Nam**
- Địa chỉ thường trú: **Xóm 6 – Sơn Cầm – Phú Lương – Thái Nguyên**
- Chức vụ hiện nay: **Trưởng ban kiểm soát**
- Liên hệ: **Điện thoại: 0988.957.623**
Email: thuhoaiktb52@gmail.com.



2. Trình độ học vấn: 12/12

3. Trình độ chuyên môn:

Thời gian	Trường/Nơi đào tạo	Bằng cấp
2007-2011	Trường đại học Mở - Địa chất	Cử nhân kinh tế
2010	Học viện Tài chính	Chứng chỉ kế toán ngân hàng
2017	Học viện tài chính	Chứng chỉ kế toán trưởng

4. Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Tên tổ chức
06/2012 – 10/2014	Chuyên viên kế toán	Công ty CP xi măng La Tiên
10/2014 – 09/2017	Kế toán tổng hợp	Công ty CP xi măng La Tiên
09/2017 – 11/2017	Phó phòng KTTKTC	Công ty CP xi măng La Tiên
11/2017 - Nay	Trưởng ban kiểm soát	Công ty CP xi măng La Tiên

5. Số cổ phần nắm giữ: 0 CP, chiếm 0% vốn điều lệ của Công ty.

- Trong đó: - Đại diện sở hữu: 0 CP
 - Cá nhân sở hữu: 0 CP

6. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT/BKS và các chức danh điều hành, quản lý khác:

Không

7. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty (trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên HĐQT/BKS của Công ty):

Trong thời gian giữ chức vụ Trưởng ban kiểm soát chuyên trách – Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI từ 02/11/2017 đến nay, bản thân tôi luôn cố gắng hoàn thành nhiệm vụ được giao, luôn duy trì được mối quan hệ trong công tác, hợp tác, phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị và Ban điều hành trên nguyên tắc vì lợi ích của Công ty, tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ. Đồng thời thường xuyên giám sát việc thực hiện công bố thông tin của Công ty đúng với các quy định hiện hành, đảm bảo thông tin đến cổ đông một cách đầy đủ, chính xác, kịp thời.

8. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có):

.....

9. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có):

Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP

10. Các thông tin khác (nếu có):

.....

11. Người có liên quan

S T T	Họ và tên	CMND	Ngày cấp	Nơi cấp	Số lượng CP của C ô n g t y	Mối quan hệ
1	Nguyễn Sỹ Hùng	090155364	13/07/2010	CA Nguyên Thái		Bố ruột
2	Nguyễn Thị Bích	091972827	18/07/2016	CA Nguyên Thái		Mẹ ruột
3	Nguyễn Thị Thúy Hằng	091044528	06/11/2012	CA Nguyên Thái		Chị gái



4	Lê Hữu Chiến	091534361	11/10/2013	CA Nguyễn	Thái	Chồng
5	Lê Quang Minh			Còn nhỏ		Con ruột

12. Cam kết trước pháp luật:

- Cam kết không vi phạm các quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI.

- Tôi cam kết những lời khai trên là đúng sự thật. Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với bất kỳ thông tin nào không đúng với sự thật tại bản khai này.

Xác nhận của thủ trưởng cơ quan
(nếu cá nhân đang làm việc tại pháp
nhân) hoặc Ủy ban nhân dân xã,
phường nơi cá nhân đăng ký hộ khẩu
thường trú (nếu cá nhân không làm việc
tại pháp nhân)



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Dũng

Ngày 22 tháng 3 năm 2018

NGƯỜI KHAI

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Thu Hoài



BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN



1. Thông tin cá nhân

- Họ và tên: **LÊ THỊ HỒNG CẨM**
- Năm sinh: 22/07/1979 - Giới tính: Nữ
- CMND, Căn cước, hộ chiếu: B6318877 - Ngày cấp: 28/03/2012
- Nơi cấp: Cục Quản lý xuất nhập cảnh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Nhà số 7 ngõ 121 phố Thái Hà- Phường Trung Liệt- Quận Đống Đa- Thành phố Hà Nội
- Chức vụ hiện nay: Chuyên viên phòng kế toán thống kê tài chính
- Liên hệ: Điện thoại: 0903279799

Email: camlehong79@gmail.com

2. Trình độ học vấn: 12/12

3. Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Thời gian	Trường/Nơi đào tạo	Bằng cấp
1997-2001	Trường Đại học tài chính kế toán Hà Nội	Cử nhân kinh tế

4. Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Tên tổ chức
2001-2018	Chuyên viên phòng kế toán thống kê tài chính	Công ty than nội địa nay là Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP

5. Số cổ phần nắm giữ:.....CP, chiếm.....%vốn điều lệ của Công ty.

Trong đó: - Đại diện sở hữu:.....CP

- Cá nhân sở hữu:.....CP

6. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT/BKS và các chức danh điều hành, quản lý khác:

Ủy viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị VVMI

7. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty (trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên HĐQT/BKS của Công ty):

.....

8. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có):

.....

9. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông để cử ứng viên đó (nếu có):

.....

10. Các thông tin khác (nếu có):

.....

11. Người có liên quan (Theo quy định tại khoản 17, Điều 4 của Luật doanh nghiệp; khoản 34, Điều 6 của Luật Chứng khoán):

STT	Họ và tên	CMND	Ngày cấp	Nơi cấp	Số lượng CP của Công ty	Mối quan hệ
1	Lê Kim Bảng	001047001039	09/06/2015	Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư		Bố đẻ
2	Trần Thị Hòa	012435347	7/12/2013	C.A Hà Nội		Mẹ đẻ
3	Lê Thanh Dương	011845567	10/2/2012	C.A Hà Nội		Anh trai
4	Lê Thanh Thùy	001077009983	4/5/2016	Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư		Anh trai

0422
ÔNG
S PH
ANG/L
VVM
A.T.M

5	Triệu Đại	020071000006	23/10/2014	cư Cục CS ĐKQL cư trú và DI.QG về dân cư	Chồng
6	Triệu Đạt				Con trai
7	Triệu Quang Khải				Con trai

12. Cam kết trước pháp luật:

- Cam kết không vi phạm các quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI.

- Tôi cam kết những lời khai trên là đúng sự thật. Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với bất kỳ thông tin nào không đúng với sự thật tại bản khai này.

Ngày 20 tháng 3 năm 2018

NGƯỜI KHAI

(Ký và ghi rõ họ tên)

Cau

Lê Thị Hằng Cau

Xác nhận của thủ trưởng cơ quan
(nếu cá nhân đang làm việc tại pháp nhân) hoặc Ủy ban nhân dân xã, phường nơi cá nhân đăng ký hộ khẩu thường trú (nếu cá nhân không làm việc tại pháp nhân)



Vũ Đình Lân



Số: /NQ-ĐHDCĐ

Thái Nguyên, ngày tháng 3 năm 2018

ĐỰ THẢO



**NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NHIỆM KỲ III (2018-2023)
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Căn cứ điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xi măng La Hiến VVMI.

Căn cứ biên bản họp đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ III (2018-2023) Công ty Cổ phần Xi măng La Hiến VVMI ngày..... tháng năm 2018 dưới sự chủ toạ của Ông Đỗ Huy Hùng - Chủ tịch hội đồng quản trị công ty nhiệm kỳ 2013-2018.

Tham dự đại hội có vị cổ đông của Công ty, sở hữu và đại diện cho cổ phần, bằng % số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Với tinh thần làm việc khẩn trương và trách nhiệm, đại hội đã tập trung giải quyết từng nội dung trong chương trình nghị sự và thống nhất quyết nghị như sau:

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ III (2018-2023) Công ty Cổ phần Xi măng La Hiến VVMI nhất trí thông qua:

1- Báo cáo kết quả thực hiện SXKD nhiệm kỳ II (2013-2018) và phương hướng nhiệm vụ kế hoạch SXKD nhiệm kỳ III (2018-2023) của Công ty Cổ phần Xi măng La Hiến VVMI với một số chỉ tiêu chủ yếu như sau:

1.1 Kết quả kinh doanh nhiệm kỳ II (2013-2018)

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kết quả thực hiện				
			2013	2014	2015	2016	2017
A	Chỉ tiêu hiện vật						
1	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	640.477	620.583	687.972	701.686	729.556
1	<i>Xi măng</i>	<i>Tấn</i>	<i>577.709</i>	<i>464.129</i>	<i>570.345</i>	<i>639.765</i>	<i>700.543</i>
2	<i>Clinker thương phẩm</i>	<i>Tấn</i>	<i>62.768</i>	<i>156.454</i>	<i>117.627</i>	<i>61.921</i>	<i>29.013</i>
B	Tổng doanh thu	Tr.đ	590.399	582.289	649.893	657.994	653.812
1	<i>Xi măng</i>	<i>Tr.đ</i>	<i>541.468</i>	<i>464.863</i>	<i>567.336</i>	<i>615.942</i>	<i>625.106</i>

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kết quả thực hiện				
			2013	2014	2015	2016	2017
2	Clinker thương phẩm	Tr.đ	40.211	100.608	74.291	36.856	16.271
3	Doanh thu, TN khác	Tr.đ	8.720	16.818	8.266	5.196	12.435
C	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	1.553	26.887	32.521	35.434	35.034
D	Tỷ lệ cổ tức	%	-	10	12	15	15
G	Nộp NS nhà nước	Tr.đ	15.234	21.622	29.929	38.115	39.118
E	Lao động và thu nhập						
1	Lao động định mức	Người	876	741	773	789	760
2	Tiền lương bình quân	đ/ng/th	5.164	6.012	7.904	8.121	8.041

1.2 Phương hướng kế hoạch SXKD nhiệm kỳ III (2018-2023).

STT	Chỉ tiêu	Đvt	2018	2019	2020	2021	2022
1	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	680.000	680.000	690.000	700.000	700.000
2	Tổng doanh thu	Tr.đ	572.975	572.975	579.014	581.823	581.823
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	25.000	25.000	26.000	26.000	26.000
4	Trả lãi cổ tức	%	12	12	12	12	12
5	Nộp NS nhà nước	Tr.đ	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000
6	Lao động định mức	Người	700	700	700	700	700
7	Tiền lương bình quân	1000đ /ng/th	7.250	7.250	7.613	7.993	8.073

1.2 Phương hướng kế hoạch ĐTXD nhiệm kỳ (2018 - 2023)

* Dự án thực hiện trong năm 2018 bao gồm:

- Hệ thống quan trắc khí thải tự động : 14,159 tỷ đồng
- Cân cấp than dây chuyền lò quay số 2 : 9,902 tỷ đồng
- Nhà hóa nghiệm : 2,583 tỷ đồng

* Dự án thực hiện trong năm 2019- 2022:

Tập chung vào lập dự án và thực hiện các dự án cải tạo dây chuyền lò quay số 2. Trong quá trình thực hiện Công ty sẽ cân đối bổ sung các dự án hợp lý, kịp thời để phục vụ sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả theo kế hoạch và tiến độ đầu tư.

2- Báo cáo Hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI nhiệm kỳ II (2013-2018) và định hướng hoạt động nhiệm kỳ III (2018-2023).

3- Báo cáo của Ban Kiểm Soát về hoạt động của Công ty nhiệm kỳ II (2013-2018) phương hướng hoạt động nhiệm kỳ III (2018-2023).

4- Thông qua sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI.

5- Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI.

6- Thông qua phương án phân phối lợi nhuận, mức trả cổ tức năm 2017 theo biểu sau:

STT	Nội dung	ĐVT	Tỷ lệ (%)	Số tiền
1	Lợi nhuận trước thuế	Đồng		35.034.632.686
2	Các khoản chi phí không được trừ	Đồng		244.855.000
3	Lợi nhuận trước tính thuế TNDN	Đồng		35.279.487.686
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	Đồng	20	7.055.897.537
5	Lợi nhuận sau thuế	Đồng		27.978.735.149
6	Chi trả cổ tức	Đồng	15	15.000.000.000
7	Lợi nhuận còn lại trích lập các quỹ	Đồng		12.978.735.149
7.1	Trích quỹ đầu phát triển	Đồng		7.787.241.089
7.2	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	Đồng		5.191.494.060
	Trong đó:			
7.2.1	Quỹ khen thưởng	Đồng		2.437.915.155
7.2.2	Quỹ phúc lợi	Đồng		2.437.915.155
7.2.3	Quỹ khen thưởng ban điều hành quản lý	Đồng		315.663.750

7- Quyết toán việc chi trả lương chuyên trách, thù lao cho HĐQT, BKS, thư ký HĐQT năm 2017; Phương án chi trả lương chuyên trách, thù lao cho HĐQT, BKS, thư ký HĐQT năm 2018.

+ Lương chuyên trách, thù lao cho HĐQT, BKS, thư ký HĐQT thực hiện năm 2017:

ĐVT: đồng

Stt	Họ tên	Chức vụ	Thực hiện
1	Ngô Ngọc Sơn	Chủ tịch HĐQT (đến 29/3/2017)	21.420.000
2	Đỗ Huy Hùng	Chủ tịch HĐQT (từ ngày 29/3/2017)	64.260.000
3	Nguyễn Văn Dũng	Thành viên HĐQT	72.000.000
4	Lê Thị Thu Hiền	Thành viên HĐQT	72.000.000
5	Phạm Mạnh Tiến	Thành viên HĐQT	72.000.000
6	Trần Việt Cường	Thành viên HĐQT	72.000.000
7	Nguyễn Anh Tuấn	Trưởng BKS (đến 02/11/2017)	6.000.000

Stt	Họ tên	Chức vụ	Thực hiện
8	Nguyễn Thị Thu Hoài	Trưởng BKS (từ ngày 02/11/2017)	60.715.639
9	Nguyễn Xuân Hậu	Ủy viên BKS	72.000.000
10	Hồ Thị Huệ	Ủy viên BKS	72.000.000
11	Phạm Trung Hợp	Thư ký HĐQT	36.000.000
	Tổng cộng		620.395.639

- Phương án chi trả lương chuyên trách, thù lao cho HĐQT, BKS, thư ký HĐQT năm 2018 (đây là mức tối thiểu, trong năm căn cứ kết quả SXKD nếu tiền lương của các VCQL được quyết toán tăng thì mức chi trả lương chuyên trách, thù lao sẽ tăng tương ứng, nhưng mức chi tối đa không quá 20% mức tiền lương của VCQL) và dự kiến như sau:

STT	Chức danh	Số lượng	KH (đ/ng/th)	Ghi chú
1	Chủ tịch HĐQT	1	4.760.000	
2	Ủy viên HĐQT	4	4.000.000	
3	TB kiểm soát chuyên trách	1	20.000.000	
4	Ủy viên BKS	2	4.000.000	
5	Thư ký HĐQT	1	3.000.000	

8- Lựa chọn Công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 như sau:

Đại hội đồng cổ đông nhất trí uỷ quyền cho HĐQT, BKS Công ty lựa chọn thuê 01 công ty kiểm toán độc lập và có đủ năng lực theo quy định pháp luật để kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty năm 2018 trên cơ sở Quyết định lựa chọn Công ty kiểm toán của Tổng công ty CN mỏ Việt Bắc TKV

9- Thông qua báo cáo tài chính năm 2017 Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI đã được kiểm toán.

10- Công nhận kết quả bầu cử thành viên HĐQT, Công ty nhiệm kỳ III (2018-2023) như sau:

1. Ông (bà)
2. Ông (bà).....
3. Ông (bà)
4. Ông (bà)
5. Ông (bà)

11- Công nhận kết quả bầu cử thành viên BKS, Công ty nhiệm kỳ III (1018-2023) như sau:

1. Ông (bà)
2. Ông (bà)
3. Ông (bà)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI triển khai các nội dung được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết này và tiến hành các thủ tục cần thiết để thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- UBCKNN (thay B/cáo);
- Cty CP CK QT Việt Nam (02b)
- Công bố TT trên Website Cty;
- Các thành viên HĐQT;
- Các thành viên BKS;
- Giám đốc Công ty;
- Cổ đông của Cty;
- Lưu: VP, HĐQT;

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

Đỗ Huy Hùng

